R4(0)3
S552M

SỨC MẠNH QUÂN SỰ VÀ TOÀN CẦU HÓA

(SÁCH THAM KHẢO)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

https://tieulun.hopto.org

chủ - Q hệ q tế ... - Quân sự
Toàn cầu hóa
327.03
R4(0)3 5ch.
S 552 M

SỨC MẠNH QUÂN SỰ VÀ TOÀN CẦU HÓA

Tiếng nói bè bạn

(SÁCH THAM KHẢO)
THƯ VIỆN ĐHKHXH&NV
TP.HỒ CHÍ MINH
Số VVa 13482
Ngày vào sổ

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 2003

https://tieulun.hopto.org

Lời Nhà xuất bản

Để giúp bạn đọc có thêm tài liệu tham khảo về các vấn đề đế quốc và chiến tranh, sức mạnh quân sự và toàn cầu hóa, về phong trào đấu tranh chống chính sách dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực trong quan hệ quốc tế, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản cuốn sách ***Sức mạnh quân sự và toàn cầu hóa****. Cuốn sách bao gồm một số bài viết của các nhà nghiên cứu quốc tế ở trong và ngoài nước, do ông Nguyễn Văn Thanh, Phó Chủ tịch Quỹ Hòa bình và Phát triển, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu phát triển, làm chủ biên với sự giúp đỡ và cộng tác của các tổ chức phi chính phủ, các viện nghiên cứu quốc tế.*

Bằng những dẫn chứng cụ thể và sinh động, cuốn sách đề cập một loạt những vấn đề nóng bỏng và phức tạp trong quan hệ quốc tế hiện nay, nhất là sau sự kiện ngày 11 tháng Chín 2001: quá trình phát triển và bành trướng của chủ nghĩa đế quốc; toàn cầu hóa với chiến tranh và chủ nghĩa quân phiệt; mâu thuẫn giữa các nước đế quốc; những khó khăn mà các đế quốc gặp phải khi

https://tieulun.hopto.org

mở rộng các hành động bành trướng; những vấn đề về chủ nghĩa đơn phương, đánh đòn phủ đầu, v.v..

Trong điều kiện tình hình quốc tế đang có những diễn biến phức tạp, có thể thấy rằng các tác giả cuốn sách đã đi vào nghiên cứu một đề tài khá nhạy cảm, đòi hỏi những phương pháp tiếp cận khách quan, khoa học, lịch sử và lôgích. Những quan điểm nêu trong sách là quan điểm của các tác giả, do đó, nội dung cuốn sách chỉ là một trong những tài liệu tham khảo góp phần giúp bạn đọc suy nghĩ về một chủ đề mang tính thời sự.

Xin giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng Bảy năm 2003

Nhà xuất bản Chính trị quốc gia

https://tieulun.hopto.org

Mục lục

Tương lai nào cho chủ nghĩa đơn phương, 9
Nguyễn Văn Thanh

Có một đế quốc như thế, *Nguyễn Huy Thông* 21

Căn cứ quân sự Hoa Kỳ và đế chế, 45
Ban Biên tập tạp chí Monthly Review

Chủ nghĩa đế quốc và "đế chế", *John Bellamy Foster* 65

Những mối liên hệ giữa toàn cầu hóa tư bản 81
và chủ nghĩa quân phiệt, *Claude Serfati*

Quân sự hóa trong thời đại toàn cầu hóa, 93
John Feffer

... Phương tiện truyền thông toàn cầu và chủ nghĩa 101
đế quốc, *Robert W. McChesney*

https://tieulun.hopto.org

Tăng chi tiêu quân sự và hỗ trợ an ninh sau 11 tháng Chín, *Michelle Ciarrocca và William D. Hartung* 109

Pax Romana chống lại Pax Americana: Các chiến lược tương phản của sự quản lý đế chế, *Walden Bello* 117

Châu Âu: tranh đoạt bá quyền hay kẹt trong khủng hoảng, *Ingo Schmidt* 127

Đồng thuận hoà bình Jakarta, *Hội nghị Jakarta* 151

https://tieulun.hopto.org

Tương lai nào cho chủ nghĩa đơn phương?

Nguyễn Văn Thanh

Khi ba trăm ngàn quân Mỹ cùng sáu chục ngàn quân Anh vượt qua bão táp sa mạc, vượt qua sự phản đối của triệu triệu người trên toàn thế giới, ngang nhiên tiến quân vào chiếm Irắc, một câu hỏi được đặt ra cho mỗi người, chủ nghĩa đơn phương quân phiệt Mỹ sẽ đi đến đâu? Chắc chắn là không phải chỉ đến Bagdad, chắc chắn không phải chỉ dừng lại ở thủ đô một thời thịnh vượng từ thế kỷ thứ VIII và đã từng bị quân Mông Cổ san thành bình địa vào năm 1258 - cùng thời gian với thảm bại trong cuộc xâm lược Việt Nam lần thứ nhất của quân Mông Cổ. Vó ngựa Thành Cát Tư Hãn ngày ấy đã bỏ lại sau lưng những bình nguyên bao la, những nền văn minh Sumer, Akkad, Babylon, Assyrie để tiến về phía Tây, vượt qua nước Nga, Hunggari đến tận nước Pháp, lập nên một đế chế lớn nhất trong lịch sử loài người. Còn quân Mỹ, đội quân hùng mạnh nhất thế

https://tieuluan.hopto.org

giới hiện nay với xe tăng Abrams, máy bay trực thăng Apache, B-2, B-52, với những tàu sân bay khổng lồ và với kho hạt nhân đủ tiêu diệt nhiều trái đất, sẽ đi đến đâu ?

Vào những ngày vận động để giành chiếc ghế quyền lực tối thượng, trong một bài diễn văn quan trọng đọc ở Trường quân sự Citadel, bang Nam Carolina, tháng Chín 1999, ông Bush đã phê phán ông Clinton và Đảng Dân chủ không biết điều chỉnh các chương trình quân sự cho phù hợp với thực tiễn của hậu chiến tranh lạnh. Ứng cử viên của Đảng Cộng hòa đã cam kết sẽ làm lại tất cả để "bắt đầu xây dựng một quân đội của thế kỷ tới". Và ngay từ khi lên nắm quyền tổng thống một quốc gia hùng mạnh nhất thế giới, ông Bush đã tự xác định cho mình hai ưu tiên chiến lược: hiện đại hóa và phát triển các khả năng quân sự và chiếm đoạt những kho dự trữ dầu mỏ của nước ngoài.

Trả đũa những cuộc tấn công khủng bố ở New York và Washington ngày 11 tháng Chín tưởng như sẽ là mục tiêu duy nhất của chính sách đối ngoại Hoa Kỳ và nước Mỹ sẽ tiến hành cuộc thập tự chinh chống khủng bố lâu dài, như lời Tổng thống Bush, cho đến khi "các nhóm khủng bố có mưu đồ thế giới sẽ được phát hiện, bắt giữ và tiêu diệt hết". Nhưng hai ưu tiên chiến lược trên đã kịp kết hợp với cuộc chiến tranh chống khủng bố để trở thành một chiến lược đồng bộ và thống nhất. Và như vậy, sự kiện 11 tháng Chín bỗng trở thành "cái cần thiết bất đắc dĩ" của chính sách đối ngoại Hoa Kỳ.

Ông Bush xác định, trước hết, phải lập một vành đai bất khả xâm phạm để bảo vệ lãnh thổ năm chục bang nước Mỹ - về sau trở thành chương trình chống tên lửa - và bảo đảm ưu thế

https://tieulun.hopto.org

tuyệt đối của Hoa Kỳ trong lĩnh vực vũ khí hiện đại; sau nữa là phát triển khả năng của quân đội Mỹ để có thể xâm chiếm các nước thù địch với Mỹ - về sau được công khai trong việc xác định "trục tội ác"- các nước Irắc, Iran, Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên được liệt kê vào trục đó như Đức-Italia-Nhật trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Tổng thống Hoa Kỳ cũng yêu cầu "cách mạng tư duy quân sự", mà mục đích là vận dụng những thành tựu kỹ thuật và công nghệ mới nhất vào lĩnh vực quân sự như siêu máy tính, công nghệ "tàng hình", vệ tinh viễn thông... Có lẽ quan trọng hơn đối với ông ta là việc sử dụng quân đội đó như thế nào. Địa thế Mỹ cho phép chỉ cần một vành đai bảo vệ chống tên lửa đối phương là đã có thể yên tâm đem quân đi đến những chiến trường xa. Bởi xét cho cùng quân hùng tướng mạnh để làm gì nếu không được đem dùng vào những mục đích chiến lược.

Bush đã giải thích: "Lực lượng vũ trang chúng ta phải cơ động, có sức hủy diệt và dễ triển khai chỉ với một sự hỗ trợ hậu cần tối thiểu. Chúng ta cần phải có khả năng tung sức mạnh đến những nơi thật xa, chỉ trong vài ngày hoặc vài tuần, chứ không phải vài tháng (...) Trên bộ, các đơn vị nặng phải trở nên nhẹ hơn, những đơn vị nhẹ phải có sức công phá hơn. Tất cả phải dễ triển khai hơn".[1] Từ lục quân, đến không quân, hải quân cũng như các đơn vị yểm trợ.

Tư duy quân sự mới, mà cốt lõi là phải bảo đảm cho quân đội Mỹ có thể nhanh chóng triển khai ở bất cứ nơi nào cần đến,

---

1. Có trên địa chỉ www.georgewbush.com/speeches/defense/citadel.asp (2 tháng Mười hai 1999).

https://tieulun.hopto.org

đòi hỏi nhiều thứ nhưng trước hết là phải có ngân sách. Ngay sau khi được bầu, đầu năm 2001, Bush đã giao cho Bộ trưởng Quốc phòng Donald H. Rumsfeld nghiên cứu để "cơ cấu lại lực lượng vũ trang" với ngân sách tăng vọt, điều mà vị bộ trưởng này tỏ ra rất tâm đắc: "Chúng ta cần có những lực lượng vũ trang dễ dàng triển khai và liên kết chặt chẽ với nhau, có thể đến ngay những chiến trường xa xôi, có thể hợp đồng với không quân và hải quân để tấn công nhanh quân địch một cách chính xác và có tính chất hủy diệt". Và đến tháng Chín 2002, đúng một năm sau các cuộc tập kích 11 tháng Chín, Nhà Trắng chẳng cần úp mở đưa ra học thuyết "chiến tranh phòng ngừa": "Chúng ta cần phải thích ứng với mối đe dọa của các đối thủ ngày nay đối với các khả năng và các mục tiêu. Các nhà nước ngoài vòng pháp luật và những tên khủng bố không có ý định tấn công chúng ta theo những phương pháp cổ điển (...) Hoa Kỳ *từ lâu* đã tán thành phản ứng trước để đáp lại một đe dọa rõ rệt đến an ninh quốc gia. Mối đe dọa càng lớn, bất trắc do án binh bất động càng cao, và càng cần phải tiến hành các biện pháp phòng ngừa để bảo vệ đất nước, cho dù còn có những nghi vấn về thời điểm và nơi chốn diễn ra cuộc tấn công của kẻ thù. Để ngăn cản và chặn đứng những hành động như vậy của kẻ thù, Hoa Kỳ tự dành cho mình khả năng, khi cần thiết, hành động bằng cách ra tay trước".[2]

"Đòn phủ đầu", "chiến tranh phòng ngừa", "chủ nghĩa

---

2. *Chiến lược an ninh quốc gia của Hoa Kỳ*, Nhà Trắng, Washington, tháng Chín 2002.

https://tieulun.hopto.org

đơn phương", tựu trung cũng chỉ là Mỹ muốn làm gì thì cứ làm. Trước đây, khi thế giới còn chia làm hai cực, Hoa Kỳ còn phải ý tứ phần nào, còn coi trọng Chương VII của Hiến chương Liên hợp quốc cho phép sử dụng sức mạnh đa phương, nhưng trong thực tế rất hiếm khi Chương VII được viện đến, bởi trật tự hai cực của thế giới ngăn cản việc sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế. Nó được trương ra trong cuộc chiến tranh vùng Vịnh chống Irắc lần thứ nhất năm 1991 và cũng có ảnh hưởng nhất định đến những nghị quyết của Hội đồng bảo an.

Thật ra thì Hoa Kỳ vốn đã quen với việc đơn phương sử dụng sức mạnh: Grênađa (1983), Iran (1984), Nicaragoa (1979-1989), Panama (1989), Libi (1981-1986-1989), Xômali (1992),... Với sự sụp đổ của Liên Xô, chủ nghĩa đơn phương càng đắc thắng và mọi hành động đa phương, nếu có, chỉ là một chiêu bài không hơn không kém. Những hành động đơn phương hay đa phương của Mỹ chỉ nhằm một mục đích tối thượng: kiểm soát toàn bộ hành tinh đi kèm với làm chủ các nguồn năng lượng trên trái đất, điều mà sinh thời Nixon vẫn nói: "dầu mỏ quá quan trọng để nằm trong tay người Arập". Theo báo cáo của Nhóm phát triển chính sách năng lượng quốc gia, do đích thân Phó Tổng thống Richard Cheney chỉ đạo và được công bố ngày 17 tháng Năm 2001, sự phụ thuộc dầu mỏ từ bên ngoài sẽ từ 52 phần trăm năm 2001 tăng lên 66 phần trăm năm 2020, cụ thể là từ 10,4 triệu thùng/ngày lên 16,7 triệu thùng/ngày. Do đó, báo cáo đề xuất chiến lược bảo đảm dầu mỏ cho Hoa Kỳ trong vòng hai mươi lăm năm tới và đó là "một

https://tieulun.hopto.org

ưu tiên của chính sách thương mại và đối ngoại", thực chất để bảo đảm cho sự thống trị toàn cầu của Mỹ.

Đúng, Hoa Kỳ có một mục đích duy nhất là thống trị toàn cầu. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Hoa Kỳ (và Anh Quốc) cho ra đời cặp song sinh Bretton Woods là Quỹ Tiền tệ quốc tế và Ngân hàng Thế giới, rồi sau đó là GATT, tiền thân của WTO ngày nay, để thống trị toàn thế giới bằng kinh tế, tài chính và thương mại. Nhưng cũng vào thời gian này, từ những năm 1970, chủ nghĩa bảo thủ mới không bằng lòng với một thế giới hai cực, chủ trương xây dựng sự thống nhất xã hội bằng chiến tranh và bằng sự động viên thường trực, bảo đảm vị trí chiến lược thượng phong toàn cầu của Hoa Kỳ. Vào giữa những năm 1970, cánh hữu diều hâu phá hoại chính sách hòa hoãn Đông-Tây để tiến hành một cuộc động viên quân sự lớn nhất trong những năm 1980 và để chôn sâu sự "chung sống hòa bình" của hai hệ thống. Ngay cả Kissinger và Nixon, những người chống Cộng khét tiếng, cũng bị coi là gây phương hại cho nước Mỹ. Sau này, chính Kissinger đã nói rõ, "trong lúc những người chủ trương chiến tranh lạnh sử dụng ngăn chặn để thúc đẩy thay đổi (hệ thống Xô viết) thì những người kế nhiệm hứa hẹn những thay đổi lớn lao bằng áp lực trực tiếp của Hoa Kỳ".[3] Ronald Reagan đã nói năm 1976, cái năm mà từ ngữ hoà hoãn biến mất khỏi từ vựng chính trị Hoa Kỳ: "Đất nước này đã rơi xuống vị trí thứ hai trong một thế giới mà người ta sẽ lâm nguy, nếu không nói là sẽ mệnh chung, khi đứng ở vị trí thứ

3. Henry Kissinger, *Ngoại giao*, Simon & Shuster, New York, 1994, tr. 755.

https://tieulun.hopto.org

hai". Richard Perle, một trong những thành phần bảo thủ nhất của chính quyền hiện tại đã không giấu giếm khi trả lời phỏng vấn ngày 13 tháng Ba 1997: "Cần phải chứng minh sự hoà hoãn là bất thành, và phải lập lại các mục tiêu của chiến thắng".

Những tưởng sự sụp đổ của Liên Xô sẽ khiến cho Hoa Kỳ bằng lòng với một thế giới đơn cực, nhưng không phải vậy. "Đế chế tội ác" - từ của Reagan chỉ nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên của thế giới - không còn thì phải có đối thủ nào đó thế chỗ để nước Mỹ tiếp tục được động viên và biện minh cho sự cần thiết duy trì cỗ máy chiến tranh của chủ nghĩa tư bản Hoa Kỳ để răn đe toàn thế giới. Chiến tranh vùng Vịnh năm 1991 là dịp để Mỹ - mà như Dick Cheney lúc bấy giờ là bộ trưởng quốc phòng đã nói - tiếp tục khẳng định vai trò bá chủ, vì Hoa Kỳ có nhiều quyền lợi quan trọng không những ở Đông Nam Á mà cả tại châu Âu, châu Á và Thái Bình Dương, Mỹ Latinh và Trung Mỹ.

Trong Chỉ đạo chính sách quốc phòng 1992-1994, tài liệu Lầu Năm góc vạch rõ "phải ngăn chặn mọi đối thủ chiếm lĩnh các vùng có những nguồn lực khả dĩ giúp họ trở thành đại cường quốc" và "làm nản lòng các nước công nghiệp phát triển về mọi ý đồ nhằm thách thức sự lãnh đạo của Hoa Kỳ hoặc làm đảo lộn trật tự chính trị và kinh tế đã được thiết lập" và "ngăn chặn sự trỗi dậy trong tương lai của mọi đối thủ cạnh tranh toàn cầu". Như vậy là không trừ một ai, kể cả bạn đồng minh chí cốt.

Mưu đồ bá chủ toàn cầu đã được phái bảo thủ mới ấp ủ từ những năm 1970, và sau khi đã loại được đối thủ lớn nhất, Liên

https://tieulun.hopto.org

Xô xã hội chủ nghĩa, nó được thúc đẩy một cách thường trực bởi những nhân vật thân cận với Dick Cheney như Wolfowitz và Lewis Libby, nay là các thứ trưởng quốc phòng, nhằm thống trị toàn thế giới thông qua ưu thế quân sự tuyệt đối. Cuộc tập kích 11 tháng Chín đã tạo cho Hoa Kỳ cơ hội gần như "muốn làm gì được nấy". Bush chẳng đã lớn tiếng: "Nước Mỹ có thông điệp này gửi tới các nước trên thế giới: Hoặc là theo chúng tôi, hoặc là theo bọn khủng bố. Nếu các ngài chứa chấp những tên khủng bố, các ngài là kẻ khủng bố...". Lợi dụng chống khủng bố, Hoa Kỳ đã thâm nhập được vào Trung Á mà chỉ tốn kém rất ít. Kể từ năm 1993, Mỹ đã đầu tư 13 tỷ USD vào Cadắcxtan, 8 tỷ USD vào Adécbaigian, và chỉ 5 tỷ USD vào Nga vì nước này kiên quyết không cho Mỹ sở hữu hoặc quản lý các nguồn năng lượng. Quân đội Mỹ cũng đã đứng chân được ở khu vực có tới 200 tỷ thùng dầu dự trữ này. Trước hết là căn cứ không quân Khanabad của Udơbêkixtan. Tiếp đến là các căn cứ ở Tátgikixtan, Cươgưxtan rồi Grudia. Mỹ chỉ tốn vào đấy một ít viện trợ: cho Cươgưxtan 24 triệu đôla, Grudia 64 triệu đôla viện trợ quân sự và 100 triệu đôla viện trợ kinh tế, Udơbêkixtan, 160 triệu đôla. Tất cả để Hoa Kỳ vững chân ở Trung Á giàu dầu mỏ, sẽ có cơ chi phối đường ống dẫn dầu Bacu-Tbilixi-Ceyhan, một cảng thuộc Thổ Nhĩ Kỳ trên bờ Địa Trung Hải.

Chủ nghĩa bảo thủ mới trở lại vũ đài chính trị tháng Giêng 2001 đang cố biến Hoa Kỳ thành một đại siêu cường bá chủ hành tinh không có đối thủ. Đối với những người theo học thuyết này thì cuộc tấn công 11 tháng Chín chẳng khác gì một công cụ kích hoạt mở đầu cho cuộc tận diệt chủ nghĩa khủng

https://tieulun.hopto.org

bố, lập liên minh toàn cầu để chống chủ nghĩa khủng bố quốc tế, xâm chiếm Ápganixtan (chính là vì dầu mỏ), phái quân sang Côlômbia, Trung Á, Philíppin... Và nay học thuyết "chiến tranh phòng ngừa" đang được tiến hành với Irắc vẫn sặc mùi dầu mỏ và đậm nét bá quyền.

Chủ nghĩa bảo thủ mới chủ trương Hoa Kỳ tiếp tục sử dụng các công cụ khác của toàn cầu hóa tư bản chủ nghĩa bên cạnh công cụ quân sự: G-7, Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới, Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), vì Mỹ cần thống trị toàn diện và tuyệt đối toàn cầu. Nhưng Mỹ chủ trương phi đa phương hoá từng bước. Nói cách khác, chỉ đa phương khi không thể đơn phương và khi đa phương có lợi cho Mỹ. Tổng thống Hoa Kỳ không chấp nhận Nghị định thư Kyoto về giảm khí thải hiệu ứng nhà kính, đơn phương hủy bỏ Hiệp ước ABM về tên lửa đạn đạo, Hiệp ước thành lập tòa án hình sự quốc tế, Hiệp ước cấm mìn sát thương cá nhân, Công ước cấm vũ khí sinh học và cả Công ước Geneva về tù binh ở trại Guantanamo... Hoa Kỳ đã 68 lần can thiệp quân sự ở các nước, 39 lần phản đối các nghị quyết được tất cả các nước thông qua ở Liên hợp quốc.

Từng bước, từng bước chứ không như những vó ngựa cuồng phong Nguyên-Mông, nhân danh những lý tưởng cao cả- tự do, dân chủ, văn minh - hơn năm mươi năm nay, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ đã trở thành một nhà nước thực dân quân sự kiểu mới. Khoảng thời gian này là khoảng thời gian nuôi dưỡng vẫn những tham vọng bá quyền muôn thuở: vẽ lại bản đồ thế giới (chứ không còn phải đi tìm những chân trời mới nữa trên hành

https://tieulun.hopto.org

tinh này), vẽ lại đường biên giới, thuần phục các dân tộc và các quốc gia nhỏ yếu, mại bản hóa tầng lớp thống trị, phổ biến văn hóa và lối sống Mỹ.

Thật chẳng khác gì chủ nghĩa thực dân những thế kỷ trước. "Nhờ có chủ nghĩa đế quốc nên nghèo trở thành giàu, dã man được khai hóa, mù tối trở thành ánh sáng, trật tự sẽ đến với nơi xưa kia chỉ là hỗn mang và mọi rợ", như lời mỉa mai của nhà sử học Douglas Porch trong tác phẩm "Chiến tranh giữa các đế chế". Ngay cả châu Âu dường như cũng không tránh khỏi xu hướng ly tâm của chủ nghĩa đơn phương. Pháp và Đức đang muốn làm đối trọng nhưng không phải là đối địch, và phải chăng có thể mở đường cho những cực khác ở châu Á, Mỹ Latinh, và làm cho những quốc gia thần thuộc bấy lâu phải suy nghĩ lại.

Ngoại trưởng Pháp M. de Villepin đã nói rất chí lý: "Chúng tôi tin chắc rằng cần phải có một thế giới đa cực, và một cường quốc độc nhất sẽ không thể bảo đảm được trật tự thế giới".[4] Nước Pháp là một minh chứng rõ rệt. Mặc cho Mỹ phản đối kịch liệt, Pháp vẫn chủ trương tự bảo vệ, vẫn lập kho nguyên tử riêng, vẫn lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc năm 1964. Cay cú cho Hoa Kỳ hơn là De Gaulle yêu cầu Mỹ phải đàm phán với những lực lượng kháng chiến Việt Nam, bất kể kết cục sẽ dẫn tới một chế độ chính trị nào. Và sau đó là những bước đi của Pháp ở Mỹ Latinh, ở Québec, Canada, được xem như những thách thức đối với bá quyền Hoa Kỳ ở ngay châu Mỹ. Nhưng Pháp dường như chỉ là một kỵ sĩ cô đơn và có

4. *Le Journal du Dimanche*, Paris, 16 tháng Hai 2003.

https://tieulun.hopto.org

lúc cũng phải gác kiếm như đã từng là một trong 26 quốc gia liên minh chống Irắc năm 1991. Tình hình nay có khác trước: Đức, Nga, và cả Trung Quốc cũng như nhiều nước khác đang chống chủ nghĩa đơn phương, một mỹ từ chỉ chủ nghĩa bá quyền nước lớn Hoa Kỳ. Quan trọng hơn, một mặt trận nhân dân chống chiến tranh đang hình thành, còn lớn hơn cả mặt trận ủng hộ nhân dân Việt Nam trong cuộc chiến tranh chống Mỹ. Mặt trận này từ liên minh chống Tổ chức Thương mại thế giới, IMF, Ngân hàng Thế giới ở Xiatơn, Genoa, Davos... đã chuyển sang chống chiến tranh cường quyền.

Chủ nghĩa đơn phương đang phân hóa châu Âu, phân hóa các nước Arập, phân hóa các nước Trung Á. Nhưng nó đang giúp đoàn kết nhân dân các nước và các khu vực đó. Nước Mỹ đang thi hành chính sách đơn phương trong chính trị đối ngoại, nhưng nước Mỹ cũng đang bị phân hóa nội bộ, đang bị đa cực hóa nội bộ. Có thể thấy trước, một nước Mỹ mới sẽ thoát ra từ những sai lầm chiến lược bị chính nhân dân mình lên án, bị loài người phản đối, để trở thành một nước Mỹ của hòa bình, của dân chủ, của nhân dân. Phải mất nhiều năm, nhiều thập kỷ, thậm chí lâu hơn nữa, nhưng đó là cái tất yếu, đó là quy luật. Lịch sử đã cho ta thấy những đế chế mọc lên rồi tiêu vong. Bởi sự thịnh suy của đế chế phụ thuộc vào ý thức hệ, vào chính trị, vào sức mạnh kinh tế, vào kỹ thuật - công nghệ, và vào quân sự. Cái này làm tiền đề cho cái kia. Nhưng khi một đế chế đã phải dùng đến bạo lực dã man nhất để tồn tại thì đó cũng là báo hiệu sự tiêu vong của nó. Lịch sử sẽ viết rằng "cuộc xâm lược Irắc mở đầu cho sự suy tàn của đế chế Hoa Kỳ".

https://tieulun.hopto.org

Có một đế quốc như thế*

Nguyễn Huy Thông

Nhìn lại lịch sử hình thành và phát triển của chủ nghĩa đế quốc có thể giúp hiểu rõ hơn chủ nghĩa bá quyền đế quốc Hoa Kỳ hiện nay. Thật khó có thể đưa ra được một số liệu chính xác về ngày tháng ra đời của chủ nghĩa đế quốc châu Âu. Các nhà sử học thường lấy năm 1492 - năm Columbus (Côlômbô) tiến hành cuộc thám hiểm thứ nhất để tìm những thế giới mới. Năm 1492 cũng là năm Tây Ban Nha đánh đuổi người Moor lập nên một Tây Ban Nha thống nhất có đủ sức mạnh để vượt Đại Tây Dương. Và ngày tháng chấm hết của chủ nghĩa đế quốc thường được xác định là vào đầu những năm 1960 khi hàng loạt các nước thuộc địa cũ noi gương Việt Nam giành lại được độc lập, bằng đấu tranh vũ trang

* Dựa vào tư liệu của John Isbister, *Chủ nghĩa đế quốc: Lời hứa bỏ quên, sự phản bội, những thay đổi xã hội của thế giới thứ ba* (biên tập lần thứ ba), Kumarian Press, 1995.

THƯ VIỆN ĐHKHXH & NV
TP.HỒ CHÍ MINH
Số VV 13482
Ngày vào sổ

https://tieulun.hopto.org

như Angiêri hoặc bằng dàn xếp hòa bình. Tuy nhiên, chủ nghĩa đế quốc như đã và đang thấy, không chết mà chỉ thay hình đổi dạng như nàng Meduse trong thần thoại Hy Lạp, mình người tóc là bầy rắn, bị chặt đầu thì biến thành ngựa có cánh Pegase.

Lịch sử chinh phục thực dân hay chủ nghĩa đế quốc châu Âu, theo nhà kinh tế học người Anh J.A.Hobson được Lênin sử dụng trong một số phân tích, có thể được chia ra làm ba giai đoạn: 1492-1776: bành trướng toàn cầu; 1776-1870: sự thống trị của đế quốc Anh và sự triệt thoái của một số chủ nghĩa đế quốc khác; 1870-1914: "chủ nghĩa đế quốc mới". Từ sau chiến tranh 1914-1918 và nhất là từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa đế quốc Hoa Kỳ thay thế vai trò của đế quốc Anh.

1492-1776: bành trướng toàn cầu

Trong thời sơ kỳ, chủ nghĩa thực dân đế quốc được tiến hành bằng các cuộc khám phá và chinh phục. Cuối thời Trung Cổ, châu Âu đã có tiếp xúc với châu Á bằng đường bộ. Nhưng chỉ đến khi công nghệ đóng tàu thuyền đạt trình độ cao hơn thì mới có điều kiện tăng cường giao lưu. Từ cuối thế kỷ XV đến XVII những chuyến hải trình khám phá thế giới được thực hiện với quy mô lớn: Colombus vượt qua Đại Tây Dương tìm ra châu Mỹ; Vasco da Gama vòng qua châu Phi đến Ấn Độ; Magellan (Migienlăng) đi vòng quanh thế giới; các cuộc thám hiểm của người Hà Lan đến mũi Hảo Vọng và hướng về phương Đông đến tận Ôxtrâylia và Niu Dilân.

Đế chế châu Âu được thành lập đầu tiên với các thuộc địa Mỹ của Tây Ban Nha, theo chân là Bồ Đào Nha. Các nền văn hóa

https://tieulun.hopto.org

Aztecs ở Mêhicô, Inca ở Pêru tiêu vong trước súng đạn của xâm lược. Những giáo sĩ dòng Đôminic và Francis đi theo binh lính để "cứu vớt linh hồn người bản xứ" nhưng thực chất là cải đạo và xoá sổ nền văn hoá bản địa. "Thật khó nói ai phá hoại nhiều hơn, quân sĩ hay các bậc tu hành. Trong công cuộc tìm kiếm của cải, bá quyền và cải đạo, họ đã cùng nhau thống trị một đại lục, huỷ diệt hàng triệu sinh mạng và biến những người còn sống sót thành tôi đòi".[1]

Người Tây Ban Nha không sánh nổi người Anh về tội ác đã man gây cho người bản địa. Tây Ban Nha chủ yếu cai trị Nam Mỹ, người Anh thống lĩnh Bắc Mỹ. Trong thế kỷ XVII, có khoảng một triệu người Anh định cư ở phần phía Đông của Mỹ. Quá về phía Bắc là người Pháp với số lượng ít hơn nhiều. Phần phía Nam thuộc về Tây Ban Nha. Người Anh gây chiến với Pháp và Tây Ban Nha để cuối cùng giành được cả phần phía Bắc của châu lục này và lập nên Hoa Kỳ. "Thành tích" của họ đáng nói nhất là đã tiêu diệt gần như toàn bộ người da đỏ, một việc mà người Pháp và Tây Ban Nha không làm được.

Hoa Kỳ đã giành được độc lập từ mười ba thuộc địa đầu tiên của Vương quốc Anh và đã xây dựng nền văn hoá và lối sống của họ trên sự tiêu diệt gần như toàn bộ những nền văn hoá bản địa. Họ tự hào có tinh thần chống đế quốc(!) hơn người Anh, người Pháp hay người Hà Lan, nhưng họ cố tình quên rằng họ đã tiêu diệt triệt để người bản xứ hơn những đế quốc kỳ cựu kia. Họ là những kẻ diệt chủng số một trong hàng ngũ chủ nghĩa đế quốc.

---

1. John Isbister, *Sách đã dẫn*, tr.71

https://tieulun.hopto.org

Người châu Phi bị đưa sang châu Mỹ làm nô lệ bổ sung cho lực lượng lao động bản xứ tại các đồn điền và hầm mỏ đế quốc từ nhiều thế kỷ, nhưng đặc biệt là trong thế kỷ XVIII khi ngành trồng bông và mía đường đem lại nhiều lợi nhuận cho các chủ thực dân.

Vào giữa thế kỷ XVIII, đã hình thành một hệ thống thương mại toàn cầu mang tính đế chế. Châu Á mang đến cho châu Âu bông vải, tơ lụa, gia vị, trà; châu Phi tấp nập với ngà voi, vàng và dầu cọ; Bắc Mỹ dồi dào lông thú, cá và gỗ; cả châu Mỹ đem qua châu Âu bông vải, đường và thuốc lá. Nô lệ châu Phi bổ sung nguồn nhân công rẻ mạt cho các thị trường. Các đế quốc Pháp, Anh nổi lên; Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và cả Hà Lan suy yếu. Một mạng lưới thương mại toàn cầu đã hình thành, thực chất là thực dân thương mại hóa, với sự giúp sức của tiến bộ công nghệ.

1776-1870: đế quốc Anh bá chủ

Cách mạng Mỹ thành công năm 1776, nước Anh mất đi thuộc địa giàu có nhất. Chiến tranh năm 1812 giữa các thuộc địa Anh còn sót lại ở Bắc Mỹ chống Hoa Kỳ, dẫn tới việc ra đời của Canada. Chủ nghĩa đế quốc Anh thay hình đổi dạng trong thế kỷ XIX, trở thành "chủ nghĩa đế quốc của thương mại tự do". Nghe có vẻ mâu thuẫn nhưng thực tế là hầu như toàn thế giới buôn bán với nước Anh. Từ Mêhicô đến Áchentina, các nền kinh tế Mỹ Latinh trở thành nơi cung cấp nguyên liệu cơ bản cho thị trường Anh: thịt bò, đường, cà phê, vàng, bạc, vải vóc. "Nước Anh cai trị bằng tiền chứ không phải bằng lực lượng quân sự, nhưng sức

https://tieulun.hopto.org

mạnh đồng tiền còn mạnh hơn bởi nó mua được sự thần phục của lớp thương nhân trung lưu".[2]

Tuy Anh có trả lại Orange Free State và Transvaal cho Nam Phi, nhưng lại thôn tính thêm nhiều vùng ở châu Phi, ở tiểu lục địa Ấn Độ, ở Ôxtrâylia và Niu Dilân, ở Côlômbia thuộc Anh. Chủ nghĩa đế quốc thương mại Anh chủ trương "thương mại với sự kiểm soát không chính thức nếu có thể; thương mại với cai trị khi cần thiết".[3] Nơi nào chịu mở cửa buôn bán thì không cần đến quân sự, nơi nào bế quan toả cảng thì đem quân xâm lược để giao thương. Quân sự luôn giữ vai trò quan trọng, thậm chí quyết định trong thương mại. Chiến tranh nha phiến giữa Anh và Trung Quốc 1839-1842, do Trung Quốc không cho Anh đưa thuốc phiện vào bán. Anh đem quân đánh chiếm Thượng Hải, buộc Trung Quốc phải ký Hiệp định Nam Kinh (29 tháng Tám 1842) nhượng Hồng Kông cho Anh và mở cửa cho châu Âu vào buôn bán. Tệ hơn nữa, còn buộc Trung Quốc phải bồi thường chiến tranh 21 triệu bảng Anh, trong đó có 6 triệu bảng bồi thường cho 20.280 thùng thuốc phiện bị Trung Quốc thiêu hủy, không cho thực dân Anh đầu độc nhân dân mình.[4] Chủ nghĩa đế quốc với tàu to súng lớn hộ tống thương thuyền, đòi thương mại tự do "một chiều" tiếp tục cho đến đầu thế kỷ XX. Không chỉ mình Anh Quốc mà cả Pháp và Hoa Kỳ

---

2. John Isbister, *Sách đã dẫn*, tr. 75.
3. J.A. Gallagher & R.E. Robinson, "Chủ nghĩa đế quốc của thương mại tự do", *Tạp chí Lịch sử kinh tế*, 1953, tr. 9, 13.
4. Nguyễn Văn Thanh, "Ai nợ ai?" trong *Năm 2000 xóa nợ cho các nước nghèo*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tr. 121.

https://tieulun.hopto.org

cũng tấp tểnh đi theo một chính sách tương tự, tuy nhỏ hơn về quy mô.

1870-1914: "chủ nghĩa đế quốc mới"

Nếu giữa thế kỷ XIX, chủ nghĩa đế quốc gần như là đế quốc Anh độc tôn thì vào cuối thế kỷ đã có thêm nhiều tên tuổi khác: Pháp, Bỉ, Đức, Italia, Bồ Đào Nha, Mỹ và Nhật Bản. Từ năm 1878 đến 1914 (khi các nước châu Âu tiến hành Chiến tranh thế giới thứ nhất), các nước đế quốc chiếm 17 phần trăm lãnh thổ thế giới, trung bình mỗi năm thôn tính thêm 240.000 dặm vuông. Trước năm 1870, châu Phi hầu như không ai biết tới. Nhưng chỉ trong mấy năm, Pháp chiếm Bắc Phi, một phần Trung Phi và Cônggô. Anh kiểm soát Nigiêria, một số nước Tây Phi, Kênya, Uganđa ở Đông Phi, phát triển qua Ai Cập vào Xuđăng, Xômali và sang cả Rôđêdia và Niaxalen. Bồ Đào Nha chiếm Ăngôla và Môdămbích. Bỉ thôn tính Cônggô. Đức xâm chiếm các thuộc địa Tây Nam châu Phi, Camêrun và Tăngganica. Italia thì giành phần Libi ở Bắc Phi, Êritoria và một phần Xômalia ở phía Đông.

Không chỉ châu Phi phía Nam Sahara bị xâu xé mà ngay sát sườn châu Âu cuộc đấu tranh chia phần của các đế quốc cũng diễn ra vô cùng quyết liệt. Đó là sự tan rã của đế chế Ottoman, hay đế chế Thổ Nhĩ Kỳ, trải dài từ Balkan qua Thổ Nhĩ Kỳ đến các thảo nguyên nước Nga rồi vươn tới Ba Tư, Palextin và Ai Cập đến tận bờ Nam Địa Trung Hải với Angiêri và Marốc. Trong thế kỷ XIX, đế chế Ottoman suy yếu tụt hậu về mặt công nghệ so với châu Âu. Chiến tranh Nga - Thổ năm 1877 dẫn đến phần lớn bán đảo Balkan phía Bắc Hy Lạp tách khỏi đế chế Thổ Nhĩ Kỳ. Anh chiếm

https://tieulun.hopto.org

Ai Cập năm 1882 lấy danh nghĩa là để bảo vệ kênh đào Suez đã hoàn thành năm 1869. Pháp chiếm Angiêri và Marốc làm thuộc địa, xâm lấn Tunisia làm lãnh thổ bảo hộ. Đế chế Ottoman đứng về phía thất trận trong Chiến tranh thế giới thứ nhất nên chỉ còn trần trụi vùng lãnh thổ Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay, những phần đất khác bị chia năm xẻ bảy bởi những người chiến thắng: Pháp chiếm Xyri và Libăng, Palextin và Irắc thì thuộc Anh.

Ở tiểu lục địa Ấn Độ, Anh tăng cường sức mạnh chiếm đóng vùng lãnh thổ rộng lớn này, thôn tính Miến Điện (Myanma) năm 1885 để ngăn chặn Pháp, lúc này đã hoàn thành xâm lược các nước Đông Dương, và đặt các bang Malaixia dưới chế độ bảo hộ; trong lúc Hà Lan củng cố sự thống trị trên quần đảo Inđônêxia. Trung Quốc không bị cai trị nhưng thất bại của Mãn Thanh trong cuộc chiến tranh nha phiến 1839-1842 đã buộc triều đình phong kiến phải tô nhượng, phải mở cửa cho "Tây Dương" vào buôn bán, phải mua thuốc phiện. Sau đó, vào 1894-1895, Trung Quốc lại bị Nhật Bản đánh bại, một nước Nhật Bản canh tân Minh Trị không hề biết đến chủ nghĩa tư bản phát triển hòa bình, bằng Hiệp ước Shimonoseki đã đặt ách thống trị lên Đài Loan từ năm 1895, chiếm đóng Triều Tiên năm 1910.

Vào những năm 1880 và 1890, các đảo quốc Thái Bình Dương cũng được các cường quốc chia nhau, nhiều ít, to nhỏ tuỳ sức mạnh quân sự của mỗi nước. Anh chiếm một phần Niu Ghinê và nhiều đảo nhỏ bao gồm các đảo Gilbert, Ellice và đảo Cook. Đức cũng chiếm một phần Niu Ghinê và các đảo Xôlômông, Carolines, Marshalls, Xamoa. Pháp chiếm Tahiti, Tân Calêđôni và chia với Anh đảo New Hebrides. Mấy trăm năm trước đó, nhà

http://tieulun.hopto.org

thám hiểm Hà Lan A.J. Tasman, sau đó là Bougainville và James Cook đã tìm ra Ôxtrâylia và Niu Dilân tạo điều kiện cho người Anh đặt ách thống trị lên những lãnh thổ này và thi hành chính sách di dân người da trắng để chiếm đóng những vùng đất đã có người bản địa ba bốn chục ngàn năm về trước.

Vậy là vào đầu thế kỷ XX, các đế quốc đã thâu tóm hầu như toàn bộ thế giới. Các đế chế đã được dựng lên bằng sức mạnh quân sự; thế giới chia làm hai vùng rõ rệt: trung tâm (các nước đế quốc) và ngoại vi (các nước thuộc địa, bảo hộ và nửa thuộc địa). Hoa Kỳ đã từ một nước thuộc địa nhảy vọt lên đế quốc. Nhật Bản từ một nước phong kiến trải qua duy tân thời Minh Trị Thiên hoàng 1868, căn bản không qua giai đoạn phát triển tư bản trong hòa bình mà dùng cường binh để chiến thắng Trung Quốc năm 1895, đánh bại Nga năm 1905, lập nên đế quốc Nhật Bản gồm Đài Loan, Triều Tiên và các đảo kế cận.

Sức mạnh quân sự đã mở rộng bờ cõi cho các nước đế quốc. Từ hàng ngàn năm trước với phong kiến, từ bốn trăm năm trước với chủ nghĩa tư bản, đế quốc nào có sức mạnh quân sự lớn hơn thì giữ ưu thế. Đế quốc nào không có sức mạnh quân sự thì khó lòng giữ được đế quyền. Sau khi hoàn thành thắng lợi các chính sách duy tân, Nhật Bản đã thi hành quốc sách *Kyo hei Fu koku* (Cường binh phú quốc) và đã dùng sức mạnh quân sự để thôn tính và thống trị một số nước, nhất là trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Thất bại trước đế quốc Mỹ đã buộc Nhật Bản đảo ngược quốc sách thành *Fu koku Kyo hei* (Phú quốc cường binh). Từ năm 1945 đến nay, Nhật Bản đã lớn mạnh hơn nhiều nhưng không nhờ đến quân sự. Liệu đó có phải là chính sách đúng trong hoàn cảnh Nhật

https://tieulun.hopto.org

Bản: chịu núp dưới ô nguyên tử của Mỹ để trở thành giàu có rồi sẽ có quân hùng tướng mạnh?

Dù sao đi nữa, không có lực lượng quân sự hùng hậu nào mà không dựa trên một nền kinh tế phồn thịnh, không có chính sách bành trướng của nhà nước thống trị thì cũng không có chủ nghĩa đế quốc. Đã tốn biết bao giấy mực để trả lời câu hỏi vì sao lại có chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc, nhất là sự bành trướng mạnh mẽ của hiện tượng lịch sử này vào cuối thế kỷ XIX. Năm 1902, nhà kinh tế học Anh J.A. Hobson cho rằng đó là do người châu Âu không thể tiêu thụ hết số hàng hóa do công nghiệp châu Âu sản xuất ra. Những nhà công nghiệp châu Âu phải tìm thị trường mới, trước là cho hàng hóa và tiếp đó là cho tư bản (vốn) của họ. Nhưng muốn giữ vững thị trường và đầu tư thì phải thực hành chính sách thực dân, thực hành sự kiểm soát của đế chế. Là nhà cải cách xã hội, Hobson lập luận rằng chủ nghĩa đế quốc sẽ chấm dứt nếu có được sự phân phối công bằng để người nghèo có thể mua được hàng hóa do nhà tư bản sản xuất. Lối giải thích thuần túy kinh tế và mang nhiều ảo tưởng đó thiếu sức thuyết phục. Một lập luận khác, tuy cũng xuất phát từ sự phân tích kinh tế nhưng xem ra có phần đúng đắn hơn, là sự đòi hỏi của các nước phát triển hơn về nguyên liệu, lao động và lương thực từ các nước kém phát triển.

Để trả lời câu hỏi này, trước hết cần nhận rõ chủ nghĩa đế quốc không phải là một sự phát triển đặc biệt, cũng chẳng phải là một "dị thường". Trên một mức độ rất lớn, lịch sử của các nền văn minh là lịch sử của các đế chế: Hy Lạp, La Mã, Nguyên Mông, các triều đại phong kiến Trung Hoa, Ottoman Thổ Nhĩ Kỳ,

https://tieulun.hopto.org

Tartars, Aztecs, Incas,... trong suốt chiều dài lịch sử nhân loại và ở các bộ phận nào đó của thế giới là những bành trướng, xâm lược, thôn tính ngoại bang để cướp của cải, buộc cống nạp làm giàu mạnh cho chính quốc. Chủ nghĩa đế quốc có thể mở rộng bờ cõi bằng dùng sức mạnh sáp nhập lãnh thổ của các nước láng giềng. Vương Quốc Anh đã từng là minh chủ của Hoa Kỳ, Canađa. Ôxtrâylia, Niu Dilân, Nam Phi. Hoa Kỳ, đến lượt nó, mở rộng ảnh hưởng ra toàn châu lục, xua đuổi người Mỹ bản địa, người Mêhicô và đặt ách thống trị lên nhiều vùng lãnh thổ ở Đại Tây Dương và Thái Bình Dương.

Đế chế là quy luật bành trướng tất yếu của kinh tế, công nghệ và quân sự. Chủ nghĩa đế quốc chỉ là giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản trong thời đại tư bản chủ nghĩa. Nhưng trước đó, đã có biết bao thăng trầm của các đế chế mà những phế tích tìm được là chứng nhân của một thời đoạn lịch sử.

Có thể nói lịch sử thế giới là lịch sử của các nền văn minh mà các đế chế là những lực lượng thúc đẩy đóng vai trò chi phối. Giai cấp thống trị thi hành chính sách đế quốc để giữ vững và bành trướng lãnh thổ. Chủ nghĩa đế quốc phát triển trên sự chênh lệch trong cán cân lực lượng. Toàn bộ lịch sử thế giới là kẻ mạnh thống trị kẻ yếu. Sức mạnh nói ở đây là sự vượt trội về quân sự, về công nghệ (ít nhất cũng là công nghệ phục vụ quân sự và chiến tranh). Các trung tâm đế quyền hầu như luôn luôn là nơi sản sinh ra công nghệ quân sự và sản xuất cao hơn các nước láng giềng. Những người Assyrie, Hy Lạp, La Mã, sau này người châu Âu đều có công nghệ vượt trội, cho dù công nghệ đó chưa hẳn là công nghệ do họ phát minh. Nhưng họ biết lợi dụng những công nghệ

https://tieulun.hopto.org

đó để thống trị và bóc lột các dân tộc khác. Cũng có khi như trường hợp Nguyên Mông vẫn thường bị coi là chỉ thuần túy có sức mạnh vượt trội về quân sự.

Lênin cho rằng "Chính sách thực dân và chủ nghĩa đế quốc đã có ngay từ trước giai đoạn hiện đại của chủ nghĩa tư bản và thậm chí trước cả chủ nghĩa tư bản nữa. La Mã được xây dựng trên cơ sở chế độ nô lệ, đã thực hiện chính sách thực dân và đã thực hành chủ nghĩa đế quốc rồi".[5] Đúng như vậy, thời đại đế quốc chủ nghĩa Âu - Mỹ chỉ là một thời đoạn của lịch sử đế quốc nối tiếp nhau từ xa xưa cho đến thời đương đại. Nếu chỉ nói riêng chủ nghĩa đế quốc tư bản, đế chế Anh đúng là đế chế đầu tiên có thể tự cho là mặt trời không bao giờ lặn trên lãnh thổ bao la của mình, trải dài từ Ailen đến Bắc Mỹ, qua biển Caribê và Mỹ Latinh, trên phần lớn châu Phi và Tây Á (Trung Đông là cách gọi của tư bản), tiểu lục địa Ấn Độ, một bộ phận của Trung Quốc và một số các đảo lớn nhỏ ở Thái Bình Dương. Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hà Lan, Pháp, Đức, Italia, Nhật Bản và sau này là Hoa Kỳ, tất cả đều lập nên những đế chế lớn nhỏ tuỳ sức và tùy thời.

Sự phát triển của khoa học và công nghệ đã giúp bành trướng chủ nghĩa tư bản. Nhưng sức mạnh quân sự mới là yếu tố quyết định đạt được các mục đích đế quốc chủ nghĩa. Chính nhờ có công nghệ nên các nhóm nhỏ những kẻ phiêu lưu mạo hiểm, binh lính và những người định cư mới có thể thống trị hàng triệu người. Hernan Cortez, người Tây Ban Nha, chiếm Mêhicô năm 1519 chỉ

---

5. V.I. Lênin, "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản", *Toàn tập*, Nhà xuất bản Tiến bộ, Matxcơva, 1980. t. 27, tr. 480.

https://tieulun.hopto.org

với vài trăm kỵ sĩ thiện chiến. Những đồn binh Anh Quốc ít ỏi cai trị được người Mỹ bản địa là nhờ có vũ khí tối tân.

Ưu thế công nghệ giúp cho đế quốc nào sở hữu chúng duy trì và thậm chí bành trướng được tham vọng đế quốc. Vào khoảng 1820, các đế quốc, trừ Anh, rút bỏ các cuộc phiêu lưu đế quốc. Chỉ có nước Anh với cách mạng công nghiệp từ cuối thế kỷ XIX, với việc sử dụng máy hơi nước và lập các xưởng chế tạo cơ khí hoá, và nhất là với hạm đội hùng mạnh nhất thế giới mới tiếp tục giữ được vai trò bá chủ thế giới. Nhưng khi các nước châu Âu khác cũng công nghiệp hoá, cũng có sức mạnh kinh tế không kém, vị trí của Anh bị thách thức, các nước đi sau tìm kiếm những phần đất còn lại, và khi không còn nữa, họ quay ra xâu xé nhau, như Chiến tranh thế giới thứ nhất đã minh chứng.

Lênin nhận xét: "Chủ nghĩa tư bản phát triển càng cao, nguyên liệu càng thiếu thốn, sự cạnh tranh càng gay gắt và việc tìm kiếm các nguồn nguyên liệu trên toàn thế giới càng ráo riết, thì cuộc đấu tranh để chiếm thuộc địa càng quyết liệt hơn".[6] Những nhân vật nổi tiếng đương thời ở Anh Cecil Ross, J. Chamberlain đều công khai truyền bá chủ nghĩa đế quốc và thực hành chính sách đế quốc một cách trắng trợn nhất. "Muốn cứu bốn mươi triệu dân Vương quốc Liên hiệp (Anh) thoát khỏi một cuộc nội chiến chém giết lẫn nhau, thì chúng ta, những nhà chính trị thực dân, cần phải chiếm những đất đai mới để cho số dân thừa của chúng ta đến ở và để có những vùng đất mới mà tiêu thụ những hàng hóa sản xuất tại các công xưởng và hầm mỏ

6. Lênin, *Sách đã dẫn*, tr. 481.

https://tieulun.hopto.org

của chúng ta. Đế quốc, như tôi vẫn luôn luôn nói, là một vấn đề cơm áo. Nếu không muốn nội chiến thì phải trở thành những người đế quốc chủ nghĩa". Đó là lời nói của Ross, nhà triệu phú, vua tài chính, kẻ chủ mưu gây ra cuộc chiến tranh Anh - Boer, được Lênin trích dẫn trong tác phẩm "Chủ nghĩa đế quốc" đã dẫn trên. Thủ tướng Anh Tony Blair chẳng qua cũng chỉ lặp lại những tư tưởng của các tiền bối.

Ngày 22 tháng Hai 1927, nhân kỷ niệm ngày sinh của George Washington (1732-1799), Myron Herrick, đại sứ Hoa Kỳ tại Paris đã mở tiệc chiêu đãi đại sứ các nước Mỹ Latinh và phát biểu: "*Hoa Kỳ không thèm khát đất đai. Hoa Kỳ không muốn và cũng chẳng thèm những lãnh thổ mới. Như mọi người am tường đều biết, trong bốn mươi năm qua, Hoa Kỳ luôn tránh những cơ hội dễ dàng và thuận lợi để mở rộng lãnh thổ. Những ai cáo buộc chúng tôi có tham vọng đế quốc, hoặc là vì không nắm được sự việc, hoặc là không thành thật*".[7] Có lẽ ngài đại sứ có bệnh đãng trí hay chính ngài là kẻ nói dối không ngượng mồm. Làm sao ngài có thể quên được Hoa Kỳ đã thôn tính một nửa nước láng giềng Mêhicô, đặt ách thống trị lên Cuba, Haiti, Đôminic, chiếm Panama của Côlômbia, xâm lược Nicaragoa, đô hộ Philíppin.

Ngược dòng lịch sử, ngày 2 tháng Mười hai 1823, trong thông điệp gửi Quốc hội, Tổng thống Hoa Kỳ James Monroe đã đưa ra học thuyết mang tên ông. Chủ nghĩa đế quốc Tây Ban Nha

---

7. Louis Guilaine, "Mỹ Latinh và chủ nghĩa đế quốc", Armand Colin, Paris, 1928; Maurce Lemoine trích lại trong *Le Monde diplomatique*, tháng Năm 2003.

https://tieulun.hopto.org

ở Tây bán cầu kéo dài bốn trăm năm đang đến hồi kết thúc, gợi cho thực dân Anh những thèm muốn, dù "mặt trời không bao giờ lặn trên lãnh thổ của đế chế Anh". Monroe phản đối mọi sự can thiệp của châu Âu vào công việc của châu Mỹ. Ai cũng thấy rõ đó chẳng qua là để dành lục địa này cho một đế quốc mới có vị trí chiến lược thuận lợi và có tiềm lực kinh tế hùng hậu.

Sử biên niên của thế giới ghi lại Hoa Kỳ đã:

- Can thiệp quân sự vào Puectô Ricô năm 1824;
- Can thiệp quân sự vào Mêhicô năm 1845 và 1847;
- Can thiệp quân sự vào Nicaragoa năm 1857;
- Can thiệp quân sự vào tỉnh Panama của Côlômbia và Nicaragoa năm 1860

Trước những hoạt động vũ lực của Hoa Kỳ, năm 1847, chính phủ các nước Chilê, Bôlivia, Êcuađo, Côlômbia và Pêru đã hội họp ở Lima để thảo luận về chủ nghĩa can thiệp của nước lớn phương Bắc. Và đúng như những gì các nước này lo ngại, năm 1848, Hoa Kỳ đã tấn công xâm lược Mêhicô, chiếm một nửa lãnh thổ của nước này từ Texas đến California.

Sau khi chiến thắng trong cuộc nội chiến (1860-1861) và hoàn thành chinh phục Viễn Tây, Hoa Kỳ quyết định Nam tiến. Vào thời gian này, các nước Mỹ Latinh đều giành được độc lập, trừ Cuba. Từ năm 1895, José Marti tiến hành chiến tranh chống Tây Ban Nha để giành độc lập. Ngày 11 tháng Hai 1898, chiến hạm Maine của Hoa Kỳ bị nổ tung trong vịnh Habana. Vin cớ đó, Tổng thống William McKinley tuyên chiến với Tây Ban Nha và đánh chiếm Puectô Ricô, dễ dàng khuất phục nước đế quốc già yếu này. Tây Ban Nha buộc phải ký với Hoa Kỳ Hiệp ước Paris

https://tieulun.hopto.org

ngày 10 tháng Mười hai 1898, từ bỏ chẳng những thuộc địa Cuba mà cả Philíppin.

Đối với Cuba, Hoa Kỳ ép nước này phải thêm vào Hiến pháp của mình tu chính án Platt đã được Thượng nghị viện Mỹ thông qua năm 1901. Theo tu chính án này, Cuba chấp nhận sự can thiệp của Hoa Kỳ nhằm *"bảo vệ nền độc lập của Cuba" (!)* Và để Hoa Kỳ có thể làm tròn "sứ mệnh cao cả" đó, *"Chính phủ Cuba sẽ bán hoặc cho Hoa Kỳ thuê phần lãnh thổ cần thiết để lập các kho bãi chứa than hoặc làm căn cứ hải quân ở một số điểm sẽ được xác định"*. Đó là lý do sự ra đời của căn cứ Guantanamo. Thực tế là Hoa Kỳ được hai căn cứ Guantanamo và Bahia Honda. Nhưng năm 1912, Hoa Kỳ hoàn trả căn cứ Bahia Honda, đổi lại được mở rộng căn cứ Guantanamo.

Hoa Kỳ đã viện đủ mọi cớ để can thiệp vào nội tình Cuba vào những năm 1906, 1912 và 1917. Chính Theodore Roosevelt, được bầu làm tổng thống năm 1903, đã coi việc *thi hành quyền lực cảnh sát quốc tế* ở Tây bán cầu như một *hệ quả của học thuyết Monroe*. Còn Tổng thống William Howard Taft thì đã tuyên bố không cần úp mở năm 1912: *"Toàn bộ Tây bán cầu là thuộc về chúng ta. Trong thực tế, do tính ưu việt chủng tộc, nó đã thuộc về ta trên phương diện tinh thần"*.

Rõ ràng quy chế các nước Mỹ Latinh độc lập thậm chí cũng không bằng các bang của Hoa Kỳ. Hiến pháp Mỹ quy định chính phủ liên bang chỉ được can thiệp hết sức hạn chế vào công việc của các bang, và hơn nữa, còn phải được sự chấp thuận của Quốc hội Liên bang. Nhưng nếu các nước Mỹ Latinh nói đến chủ quyền quốc gia, phản đối can thiệp của Hoa Kỳ thì đó là phản loạn!

https://tieulun.hopto.org

Năm 1878, từ "nhượng địa"của Côsta Rica, một vương quốc chuối của tư bản Hoa Kỳ trải dài trên bờ Đại Tây Dương của nước này và lan xuống cả Côlômbia và Vênêxuêla. Lợi ích kinh tế đã đành, nhưng quan trọng hơn là lợi ích địa chính trị, địa chiến lược của việc có được một thủy lộ nối liền Đại Tây Dương với Thái Bình Dương. Với 10 triệu USD, Hiệp ước Hay-Bruneau-Varilla ngày 18 tháng Mười một 1903, cho phép Hoa Kỳ sử dụng vĩnh viễn kênh đào và dọc hai bờ kênh, mỗi bên rộng tám kilômét và được chủ quyền toàn bộ cả quần thể này. Điều 6 của Hiệp ước liên minh năm 1926 còn trao những quyền đặc biệt cho Washington trong tình huống chiến tranh, biến Panama thực tế trở thành một bang mới của Hoa Kỳ.

Nhưng với Nicaragoa, Hoa Kỳ sử dụng kết hợp sức mạnh quân sự với uy lực của đôla. Năm 1853, lính thủy đánh bộ Mỹ được gửi đến nước này để "bảo vệ tính mạng và quyền lợi của công dân Mỹ". Năm 1912, lính thủy đánh bộ lại được gửi đến để đàn áp những người chống lại việc vay tiền của Hoa Kỳ lấy thu nhập thuế quan làm thế chấp, buộc Nicaragoa phải dành cho Hoa Kỳ cử một tổng thanh tra để kiểm soát thuế quan, do các ngân hàng New York bổ nhiệm và được Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ chấp thuận (!) Một đồn binh Mỹ được thành lập từ năm 1912 đến 1925. Quân cảnh vệ được thành lập do sĩ quan Mỹ chỉ huy mãi cho đến năm 1932. Ở Ônđurat, Hoa Kỳ can thiệp những năm 1903, 1905, 1919 và 1924 để "lập lại trật tự", chủ yếu là để bảo vệ Vương quốc chuối và những công ty Hoa Kỳ khác khai thác đất đai, hầm mỏ và rừng rú của nước này.

Nổi bật hơn cả là việc siêu cường dân chủ bóp chết Haiti. Năm 1915, đô đốc Mỹ William B. Caperton đổ bộ vào Port-au-

https://tieulun.hopto.org

Prince và buộc chính phủ nước này phải "tự nguyện" giao cho người Mỹ quản lý đất nước, từ hành chính dân sự đến quân sự, tài chính, hải quan, ngân hàng. Cả Haiti cũng bị thiết quân luật. Phương thức tương tự cũng được áp dụng ở Đôminica.

Những hiệp định sau này vào những năm 1934 (láng giềng hữu hảo) do Roosevelt đề xướng, Hiệp ước hòa bình Buenos Aires năm 1936 và Hội nghị các nước châu Mỹ ở Lima năm 1936 đã khẳng định chủ quyền độc lập dân tộc cho các nước của châu lục này. Nhưng trong các thập kỷ trước đó, Hoa Kỳ đã mại bản hóa hoặc quân phiệt hóa một tầng lớp tay sai trung thành với quyền lợi của đế chế mới. Những Somoza ở Nicaragoa, Batista ở Cuba, Trujillo ở Đôminican, Gomez ở Vênêxuêla,... đã lần lượt bị các cuộc cách mạng nhân dân quét đi, nhưng Hoa Kỳ vẫn còn dựa được vào những đám mại bản mà họ đã tốn công gây dựng.

Lịch sử cho thấy Hoa Kỳ khởi đầu chủ nghĩa đế quốc bằng sự bành trướng sang phía Tây. Chính sách biệt lập của Washington chính là nhằm làm cho đất nước không bị dính líu với châu Âu để tập trung vào công việc chinh phục phía Tây. Với học thuyết Monroe năm 1823, Hoa Kỳ bày tỏ ý định làm minh chủ Mỹ Latinh, đẩy lùi ảnh hưởng của các đế quốc khác ra khỏi Tây bán cầu. Nhưng ngay từ thập kỷ 1840, đô đốc Perry đã đem pháo thuyền buộc Nhật Bản phải mở cửa cho Hoa Kỳ vào buôn bán và truyền đạo. Năm 1867, Hoa Kỳ mua lại Alaska của Nga với giá rất bèo, chỉ có 7,2 triệu USD. Cũng trong năm này, Hoa Kỳ chính thức chiếm đảo Midway mà họ đã khám phá từ năm 1859. Năm 1898, Hoa Kỳ tuyên bố chính sách mở cửa Trung Hoa, yêu cầu các nước đế quốc đều được quyền buôn bán và các ưu đãi như

https://tieulun.hopto.org

nhau. Như vậy, vào thập kỷ cuối cùng của thế kỷ XIX, kỷ nguyên bành trướng trên lục địa đã hoàn thành. Đồng thời, Hoa Kỳ cũng đã có thêm những lãnh thổ khác ngoài châu lục. "Bằng bất cứ tiêu chuẩn lượng giá nào, Hoa Kỳ ra khỏi cuộc chiến tranh với Tây Ban Nha như một cường quốc thế giới. Hoa Kỳ đã đánh bại một quốc gia châu Âu trong chiến tranh, và cũng nhờ chiến tranh và những nỗ lực bành trướng khác, Hoa Kỳ đã thêm vào lãnh thổ của mình những vùng đủ xa và mang nhiều sắc thái khác nhau để không ai có thể phủ nhận sự hiện hữu của một đế chế Mỹ".[8]

Chủ nghĩa đế quốc Mỹ ngày nay tương tự như chủ nghĩa đế quốc Anh sau thất bại của Napoléon, nhưng cường quyền hơn và có thực lực hơn nhiều. Cũng vẫn là những mục tiêu thực dân đế quốc ngày nào bởi làm sao chịu được những dân tộc từng được họ khai hóa nay lại ngồi cùng bàn với họ. Có khác chăng là bên cạnh những cà phê, chè, ca cao, đường, dầu thực vật... nay có thêm búp bê và đồ chơi trẻ em, giày dép, máy vi tính và linh kiện. Đế chế phải sở hữu những công nghiệp chất lượng cao, công nghiệp trí tuệ và "nhường" lại những ngành sản xuất gây ô nhiễm, những sản phẩm phải tốn nhiều lao động cho các cựu thuộc địa. Các nước này phải tiếp tục cung cấp lao động, nguyên liệu, phải tiếp tục làm thị trường tiêu thụ hàng hoá của trung tâm.

Chúng ta có thể thấy rõ vai trò của sức mạnh quân sự như thế nào trong lịch sử cận đại và đương đại. Trong hơn 200 năm lịch sử

---

8. Hicks, Mowry & Murke, *Nước Mỹ: Lịch sử Hoa Kỳ từ năm 1865 đến ngày nay*, (in lần thứ tư), Houghton Mifflin Compant, Boston, 1965, tr.285.

http://tieulun.hopto.org

của mình, Hoa Kỳ đã can thiệp quân sự vào các nước khác 200 lần, có nghĩa là bình quân mỗi năm một lần, lớn có nhỏ có, thậm chí là chiến tranh thực sự. Đầu những năm 1980, Tổng thống Reagan thừa nhận đã có 125 cuộc can thiệp quân sự của Hoa Kỳ và chính quyền của ông ta đã thêm một số cuộc trong những năm ông chấp chính. Từ sau ngày định mệnh 11 tháng Chín, Hoa Kỳ dường như đã hóa thân, không phải để trở thành một quốc gia của tự do và công lý, mà là một nước Mỹ sặc mùi chiến tranh, một nước Mỹ thách thức mọi chuẩn mực đạo đức, mọi quy tắc nhân quyền. Năm 1997, tờ báo *Der Spiegel* của Đức đã phải thốt lên: "Trong lịch sử thế giới, chưa từng có quốc gia nào ngự trị hành tinh này một cách toàn diện như Hoa Kỳ ngày nay... Nước Mỹ là siêu lực sĩ Schwarzenegger của chính trị quốc tế: phơi trần cơ bắp, ngông nghênh, đe dọa. Trong tình hình không có ai hay không có thứ gì đặt ra giới hạn cho họ thì người Mỹ hành động cứ như thể họ đã có một giấy thông hành hay một tấm séc khống chỉ do McWorld (công ty Thế giới - tưởng tượng) trao cho họ".

Ban Biên tập *Monthly Review*, một tạp chí cánh tả Hoa Kỳ đã nhận xét: "Coi Hoa Kỳ là đế chế thống trị toàn cầu - là La Mã hiện đại - đó là điều rõ như ban ngày. Kể từ năm 1940, nếu không nói là sớm hơn, Hoa Kỳ đã bắt đầu tiến hành một cuộc đấu tranh để duy trì và thậm chí bành trướng vị trí cường quốc đứng đầu thế giới về chính trị, kinh tế và quân sự". Và các tác giả phân tích thêm: "Ngày nay, Hoa Kỳ chiếm một phần ba chi tiêu quân sự và là nước buôn bán vũ khí lớn nhất hành tinh. Và từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Hoa Kỳ cũng là nước gieo rắc tang tóc và tàn phá lên nhiều nơi và nhiều vùng dân cư nhất trên toàn cầu, hơn bất cứ nước nào khác".

https://tieulun.hopto.org

Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước thuộc địa, nửa thuộc địa đã giành được độc lập ở mức này hay mức khác. Các nước ở trung tâm không còn thống trị các nước ở ngoại vi bằng bộ máy quan liêu như trước. Nhưng liệu có thể nói chủ nghĩa đế quốc đã trở thành lịch sử và mọi quốc gia lớn nhỏ đều bình đẳng trong thế giới ngày nay. Dường như về hình thức không còn cảnh thống trị và bị trị. Các nước tham gia Liên hợp quốc được quyền bỏ phiếu, bất kể nước lớn hay nước nhỏ. Nhưng nhân dân thế giới luôn luôn tự hỏi: tại sao chỉ có năm nước trong Hội đồng Bảo an được quyền phủ quyết? Tại sao chỉ có các nước đó được quyền có vũ khí hạt nhân? Tại sao Hoa Kỳ lại có quyền tấn công Irắc bất chấp Liên hợp quốc? Rõ ràng, thế giới này vẫn là thế giới của "cá lớn nuốt cá bé". Người Mỹ chẳng đã có câu "sức mạnh là chân lý" (Might is Right) đó sao?

Con đường trở thành đế quốc số một thế giới của Hoa Kỳ không giống như của Anh. Năm 1914, Đức-Áo-Italia (liên minh tay ba) tiến hành cuộc Chiến tranh đế quốc thế giới lần thứ nhất chống lại Anh-Pháp-Nga (đồng minh tay ba) nhằm chia lại thuộc địa và khu vực ảnh hưởng. Hoa Kỳ có truyền thống trung lập từ thời George Washington (chỉ có một ngoại lệ là cuộc chiến tranh giành độc lập lần thứ hai chống quân Anh năm 1812-1815), tuyên bố "trung lập trong thực tế cũng như trên danh nghĩa". Nhưng cấu thành của dân Mỹ khiến cho chính sách đó khó thực hiện. Tuyệt đại đa số người Mỹ có gốc châu Âu nên chính sách trung lập của Hoa Kỳ khó được đa số nhân dân đồng ý. Quan trọng hơn là chính sách trung lập giúp cho Hoa Kỳ phát đạt, cung cấp được hàng hoá cho cả hai bên đối chiến. Năm 1914, kinh tế Hoa Kỳ ở trong tình

https://tieulun.hopto.org

cảnh thật ảm đạm, 16.000 công ty bị phá sản. Nhưng may mắn cho Mỹ, chiến tranh bùng nổ đã vực nền kinh tế Mỹ dậy. Đồng minh mua nhiều hàng hóa của Mỹ, 824 triệu USD năm 1914 tăng lên 2 tỷ USD năm 1915 rồi 3,2 tỷ USD năm 1916. Trong lúc đó, do Hải quân Anh kiểm soát được các hành lang trên biển, nên thương mại giữa Hoa Kỳ và các cường quốc trung tâm (Đức-Áo-Italia) từ 169 triệu USD năm 1914 đã giảm xuống chỉ còn 1 triệu USD năm 1916. Có lẽ Hoa Kỳ sẽ vẫn tiếp tục chính sách "ngư ông đắc lợi" nếu như Đức không dùng tàu ngầm phong tỏa các hải cảng của Anh Quốc và đánh đắm cả tàu buôn Mỹ đưa hàng sang Anh, kể cả súng đạn.

"Đối với đa số người Mỹ, cảm tình với Đồng minh là một chuyện, và việc Hoa Kỳ can dự vào chiến tranh là một chuyện hoàn toàn khác. Người Mỹ sẵn sàng thu hoạch một mùa vàng bằng việc bán hàng cho bất cứ người nước ngoài nào có thể mua được, nhưng họ không có khái niệm gì về việc từ bỏ chính sách trung lập của nước Mỹ, và họ vững tin pháp luật quốc tế bảo vệ thương mại siêu lợi nhuận thời chiến của họ".[9] Và cũng nhờ chiến tranh, Hoa Kỳ từ chỗ là một con nợ năm 1914, đã trở thành một chủ nợ lớn nhất thế giới với hơn 20 tỷ USD cho Anh, Pháp và Đức vay. Ngoài ra, Hoa Kỳ còn lợi dụng thời cơ các nước đối chiến rút bỏ đầu tư ở Mỹ và ở các thuộc địa để thế chỗ. Thống kê thu nhập năm 1918 cho thấy có hơn 25.000 người Mỹ đã trở thành triệu phú, gấp bốn lần so với trước chiến tranh.

Lịch sử lặp lại trong Chiến tranh thế giới thứ hai, nếu Nhật

---

9. Hicks Mowry & Murke, *Sách đã dẫn*, tr. 391.

https://tieulun.hopto.org

Bản không tấn công cảng Trân Châu thì Hoa Kỳ sẽ đứng trung lập và lợi dụng chiến tranh để làm giàu. Năm 1939, Hoa Kỳ mới sản xuất kim loại trị giá 13 tỷ USD; năm 1944, trị giá đã lên tới 70 tỷ USD. Cũng trong thời gian này, sản xuất cơ khí tăng 700 phần trăm, máy bay tăng mười lần, xe tăng gấp năm lần, tàu thủy gấp năm lần, vận tải biển gấp mười lần. Tính chung, Hoa Kỳ đã bán được cho Đồng minh 37,5 tỷ USD hàng hóa, trong đó vũ khí và tàu thuyền trị giá 16 tỷ USD. Thông qua chiến tranh, bộ máy quân sự của Hoa Kỳ đã có bước phát triển nhảy vọt: hải quân từ 4.500 tàu năm 1941 tăng lên đến 90.000 hạm và tàu đổ bộ, trong đó có 23 thiết giáp hạm, 72 tuần dương hạm, 20 tàu sân bay lớn.

Về phương diện kinh tế, sau khủng hoảng trầm trọng của những năm 1930, kinh tế Hoa Kỳ phát triển mãnh liệt trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Năm 1945, tổng sản lượng của Hoa Kỳ lớn gấp hai phần ba so với năm 1939. Do chiến tranh không trực tiếp diễn ra trên lãnh thổ Hoa Kỳ, nước này chẳng những sản xuất phần lớn bom đạn của thế giới mà còn cải thiện được đời sống của nhân dân, dĩ nhiên phần lợi nhuận lớn nhất lọt vào túi các chủ tư bản. Vào năm 1955, nhân dân Mỹ chiếm 6 phần trăm số dân thế giới đã sản xuất xấp xỉ 50 phần trăm tổng sản phẩm của toàn thế giới. Do chỉ xuất khẩu 5-6 phần trăm lượng hàng đó, nên có thể hình dung của cải tích lũy bên trong nước Mỹ lớn đến nhường nào, và sức mua của dân chúng, ước 150 tỷ USD hàng năm, đã thúc đẩy mạnh mẽ biết nhường nào nền kinh tế Hoa Kỳ trong suốt mười lăm năm với chỉ đôi lần đình đốn ngắn ngủi.

Tuy nhiên, các nước châu Âu và Nhật Bản đã phục hồi mau lẹ sau chiến tranh, một phần là vì những lý do địa chính trị. Hoa

https://tieulun.hopto.org

Kỳ muốn có thêm đồng minh để chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa nên có nhiều nhượng bộ cho những cựu thù về kinh tế để đổi lại sự liên minh về chính trị và quân sự. Năm 1994, Hoa Kỳ chỉ còn sản xuất được 23 phần trăm sản lượng thế giới. Hoa Kỳ cũng không còn đứng thứ nhất về mức sống mà xếp sau Thụy Sĩ, Nhật Bản và các nước Scandinavi (Bắc Âu). Nói cho cùng Hoa Kỳ chỉ còn lực lượng quân sự là đứng đầu thế giới. Và dường như Hoa Kỳ đang đi theo con đường mà Nhật Bản đã phế bỏ, "cường binh phú quốc". Trong các cuộc chiến tranh chống người Anh, chiến tranh xâm lược Mêhicô, chiến tranh chống Tây Ban Nha và hai cuộc chiến tranh thế giới, Hoa Kỳ quả đã nhờ cường binh mà phú quốc. Trong lịch sử hơn 200 năm của mình, Hoa Kỳ tiến hành 200 cuộc chiến tranh và can thiệp quân sự cũng là theo phương châm cường binh phú quốc. Và gần đây, những cuộc chiến tranh Ápganixtan, Irắc cũng vẫn tiếp tục con đường cũ. Đế quốc cần dầu mỏ và nguyên liệu, cần nhân công rẻ mạt và cần thị trường. Ngân sách quân sự Hoa Kỳ sẽ tiếp tục tăng, năm 2004 với 400,5 tỷ USD tăng 4,7 phần trăm so với năm 2003, tăng hơn một phần tư so với trước ngày 11 tháng Chín.

Đế quốc có thịnh có suy. Đế chế Anh, nơi mặt trời không bao giờ lặn, rồi cũng suy tàn. Đế quốc Mỹ rồi cũng chịu chung số phận. Đó là điều không thể tránh khỏi. Phải chăng sức mạnh quân sự của Hoa Kỳ phát triển theo tỷ lệ nghịch với kinh tế. Và đến lượt nó, sự suy yếu về phương diện kinh tế sẽ kéo theo sự suy yếu của sức mạnh quân sự. Người Nhật vẫn thường nói "đi nhờ xe của Hoa Kỳ", núp dưới ô nguyên tử của Mỹ thì không phải chi tiêu nhiều về quân sự, chỉ dưới 1 phần trăm GDP. Nhờ đó mà giàu lên. Nước Đức cũng

https://tieulun.hopto.org

vậy, được xoá nợ chiến phí hai phần ba. Nhờ đó mà phục hồi và phát triển kinh tế rất nhanh. Cả Nhật Bản và Đức đều đang trở thành những thách thức đối với siêu cường số một hành tinh.

Tờ tin *Bulletin* Viện Âu - Á số tháng Tư 2003 đưa ra một quan điểm sau chiến tranh Irắc đáng chú ý: "Thực tế là sức mạnh quân sự trong thế giới ngày nay ngày càng tỏ ra không phải là tất cả. Hoa Kỳ triển khai những vũ khí hiện đại nhất ở Irắc để cố đánh nhanh thắng nhanh. Nhưng Hoa Kỳ cũng bỏ ra nhiều đôla để mua chuộc các tướng lĩnh Irắc. Nếu kẻ thù mới là chủ nghĩa khủng bố quốc tế thì bom chùm và bom uranium làm nghèo phỏng có ích gì. Những vũ khí đó cũng vô ích đối với các cuộc xung đột địa phương và khu vực đang làm biến đổi diện mạo của hành tinh. Liệu có thể sử dụng nó ở Ruanđa một thập kỷ trước? Hoặc ở Cônggô vào lúc này?

Những thách thức trước mắt Liên minh châu Âu - và thực tế là cả cộng đồng thế giới - là kinh tế và xã hội chứ không phải là chính trị và quân sự. Sự điều hành kinh tế như thế nào mới quyết định George Bush có được bầu lại làm tổng thống hay không. Với Tony Blair cũng vậy. Tám nước thuộc Liên Xô trước đây tất nhiên bị quyến rũ bởi triển vọng được "siêu cường" duy nhất lôi kéo tham gia tấn công Irắc. Nhưng họ thừa hiểu cuối cùng thì chính là kinh tế, nền kinh tế của Liên minh châu Âu mở rộng mới là cái họ cần".[10]

Quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản còn dành cho chúng ta nhiều bất ngờ khi nhìn vào quan hệ đồng minh đầy mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản. Ai dám khẳng định rằng những nước này sẽ chịu lép vế mãi mãi.

---

10. Malcolm Subhan, Xã luận của tờ tin *Bulletin* Viện Âu-Á số tháng Tư 2003.

https://tieulun.hopto.org

Căn cứ quân sự Hoa Kỳ và đế chế

*Hoa Kỳ là quốc gia duy nhất thực sự có lợi ích toàn cầu và có một loạt tài sản toàn cầu - chính trị, kinh tế và quân sự. Như vậy, chúng ta là lãnh đạo tự nhiên của cộng đồng quốc tế.**

Ban Biên tập Tạp chí Monthly Review

Những căn cứ của đế chế

Trong suốt lịch sử nhân loại, các đế chế dựa vào các căn cứ quân sự ở nước ngoài để áp đặt luật lệ của mình, và về phương diện này, ít ra Pax Americana cũng không khác gì Pax Romana, Pax Britanica, cũng đều là những nền hòa bình mà siêu cường quốc áp đặt lên thuộc quốc của mình. "Phương thức chính mà La Mã thiết lập sự thống soái chính trị lên thế giới

* Báo cáo của Bộ trưởng Quốc phòng (Mỹ), 1996, tr. viii.

https://tieulun.hopto.org

của mình", theo Arnold Toynbee viết trong *Hoa Kỳ và cách mạng thế giới* (1962), là đặt các nước láng giềng yếu hơn dưới sự che chở của mình, bảo vệ những nước này trước các láng giềng hùng mạnh hơn. Quan hệ của La Mã với những nước bảo hộ đó được chế định thông qua hiệp ước. Về pháp lý, các nước đó vẫn giữ quy chế trước đó là độc lập chủ quyền. Điều lớn nhất mà La Mã đòi hỏi về lãnh thổ là các nước đó nhượng lại cho La Mã một phần đất để xây dựng pháo đài nhằm bảo vệ an ninh cho đồng minh và cho chính bản thân La Mã.

Ít ra thì La Mã cũng bắt đầu như vậy. Nhưng rồi với thời gian, "lãnh thổ bao la của những đồng minh một thời của La Mã", được bảo vệ bởi hệ thống các căn cứ quân sự đó, "bỗng nhiên đã trở thành một bộ phận của đế chế La Mã cũng giống như những lãnh thổ nhỏ hơn của kẻ thù một thời của La Mã mà đế chế đã thôn tính một cách công khai". (tr. 105-106)

Vào thời huy hoàng nhất của mình, với tư cách là cường quốc tư bản hàng đầu trong thế kỷ XIX, Vương quốc Anh cai trị một đế chế thuộc địa cũng nhờ vào một hệ thống các căn cứ quân sự. Như Robert Harkavy trình bày trong một tác phẩm quan trọng, *Sự cạnh tranh giành căn cứ hải ngoại của các cường quốc* (1982), những căn cứ đó được triển khai trên bốn mạng dọc hành lang biển do hải quân Anh làm chủ: (1) Địa Trung Hải từ kênh Suez đến Ấn Độ; (2) Nam Á, Viễn Đông và Thái Bình Dương; (3) Bắc Mỹ và Caribê; và (4) Tây Phi và Nam Đại Tây Dương. Trong thời cực thịnh, đế chế Anh có các căn cứ quân sự tại 35 nước thuộc địa. Mặc dù bá quyền của Anh Quốc suy giảm nhanh vào đầu thế kỷ XX, những căn cứ quân sự đó vẫn còn tồn

https://tieulun.hopto.org

tại khi đế chế vẫn được duy trì, hơn nữa, còn bành trướng thêm một thời gian ngắn trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Tuy nhiên, ngay sau khi chiến tranh chấm dứt, đế chế Anh sụp đổ, và đại bộ phận các căn cứ quân sự đó phải từ bỏ.

Sự suy sụp của đế chế Anh đi kèm với sự nổi lên của một đế chế khác, Hoa Kỳ, chiếm địa vị của Anh, trở thành cường quốc bá quyền của thế giới kinh tế tư bản chủ nghĩa. Hoa Kỳ ra khỏi Chiến tranh thế giới thứ hai với một hệ thống căn cứ quân sự phát triển mà thế giới chưa từng thấy. Theo James Blaker, cố vấn của Phó chủ tịch Hội đồng tham mưu liên quân, hệ thống căn cứ quân sự hải ngoại đó bao gồm hơn 30.000 thiết trí đặt tại 2.000 căn cứ thuộc hơn một trăm quốc gia và lãnh thổ, chạy dài từ Bắc cực đến Nam cực, trải khắp tất cả các châu lục và các đảo nằm giữa các châu lục đó. Blaker viết: "Ngay sau độc quyền hạt nhân của Hoa Kỳ, không có biểu tượng vị thế siêu cường nào của quốc gia được nhất trí thừa nhận bằng hệ thống căn cứ hải ngoại".[1]

Lập trường chính thức của Hoa Kỳ đối với các căn cứ quân sự đó sau chiến tranh là phải duy trì đến mức cao nhất có thể, và cần thiết lập thêm những căn cứ khác nữa. Tại Hội nghị Pôsđam ngày 7 tháng Tám 1945, Tổng thống Harry Truman tuyên bố:

---

1. James R. Blaker, *Căn cứ hải ngoại của Hoa Kỳ* (New York: Praeger, 1990). Công trình nghiên cứu này được Văn phòng Bộ trưởng Quốc phòng hỗ trợ. Do không có định nghĩa thế nào là một căn cứ quân sự, nên tính số lượng căn cứ rất khó. Blaker định nghĩa căn cứ quân sự là căn cứ được lực lượng quân sự "sử dụng thường xuyên". Mọi công trình trong bán kính 25 dặm được coi là thuộc một căn cứ. Ngoài phạm vi đó là một căn cứ khác.

https://tieulun.hopto.org

"Mặc dù Hoa Kỳ không muốn lợi lộc hoặc lợi thế ích kỷ từ cuộc chiến tranh này, chúng tôi sẽ duy trì các căn cứ quân sự cần thiết để bảo vệ được hoàn toàn quyền lợi của chúng tôi và của hòa bình thế giới. Những căn cứ mà các chuyên gia quân sự thấy là cần cho việc bảo vệ của chúng tôi, chúng tôi sẽ giành lấy. Chúng tôi sẽ giành những căn cứ đó bằng những dàn xếp nhất quán với Hiến chương Liên hợp quốc".[2]

Thế nhưng, chiều hướng chủ đạo từ khi chấm dứt Chiến tranh thế giới thứ hai cho đến chiến tranh Triều Tiên là giảm bớt một số căn cứ hải ngoại của Hoa Kỳ. Cũng theo Blaker, "Một nửa căn cứ thời chiến đã bỏ đi sau hai năm tính từ ngày chiến thắng, và một nửa của số còn lại cũng bị giải thể vào năm 1949".[3] Việc giảm căn cứ quân sự hải ngoại sau chiến tranh đã được đình lại với sự bùng nổ của chiến tranh Triều Tiên, số lượng căn cứ lại tăng lên, và tăng hơn nữa với cuộc chiến tranh Việt Nam. Chỉ sau chiến tranh Việt Nam, số lượng căn cứ hải ngoại mới lại giảm đi. Vào năm 1988, số lượng các căn cứ ít hơn một chút so với thời sau chiến tranh Triều Tiên, nhưng sự phân bố của các căn cứ này trên toàn cầu rất khác so với lúc bắt đầu thời hậu Chiến tranh thế giới thứ hai, số lượng căn cứ giảm mạnh nhất ở Nam Á, Trung Đông và châu Phi (xem Bảng 1).

---

2. Trích dẫn trong C.T. Sandars, *Những căn cứ hải ngoại của Hoa Kỳ: Đế chế thuê mướn căn cứ* (Oxford: Oxford University Press, 2000), 5.
3. James R. Blaker, *Sách đã dẫn*, tr.32.

https://tieulun.hopto.org

Bảng 1: **Căn cứ hải ngoại của Hoa Kỳ theo khu vực, 1947-1988**

	1947	1949	1953	1957	1967	1975	1988
Châu Âu, Canađa, và Bắc Đại Tây Dương	506	258	446	566	673	633	627
Thái Bình Dương và Đông Nam Á	343	235	291	256	271	183	121
Mỹ Latinh & Caribê	113	59	61	46	55	40	39
Trung Đông và châu Phi	74	28	17	15	15	9	7
Nam Á	103	2	0	0	0	0	0
Tổng	***1.139***	***582***	***815***	***883***	***1.014***	***865***	***794***

Nguồn: James R. Blaker, *Căn cứ hải ngoại của Hoa Kỳ* (New York: Praeger, 1990), Bảng 1.2.

Về lịch sử, các căn cứ thường giành được trong thời kỳ chiến tranh. Chẳng hạn, căn cứ hải quân Guantanamo, Cuba, Mỹ giành được sau Chiến tranh Tây Ban Nha-Mỹ. Mặc dù về mặt kỹ thuật, căn cứ này là "cho thuê", nhưng là thuê thường trực. Theo hiệp ước, quyền tài phán của Hoa Kỳ chỉ chấm dứt với sự đồng thuận *tương hỗ* của cả hai nước Cuba và Hoa Kỳ chừng nào tiền thuê danh nghĩa vẫn được trả hàng năm - tạo cho Hoa Kỳ có "quyền" đối với phần đất này vĩnh viễn, bất chấp quan điểm của Chính phủ và nhân dân Cuba. Kể từ sau Cách mạng Cuba, phiếu chuyển ngân (séc) của Hoa Kỳ trả cho

https://tieuluan.hopto.org

việc thuê căn cứ chỉ được thực hiện một lần (kể từ sau cách mạng). Những séc sau đó, phía Cuba giữ lại mà không nhận tiền, phù hợp với yêu cầu của Cuba là căn cứ này phải chuyển ra khỏi lãnh thổ Cuba.

Nhiều căn cứ hiện nay của Hoa Kỳ đã giành được từ các cuộc chiến tranh sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chiến tranh Triều Tiên, chiến tranh Việt Nam, chiến tranh vùng Vịnh và chiến tranh ở Ápganixtan. Các căn cứ quân sự Mỹ ở Okinawa, chính thức là một bộ phận của lãnh thổ Nhật Bản, là một di sản của sự chiếm đóng Nhật Bản của Hoa Kỳ trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

Cũng như mọi đế chế, Hoa Kỳ rất miễn cưỡng nếu buộc phải trả lại bất cứ căn cứ nào một khi đã giành được nó. Các căn cứ chiếm được trong một cuộc chiến tranh được coi như những vị trí tiền phương của một cuộc chiến tranh tương lai, thường là để chống một kẻ thù hoàn toàn mới. Theo một báo cáo do Tiểu ban các cam kết và hiệp định an ninh ở nước ngoài, Ủy ban liên lạc đối ngoại Thượng nghị viện, công bố ngày 21 tháng Mười hai 1970, "Khi một căn cứ hải ngoại của Mỹ đã được thiết lập, nó sẽ có cuộc sống riêng của nó. Những sứ mệnh nguyên thủy có thể trở thành lỗi thời, nhưng những sứ mệnh khác được triển khai, không chỉ nhằm mục đích duy trì hoạt động của các phương tiện mà thực tế thường là mở rộng căn cứ hơn nữa. Trong các cơ quan chính phủ có quan hệ trực tiếp nhất - ngoại giao và quốc phòng - chúng tôi không thấy có mấy đề xuất giảm hoặc loại bỏ bất cứ căn cứ hải ngoại nào" (tr.19-20). Vào những năm 1950 và 1960, Hoa Kỳ chủ trương

https://tieulun.hopto.org

học thuyết "khước từ chiến lược", theo đó không được từ bỏ bất cứ căn cứ nào có khả năng sau đó sẽ lọt về tay của Liên Xô. Đại đa số căn cứ của Hoa Kỳ được biện minh là để "cảnh báo" và "kiềm chế" chủ nghĩa cộng sản. Thế nhưng, sau khi Liên Xô sụp đổ, Hoa Kỳ vẫn tìm cách duy trì toàn bộ hệ thống căn cứ với lý do là cần thiết cho việc triển khai sức mạnh trên toàn cầu và bảo vệ những lợi ích của Hoa Kỳ ở nước ngoài.

Sau chiến tranh lạnh

Sau *cải tổ* và *công khai* cuối những năm 1980, tiếp đó là sự sụp đổ của Đông Âu năm 1989 và tiếp đó là của bản thân Liên Xô năm 1991, những hy vọng rằng hệ thống căn cứ Mỹ sẽ mau chóng được giải thể, đặc biệt là trong những người mê muội luận điệu rằng những căn cứ đó chỉ nhằm kiềm chế mối đe dọa của Liên Xô. Thế nhưng báo cáo thường niên của Bộ Quốc phòng, *Báo cáo của Bộ trưởng Quốc phòng năm 1989*, nhấn mạnh việc "triển khai lực lượng" của Hoa Kỳ cần đến sự "bố trí tiền phương" đó (tr.41).

Ngày 2 tháng Tám 1990, Tổng thống George Bush (cha) ra tuyên bố nói rõ rằng, trong lúc cần giữ nguyên hệ thống căn cứ hải ngoại của Hoa Kỳ thì đến năm 1995, những nhu cầu an ninh toàn cầu có thể được đáp ứng bằng một lực lượng thường trực ít hơn 25 phần trăm so với năm 1990. Cũng trong ngày đó, Irắc xâm chiếm Côoét. Việc triển khai quân Mỹ ồ ạt vào Trung Đông trong Chiến tranh vùng Vịnh đã dẫn đến tuyên cáo về một trật tự thế giới mới đặt trên nền tảng của bá quyền Hoa Kỳ và sức mạnh quân sự của Hoa Kỳ. Bush tuyên bố: "Ơn Chúa, chúng ta đã xua

https://tieulun.hopto.org

được Hội chứng Việt Nam vĩnh viễn".[4] Các căn cứ quân sự mới được thiết lập ở Trung Đông, nhất là ở Arập Xêút, nơi hàng ngàn quân Mỹ đã đồn trú hơn một thập kỷ.

Mặc dù chính quyền Clinton nhấn mạnh hơn chính quyền Bush đi trước trong việc cần thiết giảm cam kết quân sự nước ngoài của Hoa Kỳ, không có cố gắng nào để giảm sự "hiện diện ở tuyến trước" ở nước ngoài của Hoa Kỳ thông qua các căn cứ quân sự trải rộng trên toàn cầu. Thay đổi chính là việc giảm số quân thường trú ở hải ngoại bằng cách triển khai thường xuyên hơn nhưng với thời lượng ngắn hơn. Báo *Los Angeles Times* (6 tháng Giêng 2002) thuật lại:

"Một nghiên cứu của trường Đại học chiến tranh của Lục quân năm 1999 phát hiện "Trong lúc sự hiện diện ở hải ngoại giảm mạnh, thì việc triển khai tác nghiệp tăng cấp số"... Trước đây, nhân viên các lực lượng vũ trang thường "đồn trú" ở hải ngoại nhiều năm và thường mang theo gia đình. Nay thì họ được "phái khiển" với thời lượng thất thường và gia đình hầu

---

4. Dẫn trong Thomas J. McCormick, *Nửa thế kỷ Mỹ* (Baltimore: John Hopkins University Press, 1995), tr.249. Hai năm trước khi Bush (cha) tuyên bố Hội chứng Việt Nam đã hết, Paul Sweezy viết trong tạp chí này: "Trước Việt Nam, giai cấp thống trị Hoa Kỳ coi là việc tự nhiên rằng dân chúng nước này sẽ sẵn sàng cho một cuộc chiến tranh cần thiết để bảo vệ những quyền lợi đế quốc: nói cho cùng, đó cũng là điều kiện tiên quyết sống còn của các đế chế qua các thời đại. Nhưng Việt Nam đã chứng tỏ, ít nhất đối với Hoa Kỳ trong thế kỷ XX, rằng điều đó không còn đúng nữa. Tình hình mới đó được mang tên: Hội chứng Việt Nam, và đã có một vai trò ngày càng quan trọng trong lịch sử của thời đại chúng ta". Paul M. Sweezy, "Chủ nghĩa đế quốc Hoa Kỳ trong những năm 1990," *Monthly Review* (tháng Mười 1989), tr.6.

https://tieulun.hopto.org

như không được tháp tùng. Tuy nhiên, việc điều động lại thường xuyên hơn, dài ngày hơn. Vào bất cứ một ngày nào đó trước 11 tháng Chín, theo Bộ Quốc phòng, có hơn 60.000 nhân viên quân sự Mỹ tiến hành những diễn tập và tác nghiệp lâm thời ở khoảng 100 nước. Tuy các công trình quân sự khổng lồ ở châu Âu đã cắt bỏ, nhưng những số liệu thống kê của Bộ Quốc phòng cho thấy phương thức tác nghiệp mới vẫn đòi hỏi nhân viên quân sự mỗi năm phải xa nhà 175 ngày đối với Lục quân, 170 ngày đối với Hải quân và 176 ngày đối với Không quân.

Ngoài việc phải thường xuyên điều động định kỳ, các căn cứ còn được sử dụng để bố trí trước binh khí kỹ thuật nhằm mục đích triển khai nhanh. Ví dụ, Hoa Kỳ đã bố trí sẵn trang bị kỹ thuật cho một lữ đoàn nặng ở Côoét, và cũng đã bố trí trước trang bị cho một lữ đoàn nặng khác và trang bị cho một tiểu đoàn xe tăng ở Cata.[5]

Thập kỷ 1990 khép lại với cuộc can thiệp quân sự của Hoa Kỳ vào Balkan và sự hỗ trợ lớn lao của Hoa Kỳ cho các hoạt động chống nổi dậy ở Nam Mỹ như một phần của "Kế hoạch Côlômbia". Tiếp sau các cuộc tấn công khủng bố 11 tháng Chín 2001 và mở đầu của "Chiến tranh chống khủng bố", căn cứ quân sự Mỹ bắt đầu tăng nhanh về số lượng và bành trướng về địa lý.

Theo *Báo cáo cơ cấu căn cứ năm 2001* của Bộ Quốc phòng, Hoa Kỳ nay có công trình quân sự ở 38 quốc gia và lãnh thổ. Nếu tính thêm căn cứ quân sự của các lãnh thổ/nhượng địa ngoài năm mươi bang và Quận Côlômbia (của

---

5. *Báo cáo của Bộ trưởng Quốc phòng năm 1996*, tr. 13-14.

https://tieulun.hopto.org

thủ đô Washington) thì số lượng lên tới 44. Số lượng đó là cực kỳ khiêm tốn bởi nó không bao gồm những căn cứ chiến lược tiền phương rất quan trọng, thậm chí một số trong đó còn là căn cứ đồn trú những số quân lớn, như ở Arập Xêút, Kosovo và Bôxnia. Và cũng không có những căn cứ Hoa Kỳ mới sở hữu. Thông qua Kế hoạch Côlômbia - nhằm chủ yếu chống lực lượng du kích ở Côlômbia và cũng nhằm chống Chính phủ Vênêxuêla không dễ dàng bị Mỹ sai khiến, đồng thời cũng để chống phong trào quần chúng rộng rãi đang phản đối chủ nghĩa tự do mới ở Êcuađo. Hoa Kỳ nay đang trong quá trình bành trướng các căn cứ Mỹ ở Mỹ Latinh và Caribê. Puectô Ricô nay đang thay Panama làm tâm điểm của khu vực. Đồng thời, Hoa Kỳ đã lập thêm bốn căn cứ quân sự mới ở Manta, Êcuađo: Curaçao, Aruba; và Comalapa, En Xanvađo - tất cả đều mang tính chất những cứ điểm tiền tiêu. Kể từ ngày 11 tháng Chín, Hoa Kỳ đã thiết lập những căn cứ quân sự đồn trú 60.000 quân ở các nước Ápganixtan, Pakixtan, Cươgưxtan, Udơbêkixtan, và Tátgikixtan, cùng với Côoét, Cata, Thổ Nhĩ Kỳ và Bungari. Cũng hết sức quan trọng là căn cứ hải quân lớn của Hoa Kỳ ở Diego Garcia tại Ấn Độ Dương. Tính chung, nay Hoa Kỳ có các căn cứ quân sự hải ngoại ở gần sáu mươi nước và lãnh thổ.[6]

---

6. Ước tính số quốc gia có căn cứ Hoa Kỳ ở đây không thể so sánh với các số liệu của Blaker bởi Blaker chỉ lấy các số liệu của Bộ Quốc phòng, trong lúc chúng tôi bao gồm: (1) các căn cứ không có trong *Báo cáo cơ cấu căn cứ*, nhưng có số quân đồn trú khá lớn; (2) các căn cứ ngoài số 50 bang và Quận Côlômbia; và (3) căn cứ mới được thiết lập. Đáng lưu ý, các số liệu ở đây tuy không so sánh được với những thời kỳ trước đó, nhưng vẫn cho thấy sự bành trướng về địa lý chứ không co lại từ khi chấm dứt chiến tranh Triều Tiên (và có thể là từ sau chiến tranh Việt Nam)-và nay đang trong giai đoạn bành trướng trở lại.

https://tieulun.hopto.org

Về một phương diện nào đó, con số này thậm chí còn thấp như một sự che giấu. Mọi vấn đề về quyền tài phán và hành chính liên quan đến các căn cứ ở nước chủ nhà được coi là nằm trong quy chế của các hiệp định về lực lượng vũ trang. Trong thời kỳ chiến tranh lạnh, đó thường là những văn kiện công khai, nhưng nay thường được xếp vào loại mật - chẳng hạn, những hiệp định với Côoét, các Tiểu vương quốc Arập, Ôman, và trong chừng mực nào đó, cả với Arập Xêút. Theo tài liệu của Lầu Năm góc, Hoa Kỳ nay có các hiệp định như vậy với 93 quốc gia.[7]

Chủ nghĩa đế quốc sợ chân không. Không kể khu vực Balkan và những nước Cộng hòa Xô viết trước đây ở Trung Á, vốn nằm trong phạm vi ảnh hưởng hoặc là bộ phận của Liên Xô, những tiền đồn nay mới chiếm được là nằm trong những khu vực mà Hoa Kỳ đã giảm nhiều số lượng các căn cứ của mình. Năm 1990, trước chiến tranh vùng Vịnh, Hoa Kỳ không có căn cứ ở Nam Á và chỉ còn giữ lại 10 phần trăm căn cứ ở Trung Đông/châu Phi so với số lượng căn cứ bố trí năm 1947. Ở Mỹ Latinh và Caribê, số lượng căn cứ của Mỹ đã giảm hai phần ba trong thời gian 1947-1990. Trên quan điểm địa chính trị/địa quân sự, đó rõ ràng là một vấn đề đối với một bá quyền kinh tế và quân sự toàn cầu như Hoa Kỳ, ngay cả trong thời đại của tên lửa hành trình tầm xa. Sự xuất hiện của những căn cứ mới ở Trung Đông, Nam Á, Mỹ Latinh và Caribê từ năm 1990 do kết quả của chiến tranh vùng Vịnh, do đó, có thể được xem

7. *Los Angeles Times*, tháng Giêng 2002.

https://tieulun.hopto.org

như một sự thẩm định lại sức mạnh đế quốc và quân sự trực tiếp của Hoa Kỳ trong những khu vực xem ra quyền lực ít nhiều đã bị xói mòn.

Học thuyết quân sự nhấn mạnh ý nghĩa chiến lược của một căn cứ quân sự nước ngoài vượt quá cuộc chiến tranh mà vì nó căn cứ đó được thiết lập. Bởi vậy, việc lập kế hoạch cho những nhiệm vụ tiềm năng cần sử dụng các căn cứ đó phải được tiến hành gần như ngay tức khắc. Vì lý do đó, việc tăng cường cho các căn cứ ở Ápganixtan, Pakixtan và ba nước Cộng hòa Xô viết Trung Á trước đây, không tránh khỏi bị Nga và Trung Quốc coi là thêm những đe dọa cho an ninh của họ. Nga đã lên tiếng không hài lòng về triển vọng có những căn cứ quân sự *thường trực* ở Trung Á. Còn Trung Quốc, như nhận xét của báo *Guardian* (Luân Đôn) ngày 10 tháng Giêng 2002, căn cứ Manas ở Cưrơgưxtan, nơi máy bay Mỹ lên xuống hàng ngày, "chỉ cách biên giới phía Tây của Trung Quốc có 250 dặm. Với căn cứ Mỹ đã bố trí ở Nhật Bản về phía đông, ở Hàn Quốc về phía nam, và hỗ trợ quân sự của Washington cho Đài Loan, Trung Quốc cảm thấy mình bị bao vây".

Tất nhiên, việc triển khai binh lực Hoa Kỳ tại các khu vực mới thông qua việc thiết lập các căn cứ quân sự Hoa Kỳ không nên chỉ được xét dưới góc độ mục đích quân sự. Chúng còn luôn được dùng để xúc tiến những mục tiêu chính trị và kinh tế của chủ nghĩa tư bản Hoa Kỳ. Chẳng hạn, các tập đoàn Hoa Kỳ và chính phủ nước này rất mong muốn được thiết lập một hành lang an toàn cho các đường ống dẫn dầu và khí đốt do Mỹ kiểm soát chạy từ biển Caxpiên đến Trung Á băng qua

https://tieulun.hopto.org

Ápganixtan và Pakixtan đến biển Arabia. Chiến tranh ở Ápganixtan và sự ra đời của các căn cứ Hoa Kỳ ở Trung Á được coi như cơ hội ngàn vàng để biến những đường ống trong mơ đó thành hiện thực. Người biện hộ chính cho chủ trương này là tập đoàn Unocal, như thể hiện trong buổi điều trần tại Ủy ban quan hệ quốc tế Hạ nghị viện tháng Hai 1998 (đăng lại dưới nhan đề "Một con đường tơ lụa mới: Đề nghị đường ống dẫn dầu ở Ápganixtan" trong *Monthly Review*, tháng Mười hai 2001).[8] Ngày 31 tháng Mười hai 2001, Tổng thống Bush bổ nhiệm Zalmay Khalilzad, người Mỹ gốc Ápganixtan, nhân viên Hội đồng an ninh quốc gia, làm đặc phái viên ở Ápganixtan. Khalilzad vốn là cố vấn của Unocal về đề nghị đường ống xuyên Ápganixtan và là người vận động Chính phủ Hoa Kỳ có chính sách thiện cảm hơn với chế độ Taliban. Ông ta chỉ thay đổi lập trường sau khi chính quyền Clinton bắn tên lửa hành trình vào các mục tiêu ở Ápganixtan (nhằm vào Osama bin Laden) năm 1998.[9]

Trong cuộc chiến tranh hiện nay ở Ápganixtan, những cơ quan truyền thông Hoa Kỳ nói chung ít đả động đến tham vọng dầu mỏ của Mỹ ở vùng này. Dẫu sao, tờ *New York Times* (15 tháng Mười hai 2001) cũng có bài trong trang kinh tế nói rằng

---

8. Dự án Unocal được Ahmed Rashid thảo luận chi tiết trong *Taliban* (New Haven: Yale University Press, 2000), 151-80. Xem thêm "Một con đường Tơ lụa mới: Đề nghị đường ống dẫn dầu ở Ápganixtan" trong *Về chủ nghĩa khủng bố*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.91-104.

9. *Pravda*, 9 tháng Giêng 2002.

https://tieulun.hopto.org

"Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đang thăm dò khả năng của các dự án năng lượng hậu Taliban trong vùng này, một vùng có trữ lượng hơn 6 phần trăm dầu mỏ và gần 40 phần trăm dự trữ khí đốt đã được kiểm chứng của thế giới". Trong một bài khác cũng trên báo này đăng ngày 18 tháng Giêng 2002, Richard Butler, quan chức Hội đồng đối ngoại thừa nhận rằng, "Chiến tranh ở Ápganixtan ... đã làm cho việc xây dựng một đường ống chạy qua Ápganixtan và Pakixtan lần đầu tiên mang tính khả thi về phương diện chính trị kể từ khi Unocal của Mỹ và công ty Bridas của Áchentina cạnh tranh quyền khai thác này từ giữa những năm 1990". Chẳng phải rườm rà, nếu không có một sự hiện diện quân sự mạnh mẽ của Hoa Kỳ trong vùng này, với việc thiết lập những căn cứ nhờ có chiến tranh, việc xây dựng một đường ống tương tự hầu như chắc chắn là một việc không thể làm nổi.

Con dao hai lưỡi

Lịch sử dạy ta rằng các căn cứ quân sự nước ngoài là một con dao hai lưỡi. Biểu hiện hiển nhiên nhất của chân lý đó là cuộc "Chiến tranh chống khủng bố" hiện nay. Chẳng có mấy nghi ngờ là các cuộc tấn công hơn một thập kỷ qua chống cả lực lượng Hoa Kỳ đồn trú ở nước ngoài cũng như những mục tiêu ngay trong nội địa Hoa Kỳ, một phần quan trọng là để đáp lại vai trò ngày một lớn thêm của Hoa Kỳ, như một cường quốc quân sự nước ngoài tại những vùng như Trung Đông, nơi Hoa Kỳ không chỉ tham dự vào hành động quân sự, kể cả chiến tranh tổng lực, mà kể từ năm 1990 còn đồn trú hàng ngàn quân.

https://tieulun.hopto.org

Việc thiết lập các căn cứ Hoa Kỳ ở Arập Xêút bị những người dân nước này coi như sự chiếm đóng nơi thiêng liêng nhất của Ixlam, và phải được tống khứ bằng bất cứ giá nào.

Sự cảm nhận căn cứ quân sự Hoa Kỳ như sự xâm phạm chủ quyền quốc gia lan rộng ở các nước "chủ nhà" với lý do giản đơn là sự hiện diện của các căn cứ đó không tránh khỏi sẽ chuyển thành sự can thiệp vào chính trị nội bộ của các nước này. Báo cáo năm 1970 của Tiểu ban các hiệp định an ninh và các cam kết với nước ngoài thuộc Ủy ban đối ngoại Thượng nghị viện ghi nhận: "Các căn cứ hải ngoại, sự hiện diện của các thành phần lực lượng vũ trang của Hoa Kỳ, cùng lập kế hoạch, phối hợp diễn tập hoặc các chương trình viện trợ quân sự quá lớn... chẳng khác gì hơn là nhằm bảo đảm cho một vài dính líu của Hoa Kỳ vào công việc nội bộ của chính phủ chủ nhà" (tr. 20). Những quốc gia đó ngày một vướng víu hơn trong đế chế Hoa Kỳ.

Các căn cứ quân sự hải ngoại của Hoa Kỳ không tránh khỏi ngày một bị các lực lượng xã hội rộng lớn của nước chủ nhà phản đối. Các căn cứ Hoa Kỳ vẫn bị coi là di sản của chủ nghĩa thực dân Hoa Kỳ cho mãi đến khi các lực lượng Hoa Kỳ rút hết vào năm 1992. Cũng giống như hầu hết các căn cứ quân sự hải ngoại của Hoa Kỳ, những căn cứ ở Philíppin cũng gây ra nhiều vấn đề xã hội. Thị trấn Ologapo ở cạnh căn cứ Mỹ ở vịnh Subic được dành hoàn toàn cho quân Mỹ "nghỉ ngơi và giải trí", với số gái bán dâm lên tới năm chục ngàn.

Các căn cứ Hoa Kỳ ở Okinawa, đã trở thành trung tâm của hệ thống căn cứ hải ngoại Hoa Kỳ khu vực Thái Bình Dương

https://tieulun.hopto.org

sau khi Mỹ phải rút bỏ các căn cứ ở Philíppin, gặp nhiều rắc rối với nhân dân địa phương. Theo Chalmers Johnson, Chủ tịch Viện nghiên cứu chính sách Nhật Bản, tác giả cuốn *Blowback* (2000), thì đảo Okinawa, một tỉnh của Nhật Bản, "chủ yếu là một thuộc địa quân sự của Lầu Năm góc, một nơi cực kỳ an toàn cho lính Mũ nồi xanh và Cục tình báo quốc phòng, chưa nói lính thủy đánh bộ và không quân, có thể làm những thứ mà chúng không dám làm ở Hoa Kỳ. Căn cứ này thường được sử dụng để tung lực lượng Mỹ khắp châu Á nhằm phục vụ trong thực tế một tổng chiến lược tồn tục bá quyền Mỹ trong khu vực then chốt này" (tr.64).

Năm 1995, các cuộc phản đối căn cứ Mỹ bùng nổ ở Okinawa về vụ một em gái 12 tuổi bị ba lính Mỹ thuê xe đưa đến nơi hẻo lánh hãm hiếp; và về ý kiến vô lương tâm của Đô đốc Richard C. Macke, Tổng tư lệnh lực lượng Hoa Kỳ tại Thái Bình Dương trả lời các nhà báo về vụ này: "Tôi nghĩ (vụ hãm hiếp này) thật là dại dột. Với số tiền thuê xe đó, họ thừa sức có được một gái bán dâm". Những cuộc phản đối rộng lớn đó do một tổ chức lấy tên là Phụ nữ Okinawa hành động chống bạo hành quân sự, không phải chỉ là để chống vụ cưỡng hiếp đó mà thôi, dù đó là một vụ nghiêm trọng. Từ năm 1972 đến 1995, binh sĩ Mỹ đã gây ra 4.716 tội hình, gần như mỗi ngày có một vụ, theo tờ *Nihon Keizai Shimbun* (Thời báo kinh tế Nhật Bản), một tờ báo bảo thủ Nhật Bản. Hiệp định Nhật-Mỹ điều chỉnh vấn đề căn cứ Okinawa cho phép nhà đương cục Hoa Kỳ từ chối các yêu cầu của phía Nhật Bản đối với nhân viên quân sự Mỹ bị tình

https://tieulun.hopto.org

nghi (phạm tội), và thực tế là ít khi những tên tội phạm đó gặp rắc rối với pháp luật Nhật Bản.

Bất chấp những cuộc phản đối dữ dội của quần chúng, những cuộc ném bom diễn tập vẫn tiếp diễn ở Vieques, Puéctô Ricô - sau này được áp dụng vào thực địa ở vịnh Persia, chứng tỏ Puéctô Ricô vẫn tiếp tục quy chế thuộc địa. Bên cạnh vùng đất tập ném bom ở Vieques, Lầu Năm góc còn tác nghiệp ở vùng "ngoại vi" gần 200.000 dặm vuông trên vùng biển gần Puéctô Ricô, bao gồm một trạm bố trí ngầm dưới nước để theo dõi tàu ngầm và một trạm điện tử quân sự. Những công trình quân sự này được Hải quân và một số nhà thầu quân sự sử dụng để thử các hệ thống vũ khí.[10]

Việc sử dụng căn cứ Guantanamo ở Cuba để giam giữ và tra khảo tù binh trong cuộc chiến tranh Ápganixtan, gây phẫn nộ toàn cầu là thêm một thí dụ nữa của việc Hoa Kỳ quyết thực hành sức mạnh đế chế thông qua các căn cứ đó.

Toàn cầu hóa quyền lực

Như chúng ta đã thấy, Hoa Kỳ đã xây dựng một chuỗi căn cứ quân sự và khu vực chuẩn bị khắp thế giới nhằm có thể triển khai sử dụng lực lượng không quân và hải quân khi được cấp báo - tất cả là nhằm duy trì bá quyền chính trị và kinh tế trên toàn thế giới. Những căn cứ đó không phải như trường hợp nước Anh trong thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, chỉ là một bộ phận

---

10. John Linsay-Poland, "Căn cứ quân sự Hoa Kỳ ở Mỹ Latinh và Caribê, *Tiêu điểm trong chính sách đối ngoại 6* (tháng Mười 2001) <http://foreignpolicy-infocus.org>.

https://tieulun.hopto.org

không thể tách rời của đế chế *thuộc địa*, mà thậm chí còn quan trọng hơn nhiều, đó là *"trong điều kiện không có chủ nghĩa thực dân"*.[11] Trong khi tìm cách duy trì một hệ thống kinh tế đế quốc mà không cần đến sự kiểm soát chính trị chính thức các lãnh thổ thuộc chủ quyền của các nước khác, Hoa Kỳ đã sử dụng các căn cứ đó để chống lại những nước nào muốn phá vỡ hoàn toàn hệ thống đế quốc, hoặc đi theo một đường lối được cảm nhận là đe dọa lợi ích của Hoa Kỳ. Nếu không có sự phân bố sức mạnh quân sự của Hoa Kỳ trên toàn thế giới thông qua các căn cứ đó, và nếu không có sự sẵn sàng sử dụng chúng vào các cuộc can thiệp quân sự, sẽ khó có thể giữ được những lãnh thổ phụ thuộc hơn về kinh tế ở vùng ngoại vi tách khỏi Hoa Kỳ.

Như vậy, sức mạnh chính trị, kinh tế và tài chính của Hoa Kỳ đòi hỏi phải biết phát huy sức mạnh quân sự từng thời kỳ. Những nước tư bản phát triển khác gắn liền với hệ thống này cũng dựa nhiều hơn vào Hoa Kỳ như người thực thi chính các luật chơi. Việc bố trí các căn cứ quân sự Hoa Kỳ, do đó, không thể chỉ được đánh giá như một hiện tượng thuần túy quân sự, mà phải xem nó là lập kế hoạch khu vực thống trị đế quốc và xác định những mũi tiến công trong khu vực ngoại vi. Điều rõ ràng hiện nay và cần nhắc lại là những căn cứ giành được đó là ở những khu vực mà trước đây Hoa Kỳ bị mất phần lớn sự "hiện diện tiền tiêu," như Nam Á, Trung Đông, châu Phi, Mỹ Latinh và Caribê, hoặc ở những vùng mà trước đây Hoa Kỳ không có căn cứ, như khu vực Balkan và Trung Á. Do đó,

---

11. Harry Magdoff, *Chủ nghĩa đế quốc từ thời thuộc địa đến ngày nay* (New York: Monthly Review Press, 1978), 205.

https://tieulun.hopto.org

không còn hồ nghi gì nữa, siêu cường quốc còn lại cuối cùng đang trên hành trình bành trướng đế quốc, coi đó là phương tiện để xúc tiến những lợi ích chính trị và kinh tế, và cuộc chiến tranh chống khủng bố hiện nay mà về nhiều phương diện là một sản phẩm gián tiếp của việc triển khai sức mạnh của Hoa Kỳ, nay được sử dụng để biện minh cho việc triển khai rộng hơn nữa sức mạnh đó.

Đối với những ai đi theo con đường chống lại những phát triển đó, chớ nên ảo tưởng. Sự bành trướng toàn cầu lực lượng quân sự của nhà nước bá quyền thế giới tư bản là một bộ phận không thể tách rời của toàn cầu hoá kinh tế. Nói *không* với hình thức bành trướng quân sự đó là cũng đồng thời là nói *không* với toàn cầu hóa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, và như vậy, cũng là với chủ nghĩa tư bản.

https://tieulun.hopto.org

Chủ nghĩa đế quốc và "đế chế"*

John Bellamy Foster

Chỉ mới hơn một tháng một chút khi viết bài này, trước ngày 11 tháng Chín, cuộc nổi dậy chống toàn cầu hóa tư bản bắt đầu từ Xiatơn tháng Mười một 1999 và vẫn đang phát huy sức mạnh tại Genoa, Italia, tháng Bảy 2001, đã phơi bày những mâu thuẫn của một hệ thống bằng một phương cách chưa từng thấy đã nhiều năm nay. Thế nhưng tính chất đặc thù của cuộc nổi dậy lại làm cho khái niệm chủ nghĩa đế quốc chẳng còn bóng dáng nào, ngay cả trong cánh tả, mà bị trùm lấp bởi khái niệm toàn cầu hoá, khiến ta phải suy nghĩ phải chăng hình thức tệ hại nhất của bóc lột và kình địch quốc tế đã bị dịu đi.

---

* John Bellamy Foster, *Review of The Month* MR t.53, số 7, tháng Mười hai 2001.

https://tieulun.hopto.org

Một chiều hướng của cánh tả trong đánh giá toàn cầu hóa - mà chỉ cần xem sự chú ý của các phương tiện truyền thông đối với vấn đề này ra sao cũng đủ thấy nó không kém hấp dẫn đối với giới thống trị - được minh chứng bởi cuốn sách mới của Michael Hardt và Antonio Negri nhan đề *Đế chế*. Được Harvard University Press xuất bản năm ngoái, cuốn sách đã được những nơi như *New York Times*, tuần báo *Time* và tờ *London Observer* không tiếc lời ca ngợi, và đã tạo cho Hardt cơ hội đăng đàn trong buổi trình diễn vở *Charlie Rose* và một bài xã thuyết của *New York Times*. Luận đề của nó là thị trường thế giới dưới ảnh hưởng của cách mạng thông tin đang được toàn cầu hóa vượt lên trên sự chi phối của các nhà nước quốc gia. Chủ quyền của các nhà nước lu mờ dần, và được thay bằng một chủ quyền toàn cầu mới nổi lên hay còn gọi là "đế chế" được hình thành từ sự kết hợp của "một loạt những tổ chức quốc gia và siêu quốc gia thống nhất dưới một lôgích duy nhất của thống trị" và không có thứ bậc quốc tế (tr. xii).

Không có đủ chỗ để đề cập mọi khía cạnh của luận cứ đó. Tôi chỉ xin bình luận một điểm thôi: giả định chủ nghĩa đế quốc tuyệt tích. Từ ngữ "đế chế" trong phân tích của Hardt và Negri không phải là nói tới sự thống trị của trung tâm đối với ngoại vi mà là một chủ thể bao trùm tất cả không thừa nhận bất cứ hạn chế nào về lãnh thổ hay biên giới bên ngoài. Các tác giả nói rằng trong những ngày cực thịnh, "chủ nghĩa đế quốc thực sự là một sự mở rộng chủ quyền các nhà nước quốc gia châu Âu vượt ra khỏi biên giới của mình" (tr. xii). Chủ nghĩa đế quốc hay chủ nghĩa thực dân theo nghĩa đó nay đã chết. Nhưng

https://tieulun.hopto.org

Hardt và Negri còn báo tử cả chủ nghĩa thực dân mới: các cường quốc công nghiệp thống trị và bóc lột về kinh tế mà không trực tiếp kiểm soát về chính trị. Hai tác giả này nhấn mạnh mọi hình thức của chủ nghĩa đế quốc, như hạn chế lực lượng đồng nhất của thị trường thế giới, sẽ bị chính thị trường đó huỷ diệt. Như vậy đế chế phải vừa là "hậu thuộc địa và hậu đế quốc" (tr. 9). Và cho rằng "chủ nghĩa đế quốc là một bộ máy chia tách, phân vùng, áp đặt luật lệ quy tắc và điều chuyển dòng vốn, ngăn luồng này, thông luồng khác. Ngược lại, thị trường thế giới đòi hỏi một không gian thông thoáng, không bị ngăn trở bởi quy tắc luật lệ, không bị "ngăn sông cấm chợ" ... *nếu không vượt qua được chủ nghĩa đế quốc thì tư bản (vốn) hẳn là đã mệnh chung*. Thành đạt trọn vẹn thị trường thế giới tất yếu là sự tận thế của chủ nghĩa đế quốc" (tr. 333).

Các quan niệm như trung tâm và ngoại vi, theo các tác giả, nay đã trở thành vô bổ. "Thông qua phi tập trung hóa sản xuất và sự củng cố của thị trường thế giới, sự phân công và chu chuyển đồng vốn và lao động quốc tế bị vỡ thành từng mảng và nhân lên đến mức nay người ta không thể phân định những khu vực địa lý rộng lớn thành trung tâm và ngoại vi, Bắc và Nam". Nay "không còn có sự khác nhau về bản chất" giữa Hoa Kỳ và Braxin, giữa Anh Quốc và Ấn Độ, "chỉ là sự khác nhau về mức độ" (tr. 335).[1]

---

1. Hardt và Negri muốn nói tới tác phẩm của Sadir Amin, đặc biệt là bài *Đế chế của hỗn loạn* (Monthly Review Press, 1992), như là một quan điểm khác về chủ nghĩa đế quốc/ đế chế tự nó - một quan điểm rất khác về chủ đề trung tâm và ngoại vi. Xem Hardt và Negri, *Đế chế* (tr. 9, 14, 334, 467).

https://tieulun.hopto.org

Cũng không còn nữa quan niệm chủ nghĩa đế quốc Hoa Kỳ như một lực lượng trung tâm của thế giới ngày nay. Các tác giả viết: "*Hoa Kỳ không phải, mà thực tế ngày nay không một quốc gia nào có thể, làm thành trung tâm của một dự án đế quốc*". Chủ nghĩa đế quốc không còn nữa. Không một quốc gia nào có thể là người lãnh đạo thế giới như các quốc gia châu Âu đã từng như vậy trước đây. Hardt và Negri cho rằng "Chiến tranh Việt Nam có thể được xem như thời điểm cuối cùng của xu hướng đế quốc và như vậy là thời điểm quá độ sang một chế độ mới của Hiến pháp (toàn cầu)" (tr. 178-79). Sự quá độ sang một chế độ hiến định toàn cầu đó đã được chứng tỏ trong cuộc chiến tranh vùng Vịnh, nơi Hoa Kỳ nổi lên "như cường quốc duy nhất có khả năng quản lý pháp luật quốc tế, *không phải như một chức năng của quốc gia mình mà là nhân danh của pháp quyền toàn cầu*... Hoa Kỳ đảm đương cảnh sát toàn cầu không phải vì quyền lợi đế quốc mà là vì lợi ích đế chế (tức là vì lợi ích của đế chế không có lãnh thổ cai trị). Trên ý nghĩa đó, như lời của Bush cha, "chiến tranh vùng Vịnh báo hiệu sự ra đời của một trật tự thế giới mới" (tr. 180).

Đế chế, cái danh xưng mà các tác giả phong tặng cho trật tự thế giới mới, là sản phẩm của cuộc đấu tranh về chủ quyền và chủ nghĩa hiến định trên bình diện toàn cầu của một thời đại trong đó một chủ nghĩa Jefferson[2] mới - sự bành trướng hình thức Hiến pháp Hoa Kỳ trên phạm vi thế giới - đã có khả năng trở

2. Thomas Jefferson (1743-1826), chịu trách nhiệm chính soạn thảo Hiến pháp Hoa Kỳ, chủ trương nhà nước phi tập trung hoá, Tổng thống Hoa Kỳ 1801-1809 (ND).

https://tieulun.hopto.org

thành hiện thực. Các tác giả không tin rằng sẽ có các cuộc đấu tranh địa phương chống lại đế chế bởi đấu tranh nay chỉ đơn giản là về hình thức của toàn cầu hóa sẽ như thế nào - và về mức độ mà đế chế tôn trọng lời hứa mang lại kết quả cho sự "bành trướng ra toàn cầu dự án hiến pháp của nội bộ Hoa Kỳ" (tr. 182). Các tác giả ủng hộ những nỗ lực của "đa số chống lại đế chế" - tức là, cuộc đấu tranh của đa số để trở thành một chủ thể chính trị tự quản - nhưng điều đó chỉ có thể diễn ra, theo lập luận của các tác giả, trong phạm vi "những điều kiện bản thể học, nói đơn giản hơn là bản chất của tồn tại, mà đế chế là hiện thân" (tr. 407).

Như thế là quá đủ cho quan điểm *thời thượng* ngày nay. Bây giờ nói sang quan điểm *chắc chắn là không thời thượng*. Ngược với *Đế chế*, cuốn sách mới của István Mészáros *Chủ nghĩa xã hội hoặc trạng thái dã man* trình bày bằng nhiều cách tầm cao của cái không hợp thời - ngay cả với cánh tả.[3] Thay vì hứa hẹn một chủ nghĩa mang tính phổ quát mới có khả năng nổi lên từ quá trình toàn cầu hóa tư bản nếu chọn đúng hình thức thích hợp, Mészáros lập luận rằng việc tồn tục một hệ thống do tư bản thao túng chắc chắn sẽ mang lại điều ngược lại: "Mặc cho nó ra sức cưỡng đặt 'toàn cầu hóa', hệ thống tư bản độc ác và bất biến, trái với luân thường đạo lý, không thể nào tương thích về mặt cơ cấu một cách có ý nghĩa với sự phổ quát... (bởi) không thể nào có được sự phổ quát trong xã hội toàn cầu mà không có bình đẳng một cách đáng kể" (tr.10-11).

---

3. *Chủ nghĩa xã hội hoặc trạng thái dã man* (2001) và cuốn sách lý luận chính của Mészáros, *Vượt lên trên tư bản* (1995), cả hai đều do Monthly Review Press ấn hành.

https://tieulun.hopto.org

Đối với Mészáros, quy luật của tư bản có thể được nhận thức một cách đúng đắn là một quá trình chuyển hóa xã hội tương tự như quá trình chuyển hóa của một tổ chức sống. Như vậy, phải tiếp cận nó như hiện thân của một loạt quan hệ phức hợp. Bất cứ những gì chủ nghĩa tư bản thực hiện được cho sự giải phóng "theo trục hoành" sẽ bị vô hiệu hóa bởi các mệnh lệnh từ trên xuống "theo trục tung", luôn luôn có tính chất quyết định về thời điểm. Sự đối lập quan trọng này có nghĩa là "hệ thống tư bản được nhận thức như một tập hợp đan xen những mâu thuẫn có thể giải quyết được ít nhiều một lúc nào đó, nhưng không bao giờ có thể *vượt qua được* (tr. 13). Trong số những mâu thuẫn chính không thể khắc phục được trong chế độ tư bản chủ nghĩa có những mâu thuẫn sau đây:

1. sản xuất và kiểm soát sản xuất;
2. sản xuất và tiêu dùng;
3. cạnh tranh và độc quyền;
4. phát triển và kém phát triển (trung tâm và ngoại vi);
5. bành trướng kinh tế thế giới và kình địch giữa tư bản với nhau;
6. tích lũy và khủng hoảng;
7. sản xuất và tàn phá;
8. thống trị lao động và phụ thuộc vào lao động;
9. việc làm và thất nghiệp;
10. tăng trưởng sản lượng bằng mọi giá và tàn phá môi trường.[4]

---

4. Đây là tóm lược và sửa đổi chút ít danh mục các mâu thuẫn chủ yếu liệt kê trong sách của Mészáros.

https://tieulun.hopto.org

"Thật khó mà quan niệm nổi khả năng giải quyết chỉ một trong số các mâu thuẫn đó", nói gì đến tính chất liên kết mạng của những mâu thuẫn đó, nếu không thiết lập được một giải pháp triệt để thay thế cho việc kiểm soát sự chuyển hóa xã hội của phương thức tư bản" (tr.13-14).

Căn cứ vào sự phân tích này thì thời kỳ đi lên mang tính lịch sử của chủ nghĩa tư bản nay đã chấm dứt. Chủ nghĩa tư bản đã bành trướng ra toàn cầu, nhưng trong phần lớn thế giới, nó chỉ tạo ra được những vùng khu trú tư bản. Không còn nữa những hứa hẹn với thế giới kém phát triển như một tổng thể "bắt kịp" về phương diện kinh tế với các nước tư bản tiên tiến - thậm chí cũng không hứa hẹn tồn tục thăng tiến về kinh tế và xã hội cho phần lớn ngoại vi. Các điều kiện sinh hoạt của đại đa số công nhân toàn cầu giảm sút. Cuộc khủng hoảng cơ cấu kéo dài của hệ thống tư bản, kể từ những năm 1970, đã ngăn tư bản đối phó hiệu quả với các mâu thuẫn, dù chỉ là tạm thời. Sự giúp đỡ từ bên ngoài của nhà nước không đủ để vực hệ thống dậy. Từ đó, tính chất "phá hoại không thể kiểm soát nổi" - sự phá vỡ các mối quan hệ xã hội trước đây và sự bất lực không đưa ra được những gì bền vững để thay thế - ngày càng bộc lộ rõ hơn (tr.19, 61).

Hạt nhân của luận cứ Mészáros là quan điểm cho rằng chúng ta nay đang ở trong cái gọi là "giai đoạn tiềm tàng chết chóc nhất của chủ nghĩa đế quốc" (nhan đề của Chương 2 cuốn sách). Chủ nghĩa đế quốc, theo tác giả, có thể chia làm ba giai đoạn lịch sử khác biệt: (1) chủ nghĩa thực dân hiện đại sơ kỳ, (2) giai đoạn cổ điển của chủ nghĩa đế quốc như Lênin đã miêu

https://tieulun.hopto.org

tả, và (3) chủ nghĩa đế quốc bá quyền toàn cầu, với Hoa Kỳ là lực lượng thao túng. Giai đoạn thứ ba được củng cố từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nhưng "nổi rõ" là khi chủ nghĩa tư bản lâm vào khủng hoảng cơ cấu những năm 1970 (tr.51). Không giống như phần lớn những nhà nghiên cứu khác, Mészáros cho rằng bá quyền của Hoa Kỳ đã bị suy yếu do vị thế tương đối về kinh tế so với các nước tư bản hàng đầu khác kém đi so với những năm 1950. Ngược lại, vào những năm 1970, việc Nixon bỏ chế độ đôla kim bản vị là sự bắt đầu một nỗ lực với nhiều quyết tâm hơn của Hoa Kỳ nhằm thiết lập thế thượng phong về chính trị, kinh tế, quân sự trên toàn cầu - tự hình thành nên như một kiểu chính phủ toàn cầu đại diện.

Ở giai đoạn hiện tại này của sự phát triển tư bản toàn cầu, Mészáros khẳng định, "nay không còn có thể tránh đối diện với mâu thuẫn cơ bản và những hạn chế về cơ cấu của hệ thống. Sự hạn chế đó là sự thất bại nghiêm trọng để xây dựng nhà nước của hệ thống tư bản đúng nghĩa của nó, như là sự bổ sung cho những nguyện vọng và sự khẳng định xuyên quốc gia". Như vậy, vấn đề là "Hoa Kỳ đang lao theo một cách nguy hiểm xu hướng đảm trách vai trò nhà nước của hệ thống tư bản theo đúng nghĩa của nó, bằng mọi phương tiện xếp vào dưới nó tất cả các cường quốc kình địch theo sự chi phối của nó", và bước vào một cái gần nhất với một "nhà nước của hệ thống tư bản". (tr.28-29).

Có điều tuy Hoa Kỳ có khả năng chặn đứng được sự suy giảm vị thế kinh tế so với các nước tư bản hàng đầu khác, nhưng nó không có khả năng thao túng được về mặt kinh tế để

https://tieulun.hopto.org

điều khiển hệ thống thế giới - một hệ thống trong mọi trường hợp là không thể cai quản được. Do đó, Hoa Kỳ tìm cách sử dụng sức mạnh quân sự lớn lao của mình để thiết lập thế thượng tôn toàn cầu.[5] Theo Mészáros thì:

"Vấn đề hiện nay không phải là kiểm soát một bộ phận nào đó của hành tinh - vô luận rộng lớn đến đâu - đặt một số đối thủ vào thế bất lợi, nhưng vẫn khoan thứ cho họ có một số hành động độc lập, mà là kiểm soát toàn bộ địa cầu bởi một siêu cường quốc bá quyền về kinh tế và quân sự bằng mọi phương tiện có trong tay - thậm chí bằng phương pháp cực quyền cao nhất, và nếu cần thiết, bằng cả bạo lực quân sự. Đó là những gì mà lý trí cuối cùng của tư bản phát triển toàn cầu đòi hỏi, sau khi đã cố gắng một cách vô vọng đưa những bên đối lập không thể hoà hợp được vào dưới sự kiểm soát của mình. Khốn thay, sự hợp lý đó - mà người ta có thể viết không phải bỏ vào ngoặc kép, bởi vì nó thực sự tương dung với lôgích của tư bản trong giai đoạn lịch sử phát triển toàn cầu hiện nay - lại đồng thời là cái cực kỳ phi lý trong lịch sử, kể cả so với quan điểm quốc xã về thống trị thế giới, xét về những điều kiện mà sự tồn tại của nhân loại đòi hỏi (tr.37-38).

Những ý kiến cho rằng chủ nghĩa đế quốc ngày nay, mà đại diện cao nhất là Hoa Kỳ, có phần nào không như chủ nghĩa

---

5. Chiến lược của Hoa Kỳ thiết lập bá quyền toàn cầu bằng bố trí và triển khai binh lực toàn cầu được phân tích chi tiết trong bài của David N. Gibbs, "Chủ nghĩa can thiệp mới của Washington: Bá quyền Hoa Kỳ và những kình địch giữa các đế quốc", *Monthly Review* 53: (4 tháng Chín 2001): tr.5-37.

https://tieulun.hopto.org

đế quốc trước đây, bởi thực tế là nay ít có sự thống trị trực tiếp lãnh thổ của nước ngoài, đơn giản là không hiểu được tình hình đang đối diện chúng ta. Như Mészáros đã vạch rõ, chủ nghĩa thực dân châu Âu nay chỉ còn chiếm một bộ phận nhỏ của lãnh thổ ngoại vi. Nhưng nay do phương tiện đã khác, nên cánh tay của chủ nghĩa đế quốc dài hơn trước trên toàn cầu. Hoa Kỳ nay xâm chiếm lãnh thổ nước ngoài dưới hình thức căn cứ quân sự ở 69 quốc gia - và con số này còn tăng lên. Thêm nữa, "sự gia tăng sức tàn phá của kho vũ khí ngày nay - đặc biệt là tiềm năng gây thảm họa của các loại vũ khí từ trên không - trong chừng mực nào đó đã làm thay đổi những hình thức áp đặt mệnh lệnh đế quốc cho một nước [bộ binh và trực tiếp chiếm đóng ít cần đến hơn] nhưng không làm thay đổi thực chất của nó" (tr. 40).

Với sự sụp đổ của Liên Xô và sự kết thúc của chiến tranh lạnh, chủ nghĩa đế quốc cần khoác một bộ cánh mới. Các cuộc can thiệp lấy biện minh từ chiến tranh lạnh nay không còn giá trị. Mészáros cho rằng Saddam Hussein có thể cung cấp một lý do mới, nhưng cũng chỉ tạm thời. Cho đến nay, Hoa Kỳ buộc phải làm chiến tranh bằng cách trưng ra một kiểu liên minh vì lợi ích của toàn cầu, có điều Hoa Kỳ phải hành động với tư cách vừa là quan tòa vừa là kẻ thi hành án.

Trong số những phát triển khiến người ta phải bận tâm mà *Chủ nghĩa xã hội hoặc trạng thái dã man* chỉ ra có: số lượng lớn những thương vong dân sự Irắc trong chiến tranh và hơn nửa triệu trẻ em chết do nước này bị cấm vận trừng phạt; cuộc tấn công quân sự và chiếm đóng khu vực Balkan; sự bành

https://tieulun.hopto.org

trướng của NATO sang phía Đông; chính sách mới của Hoa Kỳ sử dụng NATO làm lực lượng quân sự tấn công có thể thay thế cho Liên hợp quốc; mưu đồ của Hoa Kỳ tránh né và phá hoại hơn nữa vai trò của Liên hợp quốc; việc đánh bom đại sứ quán Trung Quốc tại Belgrade; phát triển Hiệp ước an ninh Nhật-Mỹ nhằm vào Trung Quốc; và sự tăng cường lập trường quân sự hiếu chiến của Hoa Kỳ đối với Trung Quốc - ngày càng được coi là siêu cường kình địch đang nổi lên. Về lâu dài, ngay cả sự hài hoà bên ngoài hiện nay giữa Hoa Kỳ và châu Âu cũng không thể coi đấy là chuyện tự nhiên bởi Hoa Kỳ tiếp tục cuộc hành trình tìm kiếm sự thống trị toàn cầu. Gia dĩ, cũng không có câu trả lời cho vấn đề trong hệ thống ở giai đoạn phát triển này của chủ nghĩa tư bản. Mészáros lập luận rằng toàn cầu hóa đã làm cho vấn đề nhà nước toàn cầu trở thành cái bắt buộc của tư bản, nhưng tính chất cố hữu của quá trình chuyển hoá tư bản luôn đòi hỏi sự đa nguyên của tư bản, khiến cho điều đó không thể thực hiện được. Như vậy, "Giai đoạn tiềm tàng chết chóc nhất của chủ nghĩa đế quốc" gắn với sự bành trướng của chu kỳ dã man và tàn phá mà những điều kiện đó ắt sẽ sản sinh ra.

Hai quan điểm toàn cầu hóa/chủ nghĩa đế quốc - một quan điểm *thời thượng* tập trung vào sự xuất hiện của chủ quyền toàn cầu (gọi là "đế chế") và quan điểm dứt khoát là *không thời thượng* vạch ra "giai đoạn tiềm tàng chết chóc nhất của chủ nghĩa đế quốc" - nay biểu hiện thế nào sau sự kiện 11 tháng Chín và sự khởi đầu của cuộc chiến tranh chống khủng bố bắt đầu từ Ápganixtan?".

Có thể lập luận rằng sự phân tích của *Đế chế* đã được

https://tieulun.hopto.org

minh chứng bởi không phải một nhà nước nào đó thách thức hệ thống chủ quyền toàn cầu đang nổi lên mà là những kẻ khủng bố quốc tế bên ngoài để chế làm điều đó. Theo quan điểm này, Hoa Kỳ có thể được xem như tiến hành một sứ mệnh "cảnh sát toàn cầu" ở Ápganixtan "*không phải như một chức năng của của quốc gia mình mà là nhân danh của quyền toàn cầu*"- như Hardt và Negri mô tả những hành động của Hoa Kỳ trong chiến tranh vùng Vịnh. Đó ít nhiều cũng là cách Washington mô tả hành động của họ.

Tuy nhiên, *Chủ nghĩa xã hội hoặc trạng thái dã man* đưa ra một cách diễn dịch hoàn toàn khác, coi chủ nghĩa đế quốc Hoa Kỳ như là trung tâm của cuộc khủng hoảng khủng bố. Theo quan điểm này, những tên khủng bố tấn công Trung tâm thương mại thế giới và Lầu Năm góc không phải là tấn công chủ quyền toàn cầu hay tấn công vào văn minh (Liên hợp quốc ở New York không bị tấn công) - càng không phải những giá trị của tự do và dân chủ được Nhà nước Hoa Kỳ phô trương - mà là chủ ý nhằm đánh vào các biểu tượng của lực lượng tài chính và quân sự của Hoa Kỳ, và như vậy, vào sức mạnh *toàn cầu* của Hoa Kỳ. Dù những hành động khủng bố đó không thể biện minh bằng bất cứ ý nghĩa nào, chúng cũng vẫn thuộc về lịch sử rộng lớn hơn của chủ nghĩa đế quốc Hoa Kỳ và mưu đồ của nước này thành lập bá quyền toàn cầu - đặc biệt là lịch sử can thiệp của Hoa Kỳ vào Trung Đông. Hơn nữa, Hoa Kỳ đáp lại không phải bằng một quá trình hiến định toàn cầu, hoặc thông qua một hình thức cảnh sát đơn giản, mà là bằng đơn phương tuyên bố chiến tranh chống chủ nghĩa khủng bố quốc

https://tieulun.hopto.org

tế một cách đế quốc và buông lỏng dây cương cỗ máy chiến tranh của mình chống chính quyền Taliban ở Ápganixtan.

Tại đây, giới quân sự Hoa Kỳ tìm cách tiêu diệt những lực lượng khủng bố mà chính họ đã góp phần xây dựng. Thay vì tuân thủ những nguyên tắc hiến định của chính mình trong lĩnh vực quốc tế, Hoa Kỳ từ lâu đã ủng hộ các nhóm khủng bố bất cứ lúc nào có thể phục vụ được cho những mục tiêu đế quốc của mình, và đã tự mình tiến hành khủng bố nhà nước, bắn giết thường dân. Washington đã tuyên bố cuộc chiến tranh mới chống khủng bố có thể đòi hỏi sự can thiệp quân sự của Hoa Kỳ ở nhiều nước ngoài Ápganixtan - như Irắc, Xyri, Xuđăng, Libi, Inđônêxia, Malaixia và Philíppin đã được chỉ ra như những điểm có thể diễn ra các cuộc can thiệp.

Tất cả những điều này, kết hợp với sự trì trệ của kinh tế thế giới và sự tăng cường đàn áp trong các nước tư bản hàng đầu, dường như cho ta thấy sự "tàn phá không thể kiểm soát nổi" của tư bản ngày càng được phơi bày nhiều hơn. Chủ nghĩa đế quốc, trong quá trình ngăn chặn sự phát triển tự cường - tức là sự phát triển của các nước kém phát triển ở ngoại vi - đã nuôi dưỡng chủ nghĩa khủng bố và như một hành động nuôi ong tay áo, các lực lượng khủng bố đã phản pháo chính đế quốc hàng đầu, tạo nên một vòng xoáy tàn phá không tìm ra lối thoát.

Do không thể có chính phủ toàn cầu dưới chủ nghĩa tư bản, nhưng một chính phủ như vậy là cần thiết trong thực tế toàn cầu hóa hơn nữa ngày nay, Mészáros cho rằng, hệ thống (tư bản) ngày càng ném mình vào "quy luật cực đoan bạo lực của một quốc gia đế quốc bá quyền đối với toàn thế giới trên

https://tieulun.hopto.org

một cơ sở thường trực: một phương cách điều hành trật tự thế giới vô lý và không thể tồn tục được" (tr.73).

Mười năm trước, theo dõi diễn biến của cuộc chiến tranh vùng Vịnh, các biên tập viên của *Monthly Review*, Harry Magdoff và Paul Sweezy nhận xét:

"Dường như Hoa Kỳ đã tự trói mình vào một diễn trình với những hệ lụy nghiêm trọng nhất đối với toàn thế giới. Biến đổi là quy luật duy nhất chắc chắn của vũ trụ. Nó không thể bị chặn lại. Nếu các xã hội (ở ngoại vi của thế giới tư bản) bị ngăn không được giải quyết những vấn đề của họ bằng các cách thức của họ, chắc chắn là họ sẽ không giải quyết những vấn đề đó bằng cách thức những người khác chỉ thị cho họ. Và nếu họ không tiến lên phía trước được thì họ không tránh khỏi phải lùi lại phía sau. Đó là những gì đang diễn ra trên những vùng rộng lớn của thế giới ngày nay, và Hoa Kỳ, quốc gia hùng mạnh nhất với những phương tiện đàn áp không hạn chế có sẵn trong tay, dường như muốn nói cho những quốc gia khác, đó là số phận buộc họ phải chấp nhận nếu không sẽ có nguy cơ bị tàn phá dữ dội".

Một trong những nhà tư tưởng vĩ đại của thế kỷ trước, Alfred North Whitehead, đã từng nói: "Tôi luôn luôn quanh quẩn với ý nghĩ rằng loài người có thể lên đến một điểm nào đó và rồi theo chiều đi xuống và không bao giờ gượng dậy được nữa. Vô số những hình thức của đời sống đã diễn ra như vậy. Sự tiến hoá có lên mà cũng có xuống". Đó có thể là một ý nghĩ không chắc chắn nhưng không hề là một sự cường điệu khi cho rằng tác nhân và hình thức của thoái trào đó rất có thể đang cấu

https://tieulun.hopto.org

hình ngay trước mắt chúng ta trong những năm khép lại thế kỷ XX sau Công nguyên.

Tất nhiên, nói vậy không có nghĩa là chiều đi xuống không đảo ngược được đó là không thể tránh khỏi cho đến khi nó xuất hiện. Nhưng cái muốn nói ở đây là những gì đã diễn ra trong nửa thế kỷ qua, đặc biệt là trong năm qua, chứa đựng tiềm năng đó. Và cũng là để thừa nhận rằng, chúng ta, nhân dân Mỹ, có một trách nhiệm đặc biệt phải làm một cái gì đó bởi vì chính phủ chúng ta đang đe dọa đóng vai trò Samson[6] trong ngôi đền của nhân loại[7].

Mười năm trôi qua chỉ khẳng định thêm giá trị chung của sự phân tích đó. Bằng bất cứ tiêu chí khách quan nào, Hoa Kỳ vẫn là quốc gia tàn phá nhất trên trái đất này. Kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Hoa Kỳ đã giết và khủng bố nhân dân thế giới nhiều nhất so với bất cứ quốc gia nào khác. Sức mạnh tàn phá của nó dường như vô tận, được trang bị bằng mọi loại vũ khí có thể quan niệm được. Những toan tính đế quốc nhằm trở thành bá chủ toàn cầu hầu như không có giới hạn. Để đánh trả những cuộc khủng bố ở New York và Washington, Chính phủ Hoa Kỳ nay tuyên bố chiến tranh với khủng bố, mà theo

---

6. Một trong những quan tòa Ixraen, thế kỷ XII trước Công nguyên, linh hồn của cuộc kháng chiến chống người Philistin, bị Dalila đánh bại và giam trong một ngôi đền Philistin. Samson đã hồi phục sức mạnh đánh sập ngôi đền. Nhân vật chính trong vở *Samson và Dalila* của Saint Saens (1877). (ND)

7. Các biên tập viên, "Pax Americana", *Monthly Review*, tháng Bảy-Tám 1991.

https://tieulun.hopto.org

họ, lẩn quất ở hơn sáu mươi nước, cũng như đe dọa hành động quân sự chống các chính phủ dung dưỡng khủng bố. Trong giai đoạn thứ nhất của một cuộc đấu tranh lâu dài, theo như trình bày, Hoa Kỳ đã tung bộ máy chiến tranh vào Ápganixtan, đã gây bao tổn thất sinh mạng, trong đó có những người đã chết vì đói.

Chúng ta nhìn nhận những sự phát triển đó như thế nào nếu không coi đó là sự tăng trưởng của chủ nghĩa đế quốc, tình trạng dã man và chủ nghĩa khủng bố - cái này nuôi dưỡng cái kia - trong một thời đại mà chủ nghĩa tư bản dường như đã đến ranh giới của tiến hóa lịch sử? Hy vọng còn lại cho nhân loại trong những hoàn cảnh đó là xây dựng lại chủ nghĩa xã hội, và cần kíp hơn trước mắt, với sự xuất hiện của cuộc đấu tranh ngay trong nước Mỹ - ngăn chặn Washington không để tiếp tục trò chơi chết người của Samson trong ngôi đền của nhân loại. Chưa bao giờ những từ: "chủ nghĩa xã hội hoặc trạng thái dã man" từng được Rosa Luxemburg hùng hồn lên tiếng, lại có tính thời sự toàn cầu như ngày nay.

https://tieulun.hopto.org

Những mối liên hệ giữa toàn cầu hóa tư bản và chủ nghĩa quân phiệt*

*Claude Serfati***

Mục đích của bài này là trình bày quan điểm của bản thân về những mối liên hệ giữa toàn cầu hóa tư bản và sự tăng trưởng của chủ nghĩa quân phiệt, và xem xét sự tiến triển của giai đoạn mới - giai đoạn "chiến tranh không giới hạn" - bắt đầu từ những năm đầu của thế kỷ này.

Sau khi đã đạt được mức tăng với những con số kỷ lục vào những năm 1980 (tăng hơn 50 phần trăm), chi tiêu quân sự thế giới giảm mạnh trong phần lớn thập kỷ 1990. Tiếp đó, lại bước vào thời kỳ tăng trở lại: từ năm 1998 đến 2001, chi tiêu quân sự

---

* ATTAC, *Newsletter*, số 170, 9 tháng Tư 2003.

** Claude Serfati, nhà nghiên cứu.

https://tieulun.hopto.org

của thế giới tăng thực tế 7 phần trăm mỗi năm.[1] Những số liệu này không tính sự tăng trưởng của các ngân sách quân sự từ sau ngày 11 tháng Chín.[2] Thế kỷ XXI nổi bật với một thời kỳ tăng mạnh và khá phổ biến chi tiêu quân sự. Vào mùa Thu 2002, hầu như không được nghiên cứu trước, Quốc hội Pháp đã thông qua một luật kế hoạch quân sự cho thời kỳ 2003-2008, trong đó dự kiến tăng chi tiêu trang bị bình quân 14,84 tỷ euro (theo thời giá) cho mỗi năm, so với 12,27 tỷ USD của năm 2001 - như vậy là tăng hơn 20 phần trăm.

Giả thuyết đưa ra trong bài này là nhân loại ngày nay đang phải đối diện với nhiều hiểm họa, mà bằng chứng là nhiều người trong thế giới này chỉ đơn giản cố vật lộn làm sao để tồn tại và nuôi nấng được con cái. Không chỉ những người sống "bên lề" bị ảnh hưởng mà cả toàn thể dân chúng trong các nước mấy thập kỷ trước được coi là những nền kinh tế đang nổi lên. Ví dụ, số phận của nhân dân Áchentina sau một thập kỷ theo đuổi những chính sách tự do mới. ATTAC rất chú ý - và kiên quyết đấu tranh - chống những tác động xấu đến người dân phương Nam trước tình hình mở rộng quyền sở hữu tư nhân mà nay bao gồm cả những quyền đối với các vật liệu gen. Trong bối cảnh đó, buộc người ta phải suy nghĩ về một bộ máy ghê gớm, kỹ thuật cao và thô bạo về phương diện chính trị mà chính quyền Bush đang bày binh bố trận.

---

1. *Nguồn:* Viện nghiên cứu hoà bình quốc tế Stockholm, SIPRI.
2. Ngân sách quốc phòng của Hoa Kỳ là 304 tỷ USD năm 2001, 351 tỷ năm 2002 và 396 tỷ năm 2003. Mục tiêu là đạt tới 470 tỷ USD (theo thời giá 2002) vào năm 2007.

https://tieulun.hopto.org

Quyết định gây chiến tranh đánh Irắc không thể chỉ được giải thích bằng sự hành xử vô trách nhiệm của một "bè phái" những người Cơ đốc cuồng tín. Chắc chắn là nhóm cận thần tổng thống đã thanh lọc được những phần tử ôn hòa nhất trước đây là phụ tá cho Bush cha, và sự kiện 11 tháng Chín đã đem đến cho Bush con một cơ hội ngàn vàng không mơ tưởng nổi để xúc tiến chương trình của ông ta. Tuy nhiên, cần nhận thức rằng cuộc "chiến tranh không giới hạn" là kết quả phức hợp của nhiều yếu tố. Xin kể ra đây ba điểm mà tôi cho là có vị trí trung tâm và bổ sung cho nhau:

1. Một bá quyền, mà không chút nghi ngờ, không có gì sánh nổi trong mấy trăm năm qua.[3] Chính sách của Bush đã gây ra một sự thay đổi về quy mô của tiến trình quân sự hoá và can thiệp quân sự đã được tiến hành trong những năm 1990;

2. Sự tồn tại của một hệ thống quân sự-công nghiệp tự thiết lập trong những thập kỷ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, và đã được phục tráng suốt những năm 1990, đặc biệt là do một sự hội nhập chặt chẽ hơn với những cơ cấu của tư bản tài chính (các "thị trường tài chính").

3. Những mâu thuẫn của một hệ thống tích lũy dựa trên những chính sách tự do mới và sự thiết lập của các "thị trường". Ngày nay, thuật ngữ này, được chuyển thành một khái niệm nhưng trong thực tế không được định nghĩa rõ ràng, đã che khuất việc áp đặt các quyền đầu cơ vốn gây nên biết bao sự tàn

---

3. Tôi dẫn ra đây những chuyên gia về lịch sử lâu dài của các "chu kỳ bá quyền", nhưng không thừa nhận những kết luận của họ về chu kỳ hiện nay và sự sụp đổ không thể tránh khỏi của bá quyền Hoa Kỳ.

https://tieulun.hopto.org

phá cho nhiều khu vực và đẩy nền kinh tế Mỹ vào khủng hoảng khá lâu trước các cuộc tập kích 11 tháng Chín 2001 (theo các chỉ báo chính thức, suy thoái bắt đầu vào quý III năm 2000, nhưng một số nhà kinh tế "cực đoan" cho rằng sự suy thoái đó thực ra đã bắt đầu từ năm 1997).

Căn cứ mục đích của bài này, tôi sẽ không đi vào chi tiết của ba điểm trên.[4] Thay vào đó, chúng ta sẽ lướt qua ba nguyên nhân để nhận ra những vấn đề mà ATTAC quan tâm. Về phương diện địa-chính trị, ý kiến về bá quyền của Hoa Kỳ là chuyện trên cửa miệng mọi người - đặc biệt ở Pháp. Liệu trong một khuôn khổ phân tích khác, cái nhãn hiệu trình tòa "đế chế" gần gũi hơn một siêu đế quốc (hay độc tôn) có hoàn toàn thích hợp không? Tuy rằng vấn đề này xem ra có vẻ phù phiếm, nhưng trong một số điều kiện nhất định, lại có những hậu quả đối với định hướng mà ATTAC mong muốn. Ví như, những nước lớn khác, đặc biệt là Pháp, chiếm giữ vị trí nào trong bản đồ địa-chính trị? Hoặc chúng ta sẽ định vị thế nào cho hành động của các tổ chức phi chính phủ và của ATTAC chống lại xu hướng quân sự hóa và các cuộc chiến tranh đang xé nát châu Phi và giết chết nhân dân châu lục này? Mối liên hệ giữa các thảm kịch đó và những thuộc địa trước đây của Pháp ở châu Phi (một mối quan tâm kéo dài của nền ngoại giao, kinh tế và chính trị Pháp)?

---

4. Những thành viên của ATTAC muốn có thêm tư liệu bổ sung có thể tham khảo báo cáo của tôi tại Đại học Summer, được viết tháng Mười một 2002. Nói chung, các tham chiếu về phân tích đăng tải trong giáo trình chuyên môn của tôi có thể tìm thấy ở trang web của ban nghiên cứu của chúng tôi.

https://tieulun.hopto.org

Vai trò của hệ thống quân sự-công nghiệp trong việc quân sự hóa hành tinh trong những thập kỷ gần đây rất có ý nghĩa. Vì những lý do hiển nhiên, hệ thống quân sự-công nghiệp Mỹ chiếm giữ một vị trí quyết định. Sức mạnh của nó chẳng có gì tương tự với cái mà trước đây người ta thường mệnh danh là những lái buôn súng hay những kẻ buôn lậu vũ khí. Những cơ chế chính trị và kinh tế đặc trưng cho các thập kỷ hậu chiến đã thiết lập vững chắc hệ thống quân sự-công nghiệp trong nền kinh tế và xã hội của Hoa Kỳ. Trong thời kỳ đó, hệ thống này có một ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển một số công nghệ, giúp thúc đẩy các ngành công nghiệp dân sự lớn (như hàng không học, thăm dò vũ trụ và điện tử học theo nghĩa rộng nhất). Sự phục tráng của nó trong những năm 1990 là một yếu tố lớn trong tiến trình quân sự hóa, mà kết quả như những gì ta có thể thấy hôm nay vẫn còn rất xa mới tới điểm kết thúc. Vai trò trung tâm của tin tức và công nghệ thông tin (ICT) trong quyền thế tối thượng về quân sự và an ninh,[5] trong bối cảnh sự suy sụp của trào lưu "dot.com", liền khuyến khích sự trỗi dậy của một "tổ hợp quân sự-công nghiệp" trong nền kinh tế và xã hội Mỹ, và có thể trao cho "tổ hợp" này một vai trò còn trung tâm hơn so với thời kỳ những thập kỷ "chiến tranh lạnh".

Có một thoả thuận rộng rãi trong ATTAC về kinh tế-chính trị của toàn cầu hóa và những thảm họa nó đã gieo rắc - lần lượt hoặc cùng lúc - lên phần lớn các khu vực trên hành tinh trong những năm 1990. Đồng thời, tầm quan trọng của những mâu

5. Những nhà công nghiệp Mỹ hoạt động trong lĩnh vực điện tử nay gọi nó là "công nghệ thông tin và quyền tùy nghi".

https://tieulun.hopto.org

thuẫn và khó khăn ảnh hưởng đến nền kinh tế Mỹ thường bị đánh giá thấp ở Pháp. Suy thoái không thấy dấu hiệu kết thúc, thâm hụt ngân sách và thương mại[6] tăng đáng kể trong năm 2002, đó là chưa nói tới khủng hoảng lòng tin vào hệ thống tài chính và ngành lương hưu tư nhân. Trong những điều kiện đó, kế hoạch mới tăng chi tiêu quân sự đi kèm với cắt giảm thuế ồ ạt (tháng Mười hai 2002) cho một nhóm nhỏ những người siêu giàu và đầu cơ, đã khiến cho tờ *Business Week* (Tuần báo Kinh doanh) phải đăng tải một hồ sơ lấy tên là "Chiến tranh giai cấp?" (20 tháng Giêng 2003). Tất nhiên, chẳng phải động lòng với những người "dưới đáy" mà là một thứ cảm thức, không thoải mái - không hẳn là khẳng định - rằng chính sách đó, trong cùng lúc là một cố gắng thúc cương các "thị trường tài chính" (trong lúc tấn công các giai cấp và các nhóm bị bóc lột) và cố nhiên là một cuộc "chiến tranh không giới hạn" mang trong mình những bất trắc của một đại thảm họa.[7]

---

6. Vốn đã khá lớn trong năm 2001, thâm hụt thương mại tăng liên tục hàng tháng trong năm 2002, từ 25 tỷ USD tháng Mười hai 2001 lên 45 tỷ USD tháng Mười hai 2002. Đầu năm 2003, Tổng cục Ngân sách Mỹ tính toán kế hoạch của Bush trong vòng mười năm sẽ chuyển từ một ngân sách tồn dư 5.600 tỷ USD thành một ngân sách tồn hụt 2.000 tỷ USD.

7. Trong cùng tinh thần đạt tới sự động loạn do chiến tranh gây ra và sự bất định do nó mang lại, xem xã luận của ông Wolf trên tờ *Thời báo Tài chính* ngày 13 tháng Ba 2003, "Mỹ có thể không thích thú cái thế giới mới mà nó sắp tạo nên". Tuy nhiên, mấy ngày trước đó, cũng tác giả này đã viết trên cùng tờ báo này ngày 26 tháng Hai, một bài nhan đề "Có được sự cung cấp dầu ổn định cũng đáng phòng vệ trước xâm lược của người Irắc". Bằng cách đó, ông có thể nói sao cũng được: "Tôi chẳng đã bảo mà !".

https://tieulun.hopto.org

Sự tương tác và tầm quan trọng tương đối của bản thân ba yếu tố nêu trên cũng đáng là chủ đề thảo luận. Những phương cách mà các lực lượng cưỡng chế sử dụng để dung dưỡng chủ nghĩa quân phiệt và chiến tranh,[8] đã quét sạch mọi thứ trước mắt nó, và cuối cùng tạo nên những bối cảnh lịch sử và thiết chế thích hợp, cần được nghiên cứu kỹ càng. Chắc chắn là chúng ta biết mối liên hệ giữa thương mại tự do và hoà bình, một giáo lý trung tâm của học thuyết kinh tế ngự trị, không được minh chứng trong hai thế kỷ qua, và rằng toàn cầu hoá (tư bản) quá xa với "hạnh phúc" và "hoà bình", mà đòi hỏi sử dụng sức mạnh.

Tuy nhiên, một thời kỳ mới bắt đầu vào cuối thế kỷ trước với một sự tương tác chặt chẽ hơn giữa toàn cầu hóa tư bản, chiến tranh và chủ nghĩa quân phiệt. Ưu thế vượt trội của đồng vốn đầu cơ chính là một ngõ cụt, mà ngay Hoa Kỳ nay cũng nhận ra và đã khuyến khích tìm kiếm những giải pháp để bảo vệ bằng bạo lực những quyền lợi của lớp trên chính trị và của giai cấp thống trị. Chiến lược này "không thể bền vững", chẳng những đối với nạn nhân mà cả trên quan điểm của những người đang tìm kiếm một phương án thay thế theo hướng có một chủ nghĩa tư bản hoà bình ("văn minh"?). Đến lượt nó, chính quyền Bush nỗ lực tìm kiếm một hình thức khác của "cai quản toàn cầu"mà từ đó, hơn mười năm nay đã gắn kết chủ nghĩa tự do

---

8. Jean Jaurès, nhà lãnh đạo lỗi lạc Đảng Xã hội Pháp, bị ám sát năm 1914 ngay trước Chiến tranh thế giới thứ nhất (ND), đã nói một câu nổi tiếng: "Chủ nghĩa tư bản mang trong mình nó chiến tranh như mây mù mang theo mưa bão".

https://tieulun.hopto.org

mới, sự thống trị về tài chính không cần phải trá hình và quân sự hóa cao độ. Cuộc tìm kiếm này càng thêm ráo riết với thái độ của những nhà lãnh đạo Hoa Kỳ đối với Liên hợp quốc trong cuộc chiến tranh chống Irắc, và người ta nhận thấy hành vi hiếu chiến của họ thể hiện nhất quán trong chính sách đối với một loạt hiệp ước quốc tế trong những năm qua.

Hiện nay, việc thảo luận và làm sáng tỏ những điều đó càng cần thiết hơn vì cuộc chiến tranh ở Irắc làm nổi lên một cách chính đáng những đòi hỏi phải được giải thích. Tuy nhiên, không nên xét đoán vội sự phân tích các mối quan hệ nổi lên trong hai thập kỷ qua giữa một công cuộc toàn cầu hóa bị thao túng bởi đồng vốn đầu cơ và chủ nghĩa quân phiệt. Những nghiên cứu đi sâu của ATTAC là cần thiết bên cạnh việc xác định lập trường chống chiến tranh ở Irắc.[9]

Tôi xin nêu ra đây một số điểm cần đi sâu:

➢ Vấn đề quốc phòng và vũ trang ở châu Âu, bao gồm sự chuyển đổi các hệ thống quân sự-công nghiệp ở Hoa Kỳ và ở các nước trong một châu Âu rộng lớn hơn[10] từ thập kỷ trước. Vấn đề

---

9. Sự tham gia của bản thân trong các cuộc hội họp do ATTAC tổ chức trong mấy tuần gần đây càng củng cố trong tôi lòng tin rằng những nhà hoạt động và công dân bị tràn ngập bởi thông tin của các phương tiện truyền thông, mong muốn có được những phân tích chiều sâu. Những nỗ lực của "phong trào giáo dục nhân dân" là bổ sung tối cần thiết cho các nhà hoạt động.

10. Chi tiêu quân sự ở các nước NATO chiếm hai phần ba chi tiêu quân sự toàn cầu năm 2001. Các số liệu này của SIPRI chưa bao gồm những gia tăng chi tiêu từ sau ngày 11 tháng Chín. Năm 2001, các công ty Mỹ, Anh và Pháp chiếm 90 phần trăm sản xuất vũ khí của 100 công ty lớn nhất thế giới (nguồn SIPRI).

https://tieulun.hopto.org

nổi lên là sự "xuyên đại tây dương hóa" - một thuật ngữ nghe ra có phần thích hợp hơn là "toàn cầu hóa"- của công nghiệp vũ khí. Thật vậy, công nghiệp vũ khí cũng đứng trước những thách thức như các công nghiệp khác: vai trò của "thị trường tài chính" trong các tái cơ cấu xuyên đại tây dương, sự tư nhân hóa đang tăng lên của các hoạt động công nghiệp, và cả phòng vệ trong nghĩa thực sự của nó (những vật tư bảo vệ, an ninh tư nhân v.v.), "cai quản doanh nghiệp" của các đại công ty vũ khí.

Đồng thời, những biện pháp nhằm củng cố và tăng cường công nghiệp vũ khí châu Âu (trong các tập đoàn châu Âu như Công ty Hàng không vũ trụ quốc phòng châu Âu) và điều hòa các thị trường vũ khí châu Âu, các quy trình đấu thầu cung cấp vũ khí, v.v. tăng lên trong những năm gần đây đã dẫn tới việc có thêm những thiết chế mới.[11] Mối liên hệ giữa những thay đổi trong công nghiệp và sự chỉ đạo của Chính sách quốc phòng và an ninh châu Âu (ESDP) là thế nào? Chính sách này vạch một con đường giữa chủ quyền quốc gia và vô số những tham chiếu về vai trò quan yếu của NATO trong các văn bản chính thức, bao gồm cả báo cáo của nhóm "Quốc phòng" thuộc Công ước về tương lai châu Âu.[12] Rõ ràng những vấn đề này sẽ mang nhiều

---

11. Tuy nhiên, đó là trái với Điều 296 của Hiệp ước thành lập Cộng đồng châu Âu (vốn là Điều 223 của Hiệp ước Rome) cho phép các quốc gia thành viên không phải chịu sự kiểm soát của Cộng đồng về sản xuất và mua bán vũ khí.

12. Báo cáo cuối cùng của Nhóm công tác quốc phòng thuộc Công ước về tương lai châu Âu (do ông Barnier chủ tọa) thường nhắc đến các nhà nước của Liên minh châu Âu (và cả các nhà nước sắp gia nhập) thành viên của NATO và tái khẳng định không thể xác định chính sách an ninh và quốc phòng châu Âu mà không tham chiếu NATO (đoạn 25).

https://tieulun.hopto.org

tính chất bước ngoặt quan trọng khi EU mở rộng và Hoa Kỳ chấp nhận một số quốc gia Đông Âu là những nhà nước vệ tinh.

➢ Mối quan hệ giữa các tiến trình toàn cầu hoá chi phối bởi tài chính và chủ nghĩa quân phiệt. Rõ ràng chủ nghĩa quân phiệt sinh ra chiến tranh. Nhìn chung, các ngành công nghiệp vũ khí đóng đô ở phương Bắc, các cuộc chiến tranh diễn ra ở phương "Nam". Người ta thường gọi rất sai đó là những cuộc "chiến tranh sắc tộc". Tôi đã cố gắng chứng minh rằng các cuộc chiến tranh ở châu Phi với sự gia tăng của nền kinh tế cướp bóc, vừa là hậu quả và vừa là thuộc tính của toàn cầu hóa. Một hậu quả là kể từ khi những cơ cấu của nhà nước bị đổ vỡ (đặc biệt là dưới sức ép nặng nề của các chính sách tự do mới), tài nguyên thiên nhiên trở thành miếng mồi ngon của nền kinh tế dã thú, được tổ chức và kiểm soát bởi các nước kình địch, và trở thành một phương thức tồn tại bình thường. Chiến tranh cũng là thuộc tính của toàn cầu hóa: việc khai thác các nguồn lực tự nhiên do các tập đoàn đa quốc gia và việc "tái phân phối" thu nhập từ nền kinh tế dã thú trên thị trường quốc tế vẫn tiếp tục trong chiến tranh, tham gia không cần che đậy vào phương diện đó của nền kinh tế thế giới.

Sự hỗn loạn gây cho một số vùng nay được đi kèm với lời kêu gọi của một số chuyên gia đổi mới "chủ nghĩa đế quốc tự do mới" dưới hình thức những "ủy thác", được gọi một cách mỉa mai là "xây dựng đất nước" trong các tài liệu chính thức của Mỹ.[13] Việc "cấu hình lại" tầng lớp trung lưu do Powell

---

13. Ủy thác hay quản thác là công thức được Liên đoàn các quốc gia lựa chọn năm 1919 cho một số thuộc địa của Đức và đế chế Ottoman được đặt dưới quyền kiểm soát của các đế quốc thắng trận là Anh và Pháp.

https://tieulun.hopto.org

công bố, bắt đầu bằng việc giải thể Irắc, là sự tiếp nối lôgích của chính sách đó. Nhưng chủ nghĩa đế quốc tự do mới cũng thấy rõ trong đề nghị "cộng đồng quốc tế" (Liên hợp quốc) đảm nhiệm vai trò thanh tra các quốc gia nay đang ở trong tình cảnh tuyệt vọng và đang phải đối phó với sự bùng nổ xã hội từ bên trong. Một ví dụ nổi bật của việc này là đề nghị đang được đưa ra - vào đỉnh điểm của cuộc chiến tranh Irắc - trao cho Liên hợp quốc một vai trò trong tái thiết nước này.

➢ Chiến lược an ninh quốc gia của Hoa Kỳ do chính quyền Bush đưa ra vào tháng Chín 2002, chẳng những không đề cập "chiến tranh phòng ngừa" nay đã quá nổi tiếng mà còn khẳng định "hoà bình, dân chủ, thị trường tự do và mậu dịch tự do" phải được bảo vệ như "những đòi hỏi không thể tranh cãi của phẩm giá con người". Tất nhiên những thứ đó vẫn có thể cưỡng chế bằng các phương tiện quân sự. Đối với những vấn đề này, trong những tháng tới, Mỹ Latinh là khu vực quyết định mối quan hệ giữa toàn cầu hóa và "chiến tranh không giới hạn" sẽ được nhấn mạnh như thế nào. Mối liên hệ giữa việc mở rộng của "thị trường" (nhất là việc thiết lập Khu vực tự do thương mại toàn Mỹ) và vị thế quân sự của chính quyền Mỹ (mà "Kế hoạch Côlômbia" là một trong những biểu tượng) sẽ làm sáng tỏ mối quan hệ giữa kinh tế và quân sự.

https://tieulun.hopto.org

Quân sự hóa trong thời đại toàn cầu hóa*

*John Feffer***

Nhân danh an ninh quốc gia, các chính phủ can thiệp sâu vào nền kinh tế để tăng sức cạnh tranh sản xuất quân sự trên thị trường thế giới. Các nền kinh tế kế hoạch nhà nước hầu như biến mất sau chiến tranh lạnh, trừ các tổ hợp quân sự - công nghiệp. Các thiết chế kinh tế đa phương như WTO và IMF đã giúp cho loại hình đặc thù này tồn tục và đơm hoa kết trái. Biệt lệ về an ninh đã giúp cho một số chính phủ toàn cầu hoá sản xuất quân sự của họ, tránh né được phần lớn sự cạnh tranh gay gắt của toàn cầu hóa. Bài dưới đây của John Feffer

---

* Bài đăng trong *Progressive Response*, tháng Tư 2002.

** John Feffer là thành viên của Foreign Policy in Focus - FPIF, tác giả cuốn "Sóng xung kích: Đông Âu sau cách mạng" và là chủ biên cuốn sách sắp xuất bản "Sống trong hy vọng: Những thách thức của cộng đồng đối với toàn cầu hóa".

https://tieulun.hopto.org

phân tích những mối liên hệ được che đậy giữa toàn cầu hóa và quân sự hóa.

Vũ khí, nhỏ như súng trường, lớn như máy bay phản lực, đều là ngành kinh doanh hái ra tiền. Các hợp đồng chính phủ béo bở, tỷ lệ lợi nhuận cao, và những khoản chi phí bảo trì và vận hành bảo đảm những khoản lãi khổng lồ cho các nhà sản xuất vũ khí. Các cuộc xung đột liên miên trên thế giới bảo đảm không thiếu khách hàng. Sau thời gian sút giảm hậu chiến tranh lạnh, việc mua sắm vũ khí lại phất to trong năm 2000, với doanh số lên tới 800 tỷ USD. Sau thảm họa 11 tháng Chín, sản xuất và tiêu thụ vũ khí chắc hẳn sẽ tiếp tục gia tăng - nhờ sự khuyến khích của các chính phủ và sự hỗ trợ của các thiết chế kinh tế đa phương.

Mặc dù đa phần các nhà thầu vũ khí chẳng phải là những công nghiệp "thiếu thời" cần được tiếp sức, cũng không phải là những nhà khổng lồ bệnh hoạn trên bờ vực phá sản, các nhà nước vẫn tiếp tục trợ cấp cho họ. Ngay cả những chính phủ quyết tâm nhất - trên giấy - không can thiệp vào nền kinh tế, cũng ra sức vực dậy công nghiệp sản xuất vũ khí. Hoa Kỳ chẳng hạn, đã giảm 1,2 tỷ USD tiền thuế khi Lockheed sáp nhập với Martin Marietta để trở thành công ty sản xuất vũ khí Lockheed Martin lớn nhất thế giới.

Theo lôgích của thương mại tự do, hòn đá tảng của toàn cầu hóa, những trợ cấp như vậy được coi là "những rào cản phi thuế đối với thương mại". Nói cách khác, chúng là những lợi thế không lành mạnh mà một công ty được hưởng khi làm ăn

https://tieulun.hopto.org

trên thị trường thế giới. Và mọi người đều nghe nói các thiết chế tài chính quốc tế đã cam kết xóa bỏ những ưu thế không chính đáng đó.

Trợ cấp quân sự được biệt đãi

Các hiệp định thương mại đều đối xử với trợ cấp quân sự khác hẳn các trợ cấp khác. Người ta gọi đó là 'biệt lệ an ninh quốc gia". Nó được đưa vào Hiệp định chung về thuế quan và mậu dịch (GATT) từ năm 1947 và vào tất cả các hiệp định khác sau đó, cho phép các nhà nước trợ cấp sản xuất, xúc tiến mua bán, và cho phép cả việc cấm vận thương mại vì lý do bảo đảm an ninh quốc gia. Như vậy, căn cứ vào các quy định thương mại tự do đó, nếu Hoa Kỳ trợ cấp cho sản xuất máy bay Boeing 747 để xuất khẩu, các nước khác có quyền khiếu nại với Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Nhưng nếu Hoa Kỳ trợ cấp cho sản xuất máy bay cường kích F-15 để đem bán cho các nước khác thì không quốc gia nào có thể coi đấy là phạm luật.

Trong một số trường hợp, biệt lệ an ninh còn được lợi dụng để chuyển tiền từ khu vực dân sự sang khu vực quân sự. Chính phủ Canađa trợ cấp cho các máy bay phản lực dân dụng do công ty Bombardier Aerospace (hàng không vũ trụ quân sự) sản xuất mãi cho đến khi các nước phản kháng thông qua WTO. Và thế là Canađa chuyển sang trợ cấp cho sản xuất quân sự của Bombardier. Nhiều nước coi sản xuất quân sự là cứu cánh giúp họ vượt qua khó khăn kinh tế. Chính phủ Nam Phi tiếp tục trợ cấp cho Denel, doanh nghiệp nhà nước sản xuất vũ khí. Để ngăn chặn khả năng tư nhân hóa công ty Denel trong

https://thuvienkhoa.vn

tương lai và để thúc đẩy sản xuất công nghiệp, chính phủ thiết lập Chương trình tham gia công nghiệp để kêu gọi đầu tư dân sự từ các nhà sản xuất vũ khí châu Âu nhằm cân bằng với phí tổn sản xuất các hệ thống vũ khí quan trọng. Trong những trường hợp như vậy, đầu tư dân sự trở thành con tin của việc sản xuất vũ khí.

Trợ cấp của chính phủ thường làm cho vũ khí rẻ tiền hơn. Đối với các nước nhập vũ khí, biệt lệ an ninh có nghĩa là chi tiêu nhiều hơn cho việc mua vũ khí từ nước ngoài - và cũng làm tăng nguy cơ leo thang xung đột khu vực.

Vạch mặt sự liên kết quân sự hóa-toàn cầu hóa

Lầu Năm góc, Bộ Thương mại, các thiết chế tài chính và thương mại quốc tế hợp thành Ba ngôi nhất thể hùng hậu. Trên bình diện toàn cầu, khi Ba ngôi thế tục này hỗ trợ việc phổ biến vũ khí, tăng ngân sách quốc phòng, và đề cao vai trò thao túng của những nhà sản xuất vũ khí, thì có ngay sự gian lận và che đậy. Thế nhưng vẫn có cách thách thức sự cấu kết giữa toàn cầu hoá và quân sự hóa.

Cái thế lưỡng nan chủ yếu ở đây là liệu có nên "lấy gậy ông đập lưng ông" không, tức là dùng ngay các quy định của họ để chất vấn họ, hay phê phán trực tiếp các quy định ấy.

Trước hết hãy dùng các quy định để thách thức vấn đề quân sự hóa. Do sự chỉ trích của các tổ chức theo dõi vấn đề ngân sách chiến tranh và cũng do cuộc đấu tranh của những người biểu tình, IMF nay có phần chịu nghe hơn yêu cầu giảm ngân sách quốc phòng, như đã được chứng minh ở Hàn Quốc,

https://tieulun.hopto.org

Pêru và ở châu Phi. Các nhà hoạt động hòa bình có thể yêu cầu IMF tiếp tục chiều hướng "tốt" đó. Theo chiến thuật này, xu hướng cắt ngân sách của IMF sẽ được vận dụng để giảm chi tiêu quân sự trên toàn thế giới.

Cũng theo lôgích này, chính quyền Bush có thể bị sức ép áp dụng sự thiếu thiện cảm với chính sách công nghiệp được nhiều người biết vào ngay lĩnh vực quân sự (tức là các chính sách của chính phủ thúc đẩy phát triển bằng việc hỗ trợ cho một số công nghiệp được chọn lựa). Công nghiệp quốc phòng được hưởng những ưu đãi của phúc lợi cho các công ty, như những lỗ hổng về thuế, hỗ trợ xuất khẩu, R & D (nghiên cứu và phát triển) và những bảo đảm khác. Nếu có nghi ngờ gì là chưa thoả đáng thì đơn thuốc độc hại này lập tức sẽ được bổ sung. Hơn nữa, Chương trình Bảo lãnh cho vay xuất khẩu quốc phòng và biệt đãi chiến tranh chống ma túy của Ngân hàng xuất nhập khẩu đều là sáng kiến của chính quyền Clinton. Những người Cộng hòa nên được khuyến khích chơi con bài của đảng và hạn chế ảnh hưởng của Đảng Dân chủ trong lĩnh vực quân sự. Đồng thời, chính sách ngoại giao hiếu chiến của chính quyền Bush nhân danh các nhà thầu quốc phòng trong nước cũng cần được xem như rào cản phi thuế quan đối với thương mại.

Để thuyết phục Chính phủ Hàn Quốc mua máy bay cường kích F-16, Hoa Kỳ thông báo sẽ không giúp cho Hàn Quốc các hệ thống vũ khí và mật mã nếu nước này chuyển sang mua máy bay chiến đấu của Pháp. Cả ở đây nữa, những chiến sĩ hoà bình cũng có thể buộc tội chính quyền Bush can thiệp trắng trợn vào thị trường tự do.

https://tieulun.hopto.org

Các nhà hoạt động cũng có thể thúc ép WTO tiến hành cắt các mối liên hệ gắn chặt tổ hợp quân sự - công nghiệp. Mặc dù có ít thành viên WTO ủng hộ việc loại bỏ biệt lệ an ninh, nhưng các thành viên WTO vẫn có thể trước hết nhằm chống lại trợ cấp cho các chương trình quân sự mà mục đích chính là để nâng cao sản xuất dân dụng. Chẳng hạn, có thể phê phán Chính phủ Hoa Kỳ dành các phần thưởng để khuyến khích các công ty chở thuê hàng không mua máy bay vận tải quân sự Boeing C-17. Tương tự, nếu các dịch vụ vận tải được tự do hoá ở cấp WTO, thì có thể vận dụng tổ chức này chống lại Chương trình An ninh hàng hải của Hoa Kỳ.

Một chiến thuật thứ hai là chống ngay chính các quy định vì những quy định này có thiên hướng làm lợi cho những kẻ mạnh. Một trong những vũ khí lợi hại nhất để chống tổ hợp quân sự - công nghiệp là đòi hỏi sự minh bạch. Bằng cách theo dõi ghi chép việc mua bán vũ khí và phơi bày những vụ mua bán mờ ám, tham nhũng như vụ giao dịch gần đây giữa Anh và Arập Xêút đổi dầu lấy vũ khí, các nhà báo và nhà hoạt động có thể mở rộng theo dõi mua bán vũ khí toàn cầu theo kiểu "lạt mềm buộc chặt" mà những người tí hon Lilipút trói buộc người khổng lồ Gulliver. Những quy tắc quốc tế như đề nghị của Tổng thống Oscar Arias nước Côxta Rica có thể đưa ra được một tiêu chuẩn tối thiểu trong một môi trường tự do hóa mua sắm vũ khí có sức tàn phá ghê gớm.

Những biện pháp đó có thể mở đường cho những bước đi triệt để hơn. Một loại thuế Tobin quân sự đánh vào các giao dịch quân sự qua biên giới có thể tạo được tiền đề để huỷ vũ

https://tieulun.hopto.org

khí hạt nhân và các vũ khí khác cũng như chuyển các công nghiệp quốc phòng thành sản xuất dân dụng. Một loại thuế như vậy còn có thể giúp làm cho tổ hợp quân sự - công nghiệp toàn cầu đang nổi lên bị kẹt lại đúng như nhà kinh tế học James Tobin hình dung thuế mà ông đề nghị đánh vào các giao dịch tài chính sẽ làm chậm bớt tốc độ truyền lan của những dòng tài chính đầu cơ trên khắp thế giới.

Do hậu quả của các cuộc tấn công 11 tháng Chín, mối nguy của chủ nghĩa quân phiệt toàn cầu hóa - việc phi điều tiết hóa các thị trường vũ khí và tư nhân hóa quân sự - đã trở nên rõ ràng ngay với chính quyền Bush. Vũ khí có thể đến khắp nơi, bọn khủng bố có thể gây quỹ ở các thị trường tài chính phi điều tiết hóa và các chợ đen không được kiểm soát; những đội quân tư nhân có thể cạnh tranh với quân đội nhà nước. Những trợ cấp của nhà nước cho sản xuất quân sự được biệt lệ an ninh bảo vệ chỉ làm tăng thêm số vũ khí có sẵn trên thị trường. Trong kỷ nguyên mới này, các thiết chế quốc tế nên cho phép các trợ cấp, đầu tư và sắc thuế nào của chính phủ có thể làm giảm sản xuất vũ khí, chuyển hướng ngân quỹ của quân sự sang khu vực dân sự, và làm mọi việc để dỡ bỏ động lực kinh tế của chủ nghĩa quân phiệt toàn cầu hóa. Đó là một loại hình của biệt lệ an ninh trong các quy định thương mại tự do và những hạn chế ngân sách có ý nghĩa trong một thế giới đầy rẫy vũ khí.

https://tieulun.hopto.org

...Phương tiện truyền thông toàn cầu và chủ nghĩa đế quốc*

Robert W. McChesney

Mối quan hệ giữa hệ thống truyền thông toàn cầu với vấn đề chủ nghĩa đế quốc là phức tạp. Trong những năm 1970, phần lớn thế giới thứ ba được động viên thông qua UNESCO để chiến đấu chống chủ nghĩa đế quốc trong văn hóa của các cường quốc phương Tây. Các nước thế giới thứ ba soạn thảo kế hoạch thành lập một trật tự truyền thông và thông tin thế giới mới (NWICO) để giải quyết sự thống trị của phương Tây đối với báo chí và văn hóa khiến cho các nước mới giành được độc lập hầu như không thể nào thoát được ra khỏi vị thế thuộc địa.

---

* Trích Robert W. McChesney, "Global Media, Neoliberalism, and Imperialism", *Review of the Month*, MR, tháng Ba 2001.

https://tieulun.hopto.org

Những lo lắng tương tự cũng thấy ở khắp châu Âu đối với hệ thống truyền thông Hoa Kỳ. Chiến dịch NWICO là bộ phận của một cuộc đấu tranh rộng lớn hơn diễn ra vào thời gian đó để chống lại những bất bình đẳng trong kinh tế toàn cầu, được coi như một di sản của chủ nghĩa đế quốc. Cả hai phong trào này đều bị đả kích dữ dội bởi chủ nghĩa tự do mới thịnh hành ở Hoa Kỳ và Anh Quốc.

Báo chí toàn cầu bị các hãng tin phương Tây thống trị. Các cơ quan thông tấn này coi chủ nghĩa tư bản hiện hữu, động cơ của Hoa Kỳ và đồng minh là hiện thân của sự tốt đẹp. Về phương diện văn hoá, "cỗ máy Hollywood" và bóng ma ngự trị văn hoá của Hoa Kỳ là mối quan ngại chính của nhiều nước với những lý do chính đáng. Trong năm 1999, xuất khẩu phim ảnh và truyền hình của Hoa Kỳ tăng 22 phần trăm và danh sách 125 phim có doanh thu lớn nhất là gần như hoàn toàn của Hollywood. Đối với từng nước, ngay như Pháp, một nước rất đề cao "văn hóa dân tộc" thì chín trong mười phim ăn khách nhất của nước này trong năm 1999 là do các hãng phim khổng lồ của Hollywood sản xuất. Một nhà sản xuất của thủ đô điện ảnh Hoa Kỳ mỉa mai: "Nhiều trí thức cánh tả Pháp phê phán phim Mỹ, nhưng người Pháp thì ngấu nghiến chúng". Ở Italia cũng vậy, việc thay thế các màn hình đơn bằng màn hình đa chiều đã làm giảm mạnh các phim địa phương. Các nhà làm phim châu Âu nay cho rằng muốn thành đạt thì phải làm phim bằng tiếng Anh và thuê Hollywood gia công. Ở Mỹ Latinh, truyền hình cáp tràn ngập các kênh của những hãng khổng lồ, và thủ đô thực tế của khu vực này là Miami.

https://tieulun.hopto.org

Nhưng với kinh tế chính trị toàn cầu đang thay đổi, có những vấn đề cần được nêu lên. Quan niệm cho rằng các tập đoàn truyền thông đơn giản chỉ là những công cụ quảng bá cho văn hóa Hoa Kỳ xem ra ngày càng kém thuyết phục bởi hệ thống truyền thông ngày càng tập trung, thương mại hóa và toàn cầu hóa. Các hãng thông tấn khổng lồ toàn cầu là những công ty đa quốc gia tinh vi hiện đại với cổ đông, cơ quan thường trú và hoạt động trải rộng trên toàn cầu. Có thể hiểu chúng là những thiết chế thúc đẩy những giá trị và lợi ích thương mại của tập đoàn tư bản và hạ thấp hoặc làm ngơ những gì không thể kết nhập với sứ mệnh của chúng. Không có mấy khác biệt giữa nội dung của các công ty, các hãng dù chúng là của Nhật Bản hay của Pháp, hay có trụ sở chính ở New York hay Béclin hoặc Sidney. Trên ý nghĩa này, sự khác biệt cơ bản không phải là ở quốc tịch mà là giữa giàu và nghèo, vượt qua biên giới quốc gia.

Các tập đoàn truyền thông càng vươn dài những vòi hút của chúng thì càng có lý do để tin rằng chúng sẽ khuyến khích đại chúng có sở thích thống nhất hơn, ít ra là trong một số loại hình truyền thông. Dựa trên những trao đổi với các nhà điều hành Holywood, Peter Bart, chủ biên *Variety* kết luận rằng "người xem phim trên thế giới ngày càng đồng điệu hơn". Nếu trước đây phim hành động là những sản phẩm duy nhất hốt bạc - các phim hài khó mà xuất khẩu - thì nay những phim như Đám cưới người bạn thân nhất của tôi (*My Best Friend's Wedding)* có thể thu từ 160 triệu USD đến 200 triệu USD tiền bán vé ở các rạp nước ngoài.

https://tieulun.hopto.org

Khi khán giả tỏ ra thích các sản phẩm nội địa hơn, các tập đoàn truyền thông toàn cầu không chút nản lòng mà lập tức toàn cầu hóa sản xuất của mình. Sony đi tiên phong trong lĩnh vực này, liên kết sản xuất phim với các hãng địa phương ở Trung Quốc, Pháp, Ấn Độ, Mêhicô và nhiều nước khác. Công nghiệp phim Ấn Độ rất nổi tiếng - "Bolywood" - cũng thắt chặt quan hệ với các tập đoàn khổng lồ toàn cầu. Tiến trình này còn thấy rõ hơn trong ngành âm nhạc. Âm nhạc luôn luôn là ngành tốn ít đầu tư trong truyền thông điện tử và do đó rất tiện cho việc thí nghiệm các ý tưởng mới. Năm 1993, những nghệ sĩ Hoa Kỳ làm album cá nhân thu được 60 phần trăm doanh số ở nước ngoài. Năm 1998, con số đó giảm xuống 40 phần trăm. Thay vì đóng cửa thu dọn hành trang, cả bốn tập đoàn đa quốc gia thống trị thị trường băng đĩa ca nhạc thế giới liền quay sang lập các chi nhánh địa phương ở những nơi như Braxin, nơi "toàn dân chỉ theo khẩu vị nhạc dân tộc", theo lời một chuyên gia xuất bản nhạc phẩm. Cả ở đây nữa, Sony lại đi đầu thiết lập các mạng phân phối với các công ty âm nhạc độc lập trên khắp thế giới.

Tuy nhiên, sẽ là sai lầm khi cho rằng các hệ thống truyền thông toàn cầu bất chấp biên giới quốc gia và đế chế địa-chính trị. Một bộ phận lớn hoạt động tư bản đương đại với đa số đầu tư và việc làm, chủ yếu hoạt động bên trong biên giới quốc gia và quốc gia của họ có vai trò quan trọng đại diện cho quyền lợi của họ. Toàn bộ chế độ toàn cầu là kết quả của các chính sách chính trị tự do mới do Chính phủ Hoa Kỳ hối thúc. Quan trọng nhất, chẳng phải che đậy, chính là *vai trò quân sự* của Hoa Kỳ, người đôn đốc chấp pháp của chủ nghĩa tư bản mà các tập đoàn

https://tieulun.hopto.org

và nhà đầu tư đóng ở Hoa Kỳ là những kẻ cầm cương. Thomas Friedman, một trong những kẻ biện hộ cuồng nhiệt cho chủ nghĩa tự do mới, hể hả: "Bàn tay che giấu của thị trường chẳng được tích sự gì nếu không có một nắm đấm ẩn giấu. McDonald không thể phất to nếu không có McDonnell Douglas, nhà thiết kế máy bay F-15. Và cái nắm đấm ẩn giấu bảo đảm an toàn cho các công nghệ Thung lũng Silicon có tên là lục quân, không quân, hải quân và thủy quân lục chiến Hoa Kỳ". Nói vắn tắt, chúng ta cần nâng cao nhận thức về toàn cầu hóa tự do mới, nó nối liền bên hông của chủ nghĩa quân phiệt Hoa Kỳ - và tất cả những hệ lụy nó mang lại - chứ không phải là những gì đang đấu tranh chống lại nó.

Mối quan hệ cốt lõi giữa quân sự Hoa Kỳ và dự án tự do mới toàn cầu, một trong những chủ đề chính trị trung tâm của thời đại chúng ta, cũng hầu như không được AOL-Time Warner CNN và các tập đoàn truyền thông khổng lồ khác biết tới, họ vẫn miệt mài cung cấp những tin tức quan trọng về chính trị quốc tế. Khái niệm chủ nghĩa đế quốc bị gạt đi coi như một tạo tác lịch sử hoặc một âm mưu thuyết lý của những kẻ cơ hội tuyệt vọng hoặc những đầu óc không lành mạnh. Trong tình hình các tập đoàn truyền thông có quan hệ tương thuộc với chế độ tự do mới toàn cầu, nếu có một kết cục nào khác thì thật là chuyện lạ hiếm thấy.

Triển vọng

Trong những điều kiện như vậy, rất dễ thất vọng hoặc đành gật đầu trước những thay đổi mà xem ra chẳng thể nào khác được.

https://tieulun.hopto.org

Đứng trên lập trường dân chủ, tình hình thật bi đát và khó hy vọng thay đổi. Năm 1997, một nhà báo Thụy Điển nhận xét: "Bất hạnh là chiều hướng đã quá rõ ràng; theo một lối đi lầm lạc trên mọi chủ đề và thiếu sự thảo luận công khai những hệ lụy dài hạn đối với dân chủ và trách nhiệm". Nhưng hệ thống toàn cầu rất không ổn định. Nó đem lại nhiều lợi nhuận như chủ nghĩa tự do mới đối với người giàu, nhưng lại là thảm hoạ cho người nghèo và giai cấp công nhân. Từ những năm 1980, Mỹ Latinh là tiên phong của cải cách thị trường, đã được Ngân hàng Thế giới nhận xét là nơi "bất bình đẳng tăng nhanh". Số người trên thế giới sống với dưới 1 USD một ngày năm 1987 là 1,2 tỷ người thì đến năm 2000 đã tăng lên đến 1,5 tỷ người và còn tiếp tục tăng hơn nữa trong những năm tới. Cái giá trị đặc trưng mà chủ nghĩa tự do mới thuyết giáo "tao trước, mặc kệ mày" đã góp phần làm tăng tham nhũng trong các chính phủ và những dịch vụ công ích thì khó mà duy trì. Nền kinh tế toàn cầu ngày càng mong manh. Trong lúc sự thống trị của truyền thông thương mại làm cho việc kháng cự thêm khó khăn thì quần chúng khắp hành tinh, kể cả ở Hoa Kỳ, đã xuống đường để chống lại các chiều hướng xấu xa đó. Dường như việc phi chính trị hóa do chủ nghĩa tự do mới cố công nuôi dưỡng và truyền thông thương mại đang quảng bá đã vấp phải những thực tiễn dữ dội của bóc lột, bất bình đẳng, và những bộ phận lớn trong dân chúng đã trải nghiệm sự phá sản của nền văn hoá và chính trị tư bản. Trong khi mọi đề kháng chủ nghĩa tư bản một cách có tổ chức dường như đã không còn nữa thì chính nó đang nổi lên từ chính mảnh đất đã sinh thành nó.

https://tieulun.hopto.org

Điều đó giúp tôi đi tới điểm cuối. Điểm nổi bật là các phong trào chính trị chống tự do mới khắp nơi trên thế giới đã ngày càng chú ý đưa vấn đề truyền thông làm một bộ phận của cương lĩnh chính trị. Từ Thụy Điển, Pháp, Ấn Độ đến Ôxtrâylia, Niu Dilân, Canađa, các đảng chính trị dân chủ cánh tả đang đưa ra các chương trình cải cách cơ cấu truyền thông - tức là đoạn tuyệt với các đại công ty, tái tục các chương trình phát thanh phi lợi nhuận và phi thương mại, tạo nên một khu vực truyền thông độc lập phi vụ lợi và phi thương mại đặt dưới sự giám sát của dân chúng - dành cho nó một vai trò lớn hơn trong cương lĩnh hành động. Họ nhận ra rằng đó là một chủ đề thành công rộng rãi trong nhân dân. Một số những nhà hành động khác nhấn mạnh việc phát triển truyền thông độc lập, cái gọi là "truyền thông du kích" để chống lại hệ thống truyền thông tập đoàn. Trong hàng ngũ cánh tả xã hội chủ nghĩa chống chủ nghĩa tự do mới, có sự thừa nhận rằng tầm quan trọng của vấn đề truyền thông ngày càng tăng, và không có phong trào xã hội thắng lợi nào có thể gạt vấn đề này lại để giải quyết "sau cách mạng". Tổ chức một nền thông tin báo chí dân chủ phải là một bộ phận của cuộc chiến đấu hiện tại, nếu chúng ta mong có cơ hội thành công.

https://lieuluu.hopto.org

Tăng chi tiêu quân sự và hỗ trợ an ninh sau 11 tháng Chín*

*Michelle Ciarrocca và William D. Hartung***

Chính quyền Bush tiêu bao nhiêu tiền vào cuộc chiến tranh chống khủng bố. Tạm gác ra một bên vấn đề quan trọng có bao nhiêu tiền được đưa thêm vào nhân danh chống chủ nghĩa khủng bố đã thực sự chi cho mục đích ấy, quy mô chung của chi tiêu tăng thêm là rất lớn. Tài liệu dưới đây nêu chi tiết những gì đã được biết về chi tiêu quân sự, hỗ trợ an ninh và an ninh nội địa sau các cuộc tấn công ngày 11 tháng Chín. Chúng tôi cũng đưa

---

* Viết cho *Arms Trade Resource Centre* (Trung tâm dữ liệu về buôn bán vũ khí được thành lập năm 1993 với mục đích vận động và nâng cao nhận thức về ngăn chặn mua bán vũ khí quốc tế), 4 tháng Mười 2002.

** Michelle Ciarrocca và William D. Hartung, Viện chính sách thế giới (WPI).

https://tieulun.hopto.org

ra ước tính những phí tổn cho việc quân sự hóa chính sách đối ngoại của chính quyền Bush, như đề nghị can thiệp quân sự ở Irắc (bài viết năm tháng trước cuộc xâm lược của Mỹ).

Chi phí cho cuộc chiến tranh chống khủng bố tăng nhanh. Trong 22 tháng tại chức, chính quyền Bush xin thêm 150 tỷ USD cho chi tiêu quân sự mới, đại bộ phận số tiền đó được Quốc hội chấp thuận mà không có mấy chất vấn.

Chi tiêu quốc phòng lên tới gần 400 tỷ USD, so với 329 tỷ USD khi chính quyền Bush vào Nhà Trắng. Chi tiêu cho an ninh nội địa cũng tăng mạnh, từ 19,5 tỷ USD trong tài khoá 2001 tăng lên 37,7 tỷ USD trong tài khóa 2003. Ngoài việc tăng nhanh ngân sách hàng năm, Lầu Năm góc còn được hưởng tới 30 tỷ USD, nhiều nhất trong ngân sách 68,9 tỷ USD dành cho chi tiêu khẩn cấp và bổ sung đã được thông qua sau ngày 11 tháng Chín. Nhiều tỷ đôla trong ngân sách bổ sung đó được chuyển cho Bộ Ngoại giao để hỗ trợ các đồng minh và các nước tiến hành chiến tranh chống khủng bố cũng như cho các cơ quan được lựa chọn để sáp nhập vào bộ phòng vệ nội địa theo đề nghị của chính quyền Bush.

Trong lúc đôla tiếp tục dòng chảy, quy mô của những nỗ lực chống khủng bố cũng tăng lên. Vũ khí, huấn luyện và nhân viên quân sự không chỉ được gửi tới Ápganixtan mà cả Pakixtan, Ấn Độ, Udơbêkixtan, Cươgưxtan, Grudia, Philíppin và Yêmen. Các căn cứ tiền tiêu của Hoa Kỳ đã được thiết lập hoặc được mở rộng ở 13 điểm thuộc chín nước và các nhà hoạch định chính sách đang tính sổ với Irắc. Nếu không bị thách thức, sự bành trướng hiện diện quân sự toàn cầu của Hoa

https://tieulun.hopto.org

Kỳ và các cam kết quân sự sẽ tiêu tốn thêm hàng chục tỷ đôla trong những thập kỷ tới.

Quỹ bổ sung khẩn cấp

Ngay sau các cuộc tấn công 11 tháng Chín 2001, Quốc hội thông qua khoản 40 tỷ USD cho các biện pháp bổ sung khẩn cấp "Đạo luật khôi phục và đối phó các cuộc tấn công khủng bố" (Luật công 107-38). Trong số 20 tỷ được phân bổ đầu tiên, Lầu Năm góc nhận được 13,7 tỷ USD để dùng vào "nâng cao ý thức về hiểm họa", "cải thiện chỉ huy và kiểm soát", "tăng cường vị thế trên thế giới" và "tấn công phản khủng bố". Hai mươi tỷ USD còn lại của ngân sách khẩn cấp tính vào tài khoá 2002 (Luật công 107-117). Trong số này, Bộ Quốc phòng hưởng thêm 3,5 tỷ USD cho "Quỹ đối phó khẩn cấp quốc phòng" và cho các tác nghiệp và bảo trì khác.

Tiếp sau yêu cầu khẩn cấp mùa Thu 2001, có thêm một đề nghị bổ sung được đệ trình vào mùa Xuân 2002 để chi cho chiến tranh ở Ápganixtan, và các sáng kiến chống khủng bố khác. Dự luật được Quốc hội thông qua và tổng thống ký ban hành vào tháng Tám 2002. Lầu Năm góc được phân bổ 14,4 tỷ USD, trong đó, 11,9 tỷ xếp vào hạng mục "Quỹ đối phó khẩn cấp quốc phòng", 1,45 tỷ USD dành cho mua sắm vũ khí, 1,3 tỷ USD cho nhân sự Lầu Năm góc, tác nghiệp và bảo trì. Ngân sách cũng dành 390 triệu USD để trả cho Pakixtan, Giooc đani và một số nước khác được coi là đồng minh then chốt trong cuộc chiến tranh chống khủng bố.

https://tieulun.hopto.org

Viện trợ quân sự

Hoa Kỳ tỏ ra rất sốt sắng tưởng thưởng và tăng cường cho các nước hưởng ứng tiến hành chiến tranh chống khủng bố của mình nên đã đẩy mạnh hỗ trợ quân sự cho các đồng minh cả cũ lẫn mới. Ngân sách Bộ Ngoại giao và hoạt động quốc tế yêu cầu 25,4 tỷ USD cho tài khoá 2003, tăng 1,4 tỷ USD so với năm ngoái. Mặc dù về số lượng chẳng thấm tháp gì so với ngân sách Lầu Năm góc, nhưng số tiền dành cho hỗ trợ an ninh cũng tăng đáng kể. Hơn nữa, những hạn chế viện trợ quân sự và chuyển giao vũ khí cho các chế độ có thành tích bất hảo về nhân quyền, hỗ trợ cho chủ nghĩa khủng bố hoặc phổ biến vũ khí hạt nhân đã được dỡ bỏ cho một số nước để đánh đổi sự ủng hộ của những nước này cho cuộc chiến tranh chống khủng bố của Hoa Kỳ.

Quỹ Hỗ trợ kinh tế (ESF) cung cấp không hoàn lại cho một số mục đích kinh tế như cơ sở hạ tầng và các dự án phát triển. Mặc dù không thuộc chi tiêu quân sự, những viện trợ đó giúp cho các chính phủ nhận viện trợ chuyển các khoản chi đáng lẽ dành cho kinh tế sang các mục đích quân sự. Các khoản viện trợ không hoàn lại và cho vay thuộc Quỹ Tài trợ quân sự nước ngoài (FMF) buộc các nước tiếp nhận phải mua các mặt hàng liên quan đến quân sự - một sự kích thích quá tốt cho các nhà thầu quốc phòng. Các khoản viện trợ đào tạo và huấn luyện quân sự quốc tế (IMET) được cấp cho các chính phủ nước ngoài để chi trả cho giáo dục chuyên nghiệp về quản lý quân sự và huấn luyện kỹ thuật sử dụng các hệ thống vũ khí Hoa Kỳ.

https://tieulun.hopto.org

Khoảng 5 tỷ USD trong số 25,4 tỷ USD của ngân sách công việc quốc tế tài khóa 2003 được chính thức nằm trong danh mục chiến tranh chống khủng bố. Bao gồm: 3,4 tỷ USD cho các chương trình như IMET, FMF và ESF; 88 triệu USD cho các chương trình ở Nga và các nước thuộc Liên Xô trước đây; 50 triệu USD cho Cơ quan năng lượng nguyên tử IAEA; và 69 triệu USD cho các chương trình chống chủ nghĩa khủng bố, bao gồm huấn luyện và trang bị cho các nước chiến đấu chống khủng bố toàn cầu.

Ngân sách ESF năm 2003 yêu cầu 2,29 tỷ USD. Những nước được nhận nhiều nhất gồm: 600 triệu USD cho Ixraen, 615 triệu USD cho Ai Cập, 200 triệu USD cho Pakixtan, 60 triệu USD cho Inđônêxia và 25 triệu cho Ấn Độ. Ngân sách FMF 2003 cần tới 4,107 tỷ USD, bao gồm 2,1 tỷ USD cho Ixraen, 1,3 tỷ cho Ai Cập, 20 triệu cho Philíppin, 50 triệu cho Pakixtan, 50 triệu cho Ấn Độ và 98 triệu USD cho Côlômbia. Ngân sách IMET 80 triệu USD tăng 27,5 phần trăm so với năm 2001. Những nước được nhận nhiều nhất là các đồng minh chủ yếu trong chiến tranh chống khủng bố: Ấn Độ, Pakixtan, Udơbêkixtan, Grudia, Oman, Philíppin và Yêmen.

Những ngân quỹ sau đây được coi là nằm trong dự luật bổ sung khẩn cấp: 600 triệu USD quỹ ESF cho Pakixtan; 40,5 triệu USD hỗ trợ kinh tế và thực thi pháp luật cho Udơbêkixtan; 45 triệu USD quỹ FMF cho Thổ Nhĩ Kỳ và Udơbêkixtan; 45,5 triệu USD về các chương trình không phổ biến hạt nhân, chống khủng bố, rà phá bom mìn và các chương trình liên quan; 42,2 triệu USD huấn luyện và trang bị cho các lực lượng biên phòng

https://tieulun.hopto.org

Udơbêkixtan, Tátgikixtan, Tuốcmênixtan, Thổ Nhĩ Kỳ, Cưrơgưxtan, Adécbaidan và Kadắcxtan; 108 triệu USD cho một loạt chương trình chống khủng bố và rà phá bom mìn ở Ápganixtan. Bổ sung tài khoá 2002 (PI-107-206) gồm có 665 triệu USD cho ESF, 387 triệu USD cho FMF, 110 triệu USD hỗ trợ cho các quốc gia mới độc lập của Liên Xô cũ và 88 triệu USD cho các chương trình không phổ biến hạt nhân, chống khủng bố, rà phá bom mìn và các chương trình liên quan (12 triệu USD trong số này được dành cho Inđônêxia).

Bố phòng nội địa

Theo Cục ngân sách quân sự (OMB), trước ngày 11 tháng Chín, khoảng 20 tỷ USD được dành cho an ninh nội địa và chống chủ nghĩa khủng bố. Một khoản tổng cộng 10,6 tỷ USD trong số 40 tỷ USD quỹ khẩn cấp đo Quốc hội chấp thuận được dành cho an ninh nội địa.

Tổng thống Bush đề nghị thành lập Bộ an ninh lãnh thổ hay nội địa. Theo đó, ngân sách 2003 cần "tăng gấp đôi chi phí cho việc tồn tục một chiến lược an ninh trong nước, tập trung vào bốn lĩnh vực: chủ nghĩa khủng bố sinh học, đối phó khẩn cấp, an ninh sân bay và biên giới, và cải thiện công tác tình báo", tức là tăng từ 19,5 tỷ USD lên 37,7 tỷ USD. Trong số này, yêu cầu ngân sách dành 11 tỷ USD cho biên phòng; 3,5 tỷ USD cho những "đáp ứng trước nhất" - cảnh sát, cứu hoả, các toán y tế khẩn cứu; 6 tỷ USD cho đề phòng khủng bố sinh học; 700 triệu USD cho việc cải thiện thu thập tin tức và chia sẻ thông tin giữa các cơ quan và toàn thể các cấp chính quyền, 230 triệu

https://tieulun.hopto.org

USD để thành lập các Đội Công dân để giúp cộng đồng chuẩn bị đối phó tốt hơn các cuộc tấn công khủng bố.

Chi phí chiến tranh hiện tại và tương lai

Dov S. Zakheim, Cục trưởng Tài chính Bộ Quốc phòng, cho biết những nỗ lực quân sự của Hoa Kỳ trong nước và trên thế giới mỗi tháng tốn 2,5 tỷ USD, trong đó đại thể 500 triệu USD dành cho chuyên chở người và thiết bị qua lại Ápganixtan, 600 triệu USD chi phí động viên, 350 triệu USD cho các phi vụ xuất kích và thời gian các hạm ở trên biển, và 50 triệu USD cho các máy bay tiêm kích tuần cảnh các thành phố Hoa Kỳ. Ngoài ra là những chi phí giúp cho các đồng minh như Pakixtan.

Cuộc chiến tranh vùng Vịnh năm 1991 tiêu tốn khoảng 60 tỷ USD, theo Vụ Ngân sách Quốc hội (CBO) tính theo giá USD năm 2002 là 80 tỷ USD. Nhưng các đồng minh của Hoa Kỳ gánh đỡ 80 phần trăm số chi phí đó. Cuộc chiến tranh Irắc ít ra cũng phải tốn ngần ấy, có thể nhiều hơn, và lần này Hoa Kỳ không có mấy đồng minh chịu công khai hậu thuẫn cho hành động quân sự, lại càng hiếm ai chịu mở hầu bao. Cố vấn trưởng về chính sách cho Tổng thống, Lawrence B. Lindsey đã gây nên một cơn chấn động khi dự báo chiến tranh Irắc sẽ tiêu tốn từ 100 tỷ USD đến 200 tỷ USD. Nhà Trắng sau đó tránh nhắc đến con số khủng khiếp đó, nhưng một phân tích ngày 23 tháng Chín 2002 của các thành viên Uỷ ban ngân sách Hạ nghị viện thuộc Đảng Dân chủ nhận xét rằng nếu toàn bộ chi phí của một cuộc xâm lược Irắc, bao gồm cả chi tiêu nhân sự bổ sung, nhiên liệu, đạn dược, và chi phí chiếm đóng sau chiến tranh

https://tieulun.hopto.org

được tính đủ thì con số 100-200 tỷ USD của Lindsey chẳng xê xích bao nhiêu.

Vụ Ngân sách quốc hội (CBO) đã ước tính những chi phí của các hoạt động liên quan đến tác chiến quân sự có thể xảy ra ở Irắc. Vụ này cho rằng những chi phí tăng thêm của việc triển khai một lực lượng ở vùng vịnh Ba Tư (những chi phí này nằm ngoài ngân sách các hoạt động thường nhật) sẽ từ 9 tỷ USD đến 13 tỷ USD. Tiến hành chiến tranh sẽ tốn mỗi tháng từ 6 tỷ USD đến 9 tỷ USD - mặc dù vụ này không thể dự kiến chiến tranh sẽ kéo dài bao lâu. Sau chiến tranh, chi phí đưa lực lượng viễn chinh trở về căn cứ trong nước sẽ tốn từ 5 đến 7 tỷ USD. Ngoài ra, chi phí cộng thêm cho việc chiếm đóng sau các hoạt động chiến đấu có thể phải tốn từ 1 tỷ đến 4 tỷ USD mỗi tháng.

Chiến tranh bao giờ cũng tốn kém, nhưng hậu chiến còn đắt hơn. Điều trần trước Quốc hội tháng Tám 2002 vừa rồi, đại tá về hưu Scott Feil, Giám đốc điều hành cơ quan Vai trò của lực lượng quân sự Mỹ (RAMP), ước tính tái thiết sau chiến tranh ở Irắc sẽ tiêu tốn 16,2 tỷ USD một năm và phải mất ít ra là mười năm. Samuel Berger, Cố vấn an ninh quốc gia dưới thời Tổng thống Clinton, ước tính tổng số tiền tái thiết có thể là từ 50 tỷ USD đến 150 tỷ USD.

https://tieulun.hopto.org

Pax Romana chống lại Pax Americana: Các chiến lược tương phản của sự quản lý đế chế*

*Walden Bello***

Sau thắng lợi của cuộc tấn công Irắc, Hoa Kỳ dường như đã ở đỉnh cao của quốc uy. Có thể hiểu tại sao nhiều người cảm thấy Hoa Kỳ có quyền lực tối thượng và vô hạn. Đó đúng là điều mà Washington muốn người ta hiểu.

Không nghi ngờ gì, Hoa Kỳ rất mạnh về quân sự. Nhưng có lý do chính đáng để tin rằng sức mạnh ấy đang bị căng quá mức, nói nôm na là "quá tải". Thật vậy, kết quả chiến lược chủ đạo của xâm chiếm Irắc là làm cho sự quá tải đó càng thêm trầm trọng.

---

* Bài đăng trên *TNI (Viện Nghiên cứu xuyên quốc gia)*, tháng Tư 2003.

** Walden Bello, Giám đốc tổ chức Tiêu điểm phương Nam toàn cầu.

https://tieulun.hopto.org

Căng quá mức hay bành trướng thái quá

Căng quá mức hay bành trướng thái quá là sự không tương hợp giữa mục đích và phương tiện, trên ý nghĩa không đơn thuần về quân sự mà cả chính trị và ý thức hệ. Dưới sự trị vì của những người bảo thủ mới, mục đích của Washington là thực hiện được sự thống trị quân sự tuyệt đối với mọi đối thủ hoặc liên minh các đối thủ. Tuy nhiên, khát vọng thống trị toàn cầu hơn nữa không tránh khỏi nảy sinh chống đối, và chính thông qua sự đề kháng này mà chúng ta thấy gốc rễ của sự trương lực. Sự quá tải mang tính tương đối - thực tế, khi một cường quốc bành trướng quá mức sẽ cảm thấy bị rơi vào một hoàn cảnh tồi tệ với việc tăng cường lực lượng quân sự nếu sự chống đối quyền lực của họ được đẩy lên với mức độ lớn hơn.

Nghe có vẻ hoang đường sau khi ta chứng kiến hỏa lực cấp tập dữ dội đêm này qua đêm khác trên tivi trong tháng qua.[1] Nhưng hãy xem các điểm dưới đây để xét xem phải chăng đó là những dấu hiệu của quá tải:

- sự thất bại trong việc củng cố một chế độ thân Mỹ ở Ápganixtan bên ngoài thủ đô Kabun;
- sự bất lực của Ixraen, một đồng minh then chốt trong việc dập tắt cuộc nổi dậy của nhân dân Palextin, ngay cả với sự hỗ trợ không giới hạn của Hoa Kỳ;
- sự bùng cháy tình cảm với Arập và Hồi giáo ở Trung Đông, Nam Á và Đông Nam Á, mà kết quả là ý thức hệ của những

1. Tháng Ba 2003.

https://tieulun.hopto.org

người Hồi giáo chính thống thắng lợi - đó chính là điều Osama bin Laden mong ước trước hết;

- sự sụp đổ của "Liên minh Đại Tây Dương" trong chiến tranh lạnh và sự ra đời của một liên minh để bù đắp với Đức và Pháp là trung tâm;
- sự tôi luyện của một phong trào xã hội công dân toàn cầu hùng hậu chống chủ nghĩa đơn phương, chủ nghĩa quân phiệt và bá quyền kinh tế của Hoa Kỳ, mà biểu hiện mới nhất và có ý nghĩa nhất là phong trào chống chiến tranh;
- sự tổn thất tính chất chính nghĩa của chính sách đối ngoại và sự hiện diện quân sự của Washington trên toàn cầu, sự lãnh đạo của Hoa Kỳ nay đang bị đặt thành vấn đề khắp nơi, thậm chí trong các đồng minh, coi đó là biểu hiện của sự thống trị đế chế;
- sự nổi lên của một phong trào hùng mạnh chống Mỹ ở Hàn Quốc, tiền đồn của sự hiện diện quân sự Hoa Kỳ ở Đông Á;
- việc lên nắm chính quyền của các phong trào chống tự do mới, chống Hoa Kỳ ở ngay sân sau của Washington - Braxin, Vênêxuêla và Êcuađo - vào lúc chính quyền Bush đang túi bụi với Trung Đông;
- sự tác động tiêu cực ngày càng tăng của quân sự đối với nền kinh tế bởi chi tiêu quân sự Hoa Kỳ lệ thuộc vào chi tiêu thâm hụt ngân sách, và đến lượt nó, chi tiêu thâm hụt ngày càng lệ thuộc vào nguồn tài chính nước ngoài, tạo nên nhiều căng kéo và áp lực đối với một nền kinh tế đã ở trong tình trạng giảm phát.

Mới chỉ trong một thời gian ngắn sau thắng lợi quân sự với một

https://tieulun.hopto.org

cường quốc hạng tư, chúng ta đã chứng kiến người Mỹ lún sâu vào vũng lầy chính trị ở Irắc, trong lúc phái chính trị Hồi giáo chính thống trong người Shiite đa số có vẻ như là những kẻ kế thừa chính trị của Saddam Hussein. Nếu một chế độ thân Mỹ ổn định ở Trung Đông là mục tiêu của Washington thì nó đang ở tận đâu đâu. Hiện hữu trước mắt là sự mất ổn định hơn khiến cho Hoa Kỳ phải dùng nhiều sức mạnh quân sự hơn, triển khai nhiều lực lượng quân sự hơn, dẫn tới một vòng xoáy bạo lực không có lối thoát.

Pax Romana đối sánh Pax Americana

Gần ba ngàn năm trước, một đế chế khác cũng lâm vào cảnh bành trướng quá mức. Giải pháp nó vận dụng đã giúp nó tồn tại 700 năm. Giải pháp La Mã không chỉ và cũng không chủ yếu là mang tính chất quân sự. Người La Mã nhận ra rằng, một thành tố quan trọng của sự thống trị đế chế thắng lợi là sự đồng thuận của những người bị thống trị về tính chất "chính nghĩa" của trật tự La Mã. Như nhà xã hội học Michael Mann nhận xét trong tác phẩm kinh điển "Nguồn gốc của quyền lực xã hội", việc trao quyền công dân La Mã cho các nhóm lãnh đạo và những người không phải là nô lệ trên khắp đế chế là lối thoát chính trị giúp giành được lòng trung thành của quần chúng trong các quốc gia nằm dưới sự thống trị của La Mã. Quyền công dân chính trị kết hợp với viễn tượng đế chế mang lại hoà bình và thịnh vượng cho tất cả đã tạo nên cái yếu tố phi vật thể nhưng tối thiết gọi là sự hợp pháp, hoặc chính nghĩa.

https://tieulun.hopto.org

Không cần phải nói, việc trao quyền công dân không có bất cứ vai trò nào trong trật tự đế chế Hoa Kỳ. Thực tế, tư cách công dân Hoa Kỳ chỉ được dành cho một nhóm rất nhỏ, rất chặt chẽ của số dân thế giới. Số dân thần thuộc không được hội nhập mà bị kiểm soát bằng sức mạnh hoặc bằng đe dọa sử dụng bạo lực hoặc bằng một hệ thống các luật lệ và thiết chế khu vực hoặc toàn cầu - Tổ chức Thương mại thế giới, các hệ thống Bretton Woods (IMF và WB), NATO - ngày càng ngang nhiên thao túng để phục vụ những lợi ích của đế chế.

Tuy trao quyền công dân không bao giờ là một công cụ trong kho quốc sách của Hoa Kỳ, nhưng trong quá trình đấu tranh với chủ nghĩa cộng sản sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Washington đã đưa ra một công thức chính trị để hòng hợp pháp hoá vị thế toàn cầu. Hai yếu tố của công thức đó là chủ nghĩa đa phương như một hệ thống cai quản toàn cầu và dân chủ tự do.

Ngay sau ngày chấm dứt chiến tranh lạnh, thực tế là đã có nhiều hy vọng về một kiểu thức hiện đại của Pax Romana. Trong giới những người tự do, có mong đợi là Hoa Kỳ sẽ có thể sử dụng vị thế siêu cường duy nhất để thiết lập một trật tự đa phương khả dĩ chế định bá quyền của mình nhưng đồng thời bảo đảm được một nền hoà bình Augustan[2] (Caesar) toàn cầu. Đó là con đường của toàn cầu hóa kinh tế và cai quản đa phương. Nhưng đó là con đường bị loại bỏ bởi chủ nghĩa đơn phương của Bush.

---

2. Thuộc triều đại Augustan Caesar, thời văn học hưng thịnh (ND).

https://tieulun.hopto.org

Như nhận xét của Frances Fitzgerald trong *Fire in the Lake* (Lửa trên hồ), lời hứa đem lại dân chủ tự do là một ý tưởng mạnh mẽ song hành với quân Mỹ trong suốt cuộc chiến tranh lạnh. Ngày nay, dân chủ tự do kiểu Washington (Hoa Kỳ) hay Westminster (Anh Quốc), đang bê bối ở khắp thế giới đang phát triển, nơi xem nó chỉ là cái bình phong cho sự cai trị tài phiệt, như ở Philíppin, Pakixtan trước Musharraf và khắp Mỹ Latinh. Trong thực tế, dân chủ tự do ở Mỹ đã trở nên kém dân chủ và thiếu tự do. Chắc chắn, ít ai trong thế giới đang phát triển lại xem một hệ thống tham nhũng được tiếp sức bằng đồng tiền tư bản lại có thể là một mô hình.

Khôi phục ý tưởng và tinh thần cần thiết để tạo nên sự đồng thuận với bá quyền Hoa Kỳ là điều cực kỳ khó khăn. Thật vậy, trong những ngày này, tư duy của Washington coi *cách tốt nhất để xây dựng đồng thuận là sự de dọa dùng vũ lực*. Hơn thế nữa, bất chấp những mỹ từ về mang lại dân chủ cho thế giới Arập, mục tiêu chính của những nhà bảo thủ mới có nhiều ảnh hưởng như Robert Kaplan, Robert Kagan và Charles Krauthammer rất rõ ràng: vận dụng các cơ chế dân chủ tự do là để tạo nên sự cạnh tranh đa nguyên khả dĩ làm tan vỡ sự thống nhất Arập chứ chẳng phải là mang lại dân chủ cho người Arập.

Các cận thần của Bush không hề có ý định tạo nên một Pax Romana mới. Cái họ muốn là một Pax Americana, nơi dân chúng thần thuộc như người Arập chẳng hạn, được kiểm soát chặt chẽ bằng sự hãi hùng trước sức mạnh huỷ diệt của sức mạnh Hoa Kỳ, trong lúc việc mua chuộc sự trung thành của những nhóm khác, như Chính phủ Philíppin, sẽ được tiến hành

https://tieulun.hopto.org

bằng hứa hẹn cho tiền. Không có những ý tưởng tốt đẹp để buộc chặt đa số toàn cầu vào đế chế trung tâm, kiểu quản lý đế quyền đó chỉ có thể thúc giục người ta một điều: đó là sự kháng cự.

Thách thức đế chế

Hiện tại của Ápganixtan có thể là tương lai của Irắc - có nghĩa là sự bất lực không củng cố được trật tự chính trị, càng không có được một nền dân chủ thực sự đại diện.

Sự kết hợp các chính sách đàn áp trong nước và sự thất bại không giúp được cho người Palextin và người Irắc dường như đặt các chế độ Arập đồng minh với Hoa Kỳ - nổi bật là các Chính phủ Arập Xêút, Gioócđani và Ai Cập - vào một vị thế còn chông chênh hơn đối với nhân dân Arập. Kết quả sẽ là một sự tăng cường chính trị Đạo Hồi và các nhóm Hồi giáo, hoặc sẽ lên nắm quyền, hoặc đang ở trong tư thế đấu tranh giành quyền lực ở nhiều nước. Mỉa mai là một sự mở đầu dân chủ các hệ thống chính trị ở các nước đó - mà Washington nói họ vẫn mong muốn - dường như đã mang lại kết quả đó, ngay cả ở Irắc, nơi các nhánh cấp tiến của chính trị Hồi giáo Shiite đang thống trị. Sự thúc đẩy các nhóm Hồi giáo dường như cũng mang lại những kết quả tương tự ở phần còn lại của thế giới Hồi giáo, đặc biệt là ở hai nơi được Hoa Kỳ coi là rất chiến lược: Pakixtan và Inđônêxia.

Cũng như nền an ninh của Washington, nền an ninh của Ixraen, mà sự tăng cường được các nhà bảo thủ mới Paul Wolfowitz và William Kristol coi là mục tiêu chủ đạo, càng

https://tieulun.hopto.org

chịu thêm những ảnh hưởng tiêu cực. Điều đó cộng với sự thất vọng không làm sao tạo được một nền tảng chính trị vững chắc cho bá quyền của Hoa Kỳ thông qua các cơ chế dân chủ chính thức, sẽ khiến Hoa Kỳ phải tính đến một sự lựa chọn khó chịu: triệt thoái hoặc áp đặt luật lệ thực dân trực tiếp. Tuy nhiên, Hoa Kỳ sẽ cố gắng tránh phải đối diện với sự lựa chọn đó càng lâu càng tốt và tiếp tục tuồn thêm tiền và nguồn lực cho những dàn xếp chính trị bất khả thi.

Đồng thời, những phe phái của phong trào xã hội công dân toàn cầu mới vì hoà bình và chống toàn cầu hóa do các tập đoàn tư bản thúc đẩy, sẽ giành được chính quyền hoặc đe dọa nắm quyền ở các nơi khác trên thế giới, nhất là ở Mỹ Latinh. Các ví dụ Braxin, Êcuađo, Vênêxuêla sẽ thêm phần hấp dẫn bởi kinh tế học tự do mới ngày càng bị mất tín nhiệm trong bối cảnh sự trì trệ kinh tế kéo dài ở cả quốc gia, khu vực và toàn cầu.

Với việc Hoa Kỳ ngày càng được xem như một mối đe doạ chung, và với quyền lợi kinh tế của mình không ngừng xung đột với Washington, các nước Pháp, Đức, Nga và Trung Quốc sẽ củng cố và tăng cường liên minh cân bằng (đối trọng) đã hình thành trong cuộc khủng hoảng Irắc. Một số các nước đang phát triển có trọng lượng, như Braxin, Ấn Độ và Hàn Quốc cũng có thể tham gia liên minh đó. Liên minh cân bằng này có thể trở thành một tổ chức thường trực, mặc dù thành viên của nó có thể thay đổi.

Một kết quả của liên minh ngoại giao này sẽ là sự phối hợp chặt chẽ hơn về các vấn đề quân sự. Thật vậy, việc thành

https://tieulun.hopto.org

lập một Lực lượng phòng vệ châu Âu tách biệt với NATO là khả thể. Một vấn đề khác là chi tiêu quân sự, xây dựng lực lượng và nghiên cứu khoa học quân sự do các thành viên của lực lượng cân bằng tiến hành riêng rẽ hoặc hợp tác với nhau. Còn nữa, tăng cường hợp tác kinh tế và công nghệ để tạo nên cơ sở vật chất và kỹ thuật cho việc kéo dài cạnh tranh quân sự. Thật mỉa mai, cuộc thập tự chinh của Washington để độc quyền vũ khí hủy diệt hàng loạt sẽ khiến cho các nước lớn cạnh tranh với Hoa Kỳ đầu tư nhiều hơn vào lĩnh vực này để không bị thua kém, và cũng chẳng ngăn được các nước nhỏ hơn hoặc các tổ chức ngoài nhà nước phát triển các loại vũ khí đó.

Sự đình đốn của kinh tế toàn cầu và chủ nghĩa đơn phương Hoa Kỳ sẽ làm IMF và Ngân hàng Thế giới suy yếu hơn nữa và tăng cường chiều hướng chủ nghĩa bảo hộ và chủ nghĩa địa phương. Các dàn xếp kinh tế khu vực kết hợp ưu đãi thương mại, kiểm soát vốn và hợp tác công nghệ thậm chí sẽ hấp dẫn hơn so với cả tự do thương mại đa phương và thương mại song phương với Hoa Kỳ và EU. Các cuộc chiến tranh thương mại sẽ thường xuyên hơn, gây bất ổn hơn.

Một tác nhân sẽ có vai trò trung tâm trong tất cả những tình huống đó là Trung Quốc. Trong lúc kinh tế Hoa Kỳ lâm vào cảnh trì trệ và Washington bành trướng quá mức về quân sự và chính trị, Trung Quốc sẽ mạnh lên tương đối. Những kẻ theo chủ nghĩa đơn phương sẽ ngày càng phải bận tâm hơn đến sự tăng trưởng sức mạnh của Trung Quốc và sẽ tăng sức cạnh tranh với Bắc Kinh về chính trị và ý thức hệ. Nhưng đồng thời,

https://tieulun.hopto.org

họ cũng lại bị hạn chế về phương án đối phó, bởi khi Phố Uôn (Wall Street) tăng thêm nhiều quyền lợi tài chính ở Trung Quốc, các tập đoàn Mỹ ngày càng phụ thuộc vào đầu tư tại đấy, và người tiêu dùng Hoa Kỳ thì cũng ngày càng quen xài hàng hoá nhập khẩu từ Trung Quốc, từ những mặt hàng thông dụng đến các sản phẩm kỹ thuật cao. Washington không dễ gì mà giải được bài toán hóc búa này.

Cuối cùng, và thật trớ trêu với những diễn biến mới đây - Liên hợp quốc sẽ lại có trọng trách bởi các quốc gia nhận ra rằng khả năng của thiết chế này, trao hay không trao sự hợp pháp, vẫn là một công cụ quan trọng trong chính trị quốc tế. Vai trò của Liên hợp quốc như một cơ chế để cô lập Hoa Kỳ sẽ được đề cao, và Washington chắc sẽ đáp lại bằng nhiều sự thóa mạ và đe dọa cắt đóng góp, nhưng sẽ không có khả năng tẩy chay tổ chức này.

Cũng như Đức Quốc xã và phát xít Nhật trước Chiến tranh thế giới thứ hai, Hoa Kỳ sẽ ngày càng bị cô lập với cộng đồng các quốc gia, nhưng vẫn giữ được cho mình cái lực lượng ghê gớm có thể dìm cộng đồng ấy vào hỗn loạn.

Có một điều chắc chắn, nếu hôm nay, còn có người La Mã quanh quẩn đâu đây, thì có lẽ họ sẽ đi tới một kết luận: cung cách này thì làm sao mà cai quản được một đế chế.

https://tieulun.hopto.org

Châu Âu: tranh đoạt bá quyền hay kẹt trong khủng hoảng*

*Ingo Schmidt***

Cũng giống như những năm ngay sau Chiến tranh thế giới thứ hai, ngày nay vẫn có không ít người cho rằng bá quyền kinh tế và chính trị toàn cầu của Hoa Kỳ sẽ tồn tại mãi mãi. Nhưng lịch sử đâu có đứng nguyên một chỗ. Các cường quốc tư bản khác phục hồi sức mạnh, trở thành những đối thủ cạnh tranh tích cực và làm giảm dần sự thống trị của Hoa Kỳ về công

---

* "Europe: On the Rise to Hegemony or Caught in Crisis?", *Monthly Review*, tháng Hai 2003.

** Ingo Schmidt giảng dạy kinh tế học ở Đại học khoa học ứng dụng ở Béclin. Ông tham gia nhóm Arbeitsgruppe Alternative Wirtschaftspolitik (Nhóm công tác về chính sách kinh tế thay thế) và Hội đồng cố vấn khoa học của tổ chức ATTAC Đức. Ông cũng là một nhà giáo dục về lao động.

https://tieulun.hopto.org

nghiệp, thương mại và tài chính. Hơn thế nữa, những quốc gia vươn lên từ tàn phá của chiến tranh còn làm rung chuyển một yếu tố then chốt của địa vị lãnh đạo Hoa Kỳ, buộc nước này phải bỏ chế độ kim bản vị được ghi trong các điều khoản của hiệp định Bretton Woods.

Tuy nhiên, những chấn động làm lung lay bá quyền Hoa Kỳ không ngăn được quốc gia hùng mạnh này lại phục hưng sự thống trị của mình sau cuộc khủng hoảng của những năm 1970 - một sự trỗi dậy sau đó được thúc đẩy thêm với sự giải thể của khối Xôviết. Thế nhưng bá quyền mới và dường như được xác lập rất vững chắc không phải là một khối nguyên vẹn. Những vết rạn nứt đã hiện lên ngay trong thời thịnh trị nhất của bá quyền kinh tế và chính trị Hoa Kỳ.

Các nhà phân tích công việc kinh doanh từ nhiều năm nay vẫn cho rằng Hoa Kỳ là cỗ máy tăng trưởng của kinh tế thế giới. Nước này chiếm khoảng 40 phần trăm tăng trưởng của thương mại thế giới kể từ năm 1995, và do đó, đã góp phần vực dậy nhiều nền kinh tế khác. Tuy nhiên, khi nền kinh tế Hoa Kỳ tăng trưởng chậm lại hoặc lâm vào suy thoái thì nó góp phần gầy thêm khó khăn cho kinh tế thế giới và thúc giục các nước tìm kiếm những biện pháp giảm bớt quan hệ kinh tế với cường quốc bá quyền. Thêm nữa, việc Hoa Kỳ tùy tiện theo đuổi chiến tranh khắp thế giới đã làm cho một số chính phủ ít ra cũng thấy cần phải có cách nào đó làm lung lay sự lãnh đạo của Hoa Kỳ.

Trong lúc Nhật Bản lâm vào khủng hoảng nặng nề cả chục năm nay, khả năng nhiều nhất thách thức bá quyền Hoa Kỳ là

https://tieulun.hopto.org

Liên minh châu Âu (EU). Dưới đây, tôi sẽ xem xét lịch sử và cơ cấu của sự hội nhập châu Âu với sự chú ý trả lời cho vấn đề được nêu ra trong bài viết này.

Cho đến gần đây, sự hội nhập hay là nhất thể hóa châu Âu và tiềm năng độc lập của nó có thể được xem như một tiến trình tiến hoá mau lẹ và không thể ngăn lại được. Các quốc gia thành viên gần như đã hoàn thành một thị trường duy nhất, thống nhất một đồng tiền chung, và đang thương thảo tư cách thành viên cho một số nước Đông Âu. Thêm vào đó, đã thiết lập một tổ chức để soạn thảo những đề nghị về một hiến pháp châu Âu.

Ngay cả trước khi mở rộng sang phía đông, Liên minh châu Âu đã là một nền kinh tế xấp xỉ nền kinh tế Hoa Kỳ về tổng sản phẩm nội địa (GDP), về thị phần trong thương mại thế giới, và vốn của thị trường. Thành tích kinh tế đó làm tăng ý thức tự cường đến mức chính phủ các nước châu Âu hội họp ở Lisbon, Bồ Đào Nha, đã tuyên bố châu Âu sẽ "trở thành nền kinh tế dựa trên kiến thức năng động và có sức cạnh tranh nhất trên thế giới".

Tuy nhiên, có hai sự kiện đã phủ bóng mờ lên hình ảnh một châu Âu hùng mạnh đang vươn lên tưởng không gì có thể ngăn nổi. Đó là các quốc gia thành viên EU đã không làm gì để ổn định nền kinh tế thế giới khi sự thịnh phát của Hoa Kỳ chuyển thành tiêu điều vào đầu năm 2001. Và trong lĩnh vực chính trị, việc Hoa Kỳ phát động "Chiến tranh chống khủng bố" đã dẫn đến sự thay thế Chính sách đối ngoại và an ninh chung mới đi được những bước đầu, bằng những chính sách

https://tieulun.hopto.org

quốc gia của từng thành viên EU. Vô luận các chính phủ châu Âu nghĩ thế nào về chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ, hoặc về những chính sách mà bản thân họ theo đuổi, lúc này không có chính sách đối ngoại nào của EU có thể thách thức hoặc chí ít cũng để làm đối trọng với sự thống trị của Hoa Kỳ trên thế giới.

Trong tình hình đó, vấn đề đặt ra là liệu có phải châu Âu chẳng qua chỉ là một cường quốc khu vực dưới bá quyền của Hoa Kỳ, hay là bá quyền Hoa Kỳ rồi sẽ bị tổn thương và cuối cùng bị thách thức bởi sự thống nhất của châu Âu. Theo tôi, khả năng châu Âu thách thức Hoa Kỳ phụ thuộc vào tiềm năng kinh tế thì ít mà phụ thuộc vào một chương trình chính trị thì nhiều. Không thể thay sự thống trị của Hoa Kỳ bằng một trật tự bá quyền thế giới mới dưới sự bảo trợ của EU mà lại không có việc soạn thảo và thiết lập những thiết chế quốc tế có khả năng cai quản kinh tế thế giới.

Khi xem xét những cái tiếp nối, chúng ta cần hai điều bảo lưu. Thứ nhất, ngay từ lúc bắt đầu, sự nhất thể hoá châu Âu chủ yếu là để tạo nên một khu vực kinh tế liên kết. Kể từ đó, hội nhập kinh tế là mẫu số chung nhỏ nhất, và sự tập trung vào kinh tế như vậy giúp che đậy những khát khao chính trị của các quốc gia thành viên EU. Nhưng nay hội nhập về kinh tế đã đến "giai đoạn cao nhất" với đồng tiền chung, châu Âu không thể thống nhất hơn nữa nếu không có hội nhập về chính trị. Việc xây dựng công ước về tương lai của Liên minh châu Âu khẳng định điều đó. Và do công ước này tập trung chủ yếu vào các vấn đề kỹ thuật liên quan sự phân phối các nguồn lực và trách nhiệm giữa các thành viên và các thiết chế của EU, nên có thể

https://tieulun.hopto.org

tránh được sự xung đột công khai về những chủ đề chính trị khác nhau. Tuy nhiên, cách tiếp cận mang tính chất kỹ trị này làm cho công ước và những thiết chế và chính phủ đứng sau nó không có đủ khả năng để tạo dựng nên một chương trình chính trị đồng bộ.

Thứ hai, một chương trình châu Âu chẳng những phải có được sự đồng thuận hoặc thỏa hiệp giữa các giai cấp thống trị mà còn đòi hỏi phải được sự đồng tình của các tầng lớp dưới. Những nhà chính trị lớp trên, các phương tiện truyền thông mà ngay cả các tổng giám đốc điều hành thường lấy một "Mô hình xã hội châu Âu" tưởng tượng để hợp thức hóa sự thống nhất châu Âu. Nó mang lại cho họ hai lợi thế. Một mặt, nó nhắc nhở những truyền thống của phong trào lao động và nhà nước phúc lợi châu Âu. Mặc dù đã trải qua nhiều năm các điều khoản phúc lợi bị giảm mạnh, quyền công nhân bị hạn chế, nhưng cả hai vẫn giữ một vai trò quan trọng trong đời sống thường nhật của nhân dân. Mặt khác, việc xây dựng một "Mô hình xã hội châu Âu" chủ yếu mang tính chất ý thức hệ cho phép các nước châu Âu vạch ra rằng nền kinh tế thuần túy thị trường của Hoa Kỳ là thấp kém hơn. Tuy nhiên, một nghịch lý khi đề cập bất cứ khái niệm nào của mô hình xã hội là sẽ làm dấy lên những hy vọng của người dân bình thường về mức độ việc làm, an sinh xã hội và tiêu chuẩn lao động. Những mong mỏi đó tương phản rõ rệt với thông lệ của EU thúc đẩy cạnh tranh giữa công nhân có việc và người đang thất nghiệp để hạ thấp mức sống của họ. Mâu thuẫn giữa kỳ vọng và thực tế hàng ngày đã tạo nên một sự khủng hoảng về tính chất chính đáng của hội nhập

https://tieulun.hopto.org

châu Âu. Những thắng lợi trong các tuyển cử gần đây của các đảng dân tộc cánh hữu là một dấu hiệu rõ của những lực lượng ly tâm đang phá hoại không những sự hội nhập hơn nữa của châu Âu mà ngay cả sự hội nhập đã đạt được cho đến nay.

Liên minh châu Âu có thể thay thế được sự thống trị kinh tế của Hoa Kỳ?

Cuối những năm 1990, EU đẩy nhanh quá trình hội nhập. Năm 1998, các cuộc thương lượng mở rộng về phía đông bắt đầu với sáu nước xin gia nhập; năm 1999, Liên minh tiền tệ châu Âu (EMU) ra đời. Hai năm sau, châu Âu lâm vào suy thoái, cũng như thế giới nói chung. Sự bất lực của kinh tế châu Âu phục hồi nhanh sau đình đốn, nói gì tới đi tiên phong trong phục hồi nền kinh tế toàn cầu, làm tan biến tham vọng giành lại quyền lãnh đạo kinh tế thế giới từ tay Hoa Kỳ, một tham vọng được tuyên cáo tại Hội nghị thượng đỉnh EU ở Lisbon, Bồ Đào Nha. Dù sao, một châu Âu nhất thể về kinh tế là một mối đe dọa thực sự đối với vai trò lãnh đạo kinh tế thế giới của Hoa Kỳ - không phải vì kinh tế châu Âu đang trên đà tăng tiến không gì ngăn cản nổi mà chính là vì kinh tế Mỹ yếu đi.

Trong thời kỳ kinh tế tăng mạnh của những năm 1990, không chỉ có EU đã thể hiện rõ hơn sự tự ý thức về nhịp điệu tăng trưởng. Hoa Kỳ còn hơn thế, tự phong là người đi tiên phong cho năng suất và thu nhập không ngừng tăng lên, song song với tỷ lệ lạm phát thấp. Thế nhưng, suy thoái và giá cả hạ thấp đã làm cho ảo tưởng về một nền "Kinh tế mới" trường tồn đến hồi chung cục, và nay hai thực tế hiển nhiên đã được phơi

https://tieulun.hopto.org

bày: Thứ nhất, sự tăng năng suất của Hoa Kỳ đã được phóng đại. Thứ hai, những quy chế của các thị trường lao động châu Âu thường được coi là chịu trách nhiệm về sự tăng trưởng chậm hoá ra lại linh hoạt hơn là người ta vẫn tưởng. Chắc chắn là không có một biểu hiện nào của sự ưu việt về kinh tế, nếu một mô hình tăng trưởng được hoan nghênh lại tan biến trước sự đổ bể của một bong bóng đầu cơ.

Để hiểu tại sao bá quyền Hoa Kỳ bị suy yếu thì cần nhìn lại lịch sử gần đây. Vào những năm 1970, việc chuyển từ chế độ kim bản vị với hối suất cố định sang hối suất thả nổi cũng như việc quân Mỹ phải rút khỏi Việt Nam là những dấu hiệu khủng hoảng rõ rệt của bá quyền Hoa Kỳ. Và đằng sau chúng là hai sự phát triển đan quyện với nhau. Một là Đức và Nhật Bản gần như đuổi kịp Hoa Kỳ về năng suất và thu nhập tính theo đầu người, và do đó, đã trở thành những quốc gia cạnh tranh kinh tế lớn trên thị trường thế giới. Hai là sự quá độ từ một thời kỳ thịnh vượng chưa từng thấy của thế giới tư bản chủ nghĩa sang một sự đình đốn chung về tăng trưởng đi kèm với sự gia tăng các cuộc đấu tranh giai cấp và chỉ số lạm phát. Trong những hoàn cảnh đó, Hoa Kỳ đã không làm nổi việc mang lại ổn định tương đối cho thế giới tư bản chủ nghĩa như nó đã từng làm vào thời kỳ từ kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai cho đến cuối những năm 1960.

Phản ứng của các nền kinh tế tư bản chủ đạo trước cuộc khủng hoảng kinh tế những năm 1970 có ba phương diện. Thứ nhất, các chính sách tài chính chuyển từ chống thất nghiệp và lạm phát sang tập trung chống lạm phát bằng hạn chế cung ứng

https://tieulun.hopto.org

tiền và tăng lãi suất, sẵn sàng chấp nhận những hậu quả tiêu cực đối với tăng trưởng và việc làm. Thứ hai, các nền kinh tế này, với mức độ khác nhau, chuyển theo hướng chống lại lao động, như tấn công mạnh vào công đoàn ở Anh dưới thời Margaret Thatcher hoặc ép công đoàn chấp nhận các chương trình giảm phúc lợi của chủ tư bản ở phần lớn các quốc gia châu Âu lục địa. Tất cả nhằm làm yếu khả năng mặc cả của công nhân ở xí nghiệp, trong toàn ngành, trên toàn quốc về các vấn đề lương, giờ làm và điều kiện lao động. Lợi nhuận được phục hồi trên thiệt hại của lao động. Thứ ba, giảm chi tiêu cho các chương trình phúc lợi. Phái bảo thủ luôn cho rằng các chương trình phúc lợi làm xói mòn đạo đức lao động của giai cấp vô sản. Tăng trưởng chậm lại, đấu tranh giai cấp tăng lên, tạo thêm cái cớ để biện minh cho luận cứ đó và cho việc dỡ bỏ hệ thống phúc lợi.

Thành công của những chính sách đó là đạt được những mục tiêu trước mắt: giảm tỷ lệ lạm phát, tái phân phối thu nhập bằng cách từ tiền lương chuyển thành lợi nhuận và giảm chi tiêu phúc lợi. Nhưng chúng không mang lại thịnh vượng lâu dài như hứa hẹn của những người ủng hộ các chính sách này. Mức tăng trưởng bình quân của Hoa Kỳ trong những năm 1980 cũng không đạt nổi mức của những năm 1970 lao đao với khủng hoảng, trong lúc đó thì các nước EU thậm chí còn không đạt được mức đó. Hơn thế nữa, thập kỷ 1970 còn cho thấy một sự đảo ngược tiến trình đuổi kịp Hoa Kỳ mà châu Âu đã khởi động từ những năm 1960. Nhìn tổng thể, những năm 1980 và 1990 được đánh dấu bằng khoảng cách rộng thêm về tăng

https://tieulun.hopto.org

trưởng giữa châu Âu và Hoa Kỳ. Bên cạnh ưu thế vượt trội về quân sự không phải bàn cãi, tình hình đó giúp phục hồi bá quyền của Hoa Kỳ.

Lý do chính của sự nới rộng khoảng cách tăng trưởng giữa Hoa Kỳ - EU từ năm 1980 là do Hoa Kỳ tăng mạnh vay nợ để đáp ứng nhu cầu, một phần lớn trong số đó là nợ của nhà nước. Thật mỉa mai, một trong những yếu tố then chốt của chủ nghĩa tự do mới là học thuyết về cân bằng ngân sách, và chính những nhà kinh tế học Mỹ là những người đánh trống khua chuông cho học thuyết này, mà theo họ, đó là con đường đi tới tự do và thịnh vượng. Nhưng chẳng phải ai khác mà là Chính phủ Hoa Kỳ đã tỏ ra kém cỏi nhất trong việc tuân theo những giáo điều đó. Thực tế là đặc trưng nổi bật nhất của nền kinh tế thế giới trong những năm 1980 là sự tăng cường cạnh tranh trước tình hình đình trệ, dựa nhiều hơn vào vay nợ, và một làn sóng đầu cơ. Kết quả là một sự thay đổi từ lạm phát hàng hóa chuyển sang lạm phát tài sản (như trái phiếu, bất động sản, các công cụ tài chính). Sự bùng nổ tăng trưởng bằng vay nợ ở Hoa Kỳ đã giúp cho tăng trưởng đạt được mức cao (MR, tháng Tư 2002). Cuối cùng thì khủng hoảng bột phát - trước hết là Nhật Bản rồi sau đó là Hoa Kỳ.

Mặc dù nợ công và nợ tư tăng, nhưng do Hoa Kỳ vẫn đạt tỷ lệ tăng trưởng kinh tế khá cao, cộng thêm lòng tin vào trung tâm của thế giới tư bản, nên các dòng vốn từ khắp thế giới vẫn được khuyến khích đổ vào Mỹ, và chính nhờ đó mà cứu vãn được thâm hụt của cán cân tài khoản vãng lai. Tư bản ở Pháp khác hẳn. Tại đây, đầu những năm 1980, một chính phủ tả

https://tieulun.hopto.org

khuynh cố tìm cách kết hợp các chính sách mở mang của Keynes với việc tăng dịch vụ công ích và giảm giờ lao động, đã thất bại. Những đồng vốn của Pháp được đưa ra nước ngoài để phòng chương trình xã hội mới sẽ cắt giảm lợi nhuận. Vốn chạy ra nước ngoài còn là do bị hấp dẫn bởi lãi suất cao hơn ở Đức. Lãi suất cao hơn làm cho đầu tư ở Đức có lợi hơn, đó là chủ trương của Ngân hàng trung ương Đức nhằm thực hiện các chính sách chống lạm phát. Phương pháp tiếp cận này góp phần vào sự cáo chung của chủ nghĩa Keynes tả phái ở Pháp; và đó cũng là một thành tố của chính sách kinh tế Đức trong những năm 1980.

Khi khủng hoảng bùng nổ từ cuối những năm 1990 cho đến bây giờ, trong thực tế, tất cả các nền kinh tế gọi là mới nổi lên cũng như Nhật Bản cần được tiếp thêm một lượng cầu tăng lên của kinh tế thế giới để kích thích tăng trưởng. Về phương diện kinh tế, Hoa Kỳ không thể làm được điều này. Trong suy thoái năm 1991, Hoa Kỳ có thể cân đối tài khoản vãng lai (xuất khẩu trừ cho nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ cộng với thu nhập đầu tư ròng và chuyển khoản) trong một thời gian ngắn và hạn chế tăng thêm nợ nước ngoài. Nhưng nay thì không được khi thâm hụt cán cân tài khoản vãng lai tăng nhanh.

Nợ nước ngoài tăng trong lúc triển vọng phục hồi mờ mịt, lại khó khăn thêm trước sức ép chính trị phải bảo vệ những nhà sản xuất trong nước, có thể dẫn đến sự giảm giá của đồng đôla về lâu dài. Không như ngày nay, kinh tế thế giới đang đi lên vào lúc Hoa Kỳ đánh sụt giá đôla lần cuối, năm 1985. Gia dĩ, việc tụt giá đôla của năm 1985 làm cho xuất khẩu của Nhật

https://tieulun.hopto.org

Bản yếu đi, gây nên một sự thay đổi tạm thời trong chiến lược vốn của Nhật, từ định hướng xuất khẩu chuyển sang đưa sản xuất ra nước ngoài. Đi kèm với sự chuyển hướng đó là bong bóng đầu cơ bị tan vỡ năm 1992, đẩy kinh tế Nhật Bản chìm sâu vào khủng hoảng triền miên.

Tình hình Nhật Bản là một trong những lý do tại sao cuộc suy thoái hiện nay lại đặt EU trước một liên kết kinh tế thế giới mới. Với việc Nhật Bản khủng hoảng kéo dài và kinh tế Hoa Kỳ mất đà, EU là lực lượng tiềm tàng duy nhất có thể vực dậy nền kinh tế thế giới. Thúc đẩy nền kinh tế thế giới bằng chi tiêu thâm hụt của các thành viên EU có thể có tác dụng một lúc nào đó. Nhưng muốn trở thành bá quyền kinh tế, tạo nên việc tăng nhu cầu là chưa đủ. Một địa vị bá quyền (hay lãnh đạo) đòi hỏi phải cung cấp cho thế giới một đồng tiền dự trữ quốc tế và một khuôn khổ thiết chế để cai quản kinh tế thế giới. Liên minh châu Âu có thể làm cho đồng euro trở thành đồng tiền hàng đầu thế giới bằng cách tăng lãi suất để kích thích các nước đổi dự trữ quốc tế của mình từ đôla chuyển sang euro. Tuy nhiên, làm như vậy rất dễ đẩy nền kinh tế thế giới trở lại suy thoái. Một tác động phụ không cố ý của việc bố trí lại dự trữ quốc tế sẽ làm tăng thêm phí tổn đầu tư tài chính và chi tiêu của người tiêu dùng, và như vậy sẽ làm giảm tổng nhu cầu. Hơn thế nữa, những tranh chấp giữa EU và Hoa Kỳ về các chính sách tương lai của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), cải tổ IMF và Ngân hàng Thế giới, và NATO là những chỉ dẫn rõ rệt về sự gia tăng căng thẳng giữa hai khối cường quốc ngay bên trong các thiết chế quốc tế hiện hữu. Những căng thẳng đó giúp ta hình

https://tieulun.hopto.org

dung điều gì sẽ xảy ra nếu EU cố lập một khung thiết chế phục vụ cho lợi ích của mình, như Hoa Kỳ đã làm trong thời kỳ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Từ góc độ kinh tế, một điều dường như đã rõ. Các chiều hướng giảm phát trong nền kinh tế thế giới và những vấn đề bá quyền của Hoa Kỳ đã góp phần làm tăng sự cạnh tranh giữa các khối kinh tế Bắc Mỹ và châu Âu. Liệu tình hình đó có biến thành một sự kình địch đế quốc toàn diện hay không là một vấn đề của chiến lược chính trị được theo đuổi bên trong hai khối đó. Điều đó đặc biệt đúng với châu Âu, bởi chẳng ai có thể nghi ngờ là Hoa Kỳ muốn bảo vệ sự thống trị của họ. Nếu thiếu sự thống nhất chính trị thì Liên minh châu Âu có thể không tự mình chuyển thành một siêu cường có khả năng thách thức vị thế thống trị của Hoa Kỳ.

Những giới hạn của hội nhập kinh tế

Để hiểu tại sao giai cấp thống trị ở châu Âu có thể không hành động tập thể thì cần nhận thức được một đặc thù của sự nhất thể hóa châu Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Động lực thúc đẩy quá trình nhất thể hóa là mục tiêu chính trị của một số nước lớn Tây Âu: cân đối lực lượng trong các cường quốc Tây Âu; tạo nên một tường thành để chống lại Liên Xô và khu vực ảnh hưởng của nước này; và để điều tiết mối quan hệ giữa châu Âu và Hoa Kỳ. Tuy nhiên, những mục tiêu đó thành đạt được chủ yếu là nhờ hội nhập kinh tế. Kinh tế châu Âu hội nhập tuy có tác dụng phụ là tạo nên một khối mậu dịch lớn nhưng chủ yếu vẫn được sử dụng cho chính sách đối ngoại.

https://tieulun.hopto.org

Mỉa mai là vấn đề hội nhập chính trị đã được đặt ra ngay từ những ngày đầu bàn tính thống nhất châu Âu. Ngay cả trước khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, một số giới chính trị nhỏ bé, phần lớn khuynh hướng tự do, cũng có cả xu hướng xã hội chủ nghĩa, đã đưa ra ý kiến về một liên bang châu Âu. Được như vậy, châu Âu sẽ duy trì được độc lập với hai siêu cường hậu chiến - Hoa Kỳ và Liên Xô. Hơn thế nữa, một kiểu liên bang như thế có thể tạo nên "Con đường thứ ba" giữa một bên là chủ nghĩa xã hội do nhà nước điều hành ở đằng Đông và một bên là chủ nghĩa tư bản thị trường tự do ở đằng Tây.

Sự thống nhất chính trị vào thời đó rõ ràng là không thể thực hiện được. Bởi nó tương khắc rõ rệt với các chính sách đối ngoại của hai siêu cường, cả hai đều muốn hội nhập châu Âu vào khu vực ảnh hưởng của mình. Thêm nữa, phần lớn cuộc kháng chiến chống xâm lược Đức là dưới danh nghĩa giành lại độc lập dân tộc. Sự trung thành với nhà nước quốc gia nổi lên từ trong cuộc đấu tranh chống phát xít quốc xã là vật cản con đường thành lập một liên bang châu Âu. Trong hoàn cảnh đó, hội nhập kinh tế là con đường thích hợp để cân đối các quan hệ quyền lực giữa các nhà nước quốc gia Tây Âu. Cuối cùng, Hoa Kỳ chống lại tư tưởng hội nhập chính trị của châu Âu vì lo rằng đó là một thách thức tiềm tàng vai trò lãnh đạo thế giới tư bản của Hoa Kỳ.

Có rất nhiều ví dụ về việc sử dụng hội nhập kinh tế cho những mục đích chính trị. Bước đầu tiên tiến tới hội nhập nội bộ châu Âu là việc thành lập Cộng đồng than và thép của châu Âu năm 1951. Trong trường hợp này, mối liên hệ chặt

https://tieulun.hopto.org

chẽ giữa các mục tiêu chính trị và hội nhập kinh tế quá hiển nhiên - công nghiệp nặng là hạt nhân của tổ hợp quân sự - công nghiệp thời bấy giờ. Các ví dụ khác là sự thành lập của Cộng đồng kinh tế châu Âu và Hội thương mại tự do châu Âu. Thực tế có hai chương trình hội nhập riêng rẽ và xung đột nhau được thiết lập cho thấy những cân nhắc chính trị quan trọng đến nhường nào.

Ngay cả sau khi Đức thất bại tan tành sau Chiến tranh thế giới thứ hai, vẫn có những quan ngại, nhất là ở Pháp, rằng khát vọng bá quyền của nhà nước quốc xã có thể sống lại. Việc thành lập các thiết chế đứng trên quốc gia được coi như là một biện pháp để ngăn không cho điều đó xảy ra. Về phía Đức, họ cũng tận dụng sự bắt đầu hội nhập châu Âu để vượt qua sự cô lập mà họ phải gánh chịu từ sau thất bại của phát xít quốc xã.

Đầu thập kỷ 1970, các giai cấp thống trị ở châu Âu vẫn tin chắc rằng họ có khả năng duy trì được thịnh vượng kinh tế bằng cách vận dụng đúng đắn các chính sách của học thuyết Keynes. Được đức tin đó khuyến khích, họ đề ra mục tiêu đầy tham vọng sử dụng một đồng tiên chung có khả năng thách thức vị trí lãnh đạo của đồng đôla trong nền kinh tế thế giới. Sự thống trị của đồng đôla bị đặt thành vấn đề khi những xáo trộn tài chính đã buộc Chính phủ Hoa Kỳ đơn phương từ bỏ chế độ kim bản vị Bretton Wooods năm 1973. Hơn nữa, việc quản lý cầu đã không giữ được cỗ máy kinh tế thế giới lăn bánh nhịp nhàng và không kiểm soát được lạm phát trong nửa sau của thập kỷ. Thế cho nên vào cuối thập kỷ 1970, dân chúng châu Âu hoan hỉ với tỷ giá cố định thay vì một đồng tiền chung.

https://tieulun.hopto.org

Bằng cách này, ít ra họ cũng có được một mức độ ổn định nào đó trong lúc kinh tế thế giới bước vào một giai đoạn tài chính bất ổn định.

Nói cho đúng, không phải sự thay đổi và hội nhập thắng lợi của châu Âu đã khiến cho bá quyền của Hoa Kỳ bị đặt thành vấn đề. Ngược lại, vào đầu những năm 1980, giai cấp tư sản Hoa Kỳ dường như muốn và sẵn sàng gạt ra một bên cuộc khủng hoảng của những năm 1970, thi hành những chính sách cứng rắn để chống lại những kẻ thù của tự do và thịnh vượng ở trong và ngoài nước đang quanh quẩn đâu đó: Liên bang Xôviết, phong trào giải phóng của các nước thế giới thứ ba, các công đoàn và nhà nước phúc lợi. Đồng thời, giai cấp thống trị ở châu Âu cũng lưỡng lự trong việc đương đầu với bất cứ một kẻ thù nào trong số kể trên. Những lời phàn nàn về "Hội chứng xơ cứng của châu Âu" khá phổ biến về ảnh hưởng quá mức của các quy chế công đoàn và nhà nước phúc lợi đối với các chiến lược tích luỹ tư bản.

Để thoát ra khỏi những hạn chế đối với tư bản (vốn) ở cấp quốc gia, Chương trình thị trường đơn nhất được áp dụng năm 1986. Mục đích chính của chương trình là quyền lưu thông vốn tự do qua biên giới. Đây là biện pháp gây áp lực lên chế độ nhà nước phúc lợi cũng như sức mạnh mặc cả của công đoàn bằng cách cho phép các tập đoàn công ty có quyền chuyển phương tiện sản xuất đến nơi lao động rẻ hơn và các tiêu chuẩn xã hội và môi trường lỏng lẻo hơn. Tuy chưa phải là thủ tiêu mọi thành quả, nhưng một quá trình tiệm tiến nhằm phá hoại công đoàn và an sinh xã hội đã được khởi động. Trái với các chính

https://tieulun.hopto.org

sách tấn công công đoàn ở Hoa Kỳ và Anh Quốc, giai cấp thống trị ở châu Âu lục địa cố duy trì chủ nghĩa công liên thời hậu chiến bằng cách lôi kéo công đoàn và các Đảng Xã hội dân chủ vào nghị trình mới của chủ nghĩa tự do mới.

Phương pháp theo đuổi các chính sách tự do mới đó làm nổi lên khái niệm về mô hình xã hội châu Âu sẽ được nói tiếp ở các phần sau. Điều quan trọng ở đây là cuộc khủng hoảng trong những năm 1970 làm chậm lại tiến trình hội nhập châu Âu, nhưng không gây ra một chuyển đổi từ hội nhập kinh tế sang hội nhập chính trị. Tình hình vẫn được giữ nguyên ngay cả khi chiến tranh lạnh đột ngột chấm dứt vào đầu những năm 1990.

Với việc bức tường Béclin sụp đổ, Anh và Pháp lo ngại một nước Đức thống nhất sẽ chia tay với các đồng minh Chiến tranh lạnh. Những quan ngại đó càng tăng thêm khi Đức thừa nhận Crôatia và Xlôvenia như những quốc gia độc lập năm 1991, một bước đi chẳng những không tham khảo các thành viên EU và NATO mà còn bị phần lớn các nước này phản đối. Đó chính là bối cảnh của sự ra đời Liên minh tiền tệ châu Âu. Cũng như với các hiệp định khác, đây là việc dùng hội nhập kinh tế để thắt chặt quan hệ giữa các nước Tây Âu, khiến cho bất cứ nước nào bác bỏ các hiệp định hội nhập khu vực sẽ phải trả một giá đắt cả về kinh tế lẫn chính trị.

Cái giá mà các đối tác EU của nước Đức phải trả cho cách tiếp cận này là sự chấp nhận những hướng dẫn thi hành sự tiết chế về các chính sách tài chính và tiền tệ mà Chính phủ Đức đưa ra trong các cuộc thảo luận dẫn đến liên minh tiền tệ. Tỷ lệ lạm phát thấp, hạn chế chi tiêu công nhằm hạ thấp lãi suất, và

https://tieulun.hopto.org

do đó, giảm phí tổn cho các công ty tư nhân, và tạo cho các công ty đứng chân ở châu Âu có thêm sức cạnh tranh trên thị trường thế giới. Đồng thời các chính sách đó cũng sẽ giảm bớt việc quản lý cầu làm công cụ để tạo việc làm và tăng cường phúc lợi xã hội.

Thế thượng phong của hội nhập kinh tế so với hội nhập chính trị và ngay cả xã hội đặc trưng cho phát triển của châu Âu từ những năm 1950 cho đến ngày nay rất có thể đi vào ngõ cụt trong tương lai. Đó là vì, liên minh tiền tệ đã hoàn thành, mọi hội nhập khác sâu hơn tất sẽ phải là về chính trị hoặc xã hội. Trái với những ảo tưởng về thị trường tự do, việc lập một thị trường thống nhất và một đồng tiền chung hoàn toàn không có nghĩa là không có sự can thiệp của chính trị. Từ những ngày đầu hạ thấp rồi dỡ bỏ thuế quan trong nội bộ các nước EU cho đến việc đưa đồng euro vào lưu hành, sự hội nhập kinh tế châu Âu luôn đi kèm với sự hình thành một hình thức kỹ trị kinh tế. Điều này tương khắc rõ rệt với những nhược điểm của sự tham gia dân chủ và quyền lực lập pháp ở cấp độ châu Âu.

Nhiệm vụ của sự kỹ trị đó là: hài hòa giữa các phái của giai cấp thống trị châu Âu; phục vụ cho lợi ích chung của châu Âu chống lại cạnh tranh từ các nơi khác trên thế giới; và kìm hãm quyền lợi của lao động. Nhưng do sự phân phối không đều về nguồn lực và trách nhiệm giữa EU và các quốc gia thành viên cũng như giữa các thiết chế của EU, việc ra quyết định thường phải mất rất nhiều thời gian và kết quả thường là khá mơ hồ. Điều này có thể thấy rõ trong việc xây dựng một Công ước châu Âu nhằm đưa ra những đề nghị về cải cách thiết chế.

https://tieulun.hopto.org

Vấn đề đối với công ước này là nó nằm trong truyền thống kỹ trị của EU - nhiệm vụ của nó là tìm cách làm sao có được những quá trình ra quyết định hiệu quả hơn và tăng cường cho các lực lượng chấp pháp, chứ không phải là nâng cao sự tham gia dân chủ ở cấp Liên minh châu Âu. Do đó, có một hố ngăn cách rất sâu giữa một bên là những tuyên bố về phát triển một Chính sách chung về đối ngoại và an ninh, hoặc thậm chí tham vọng hơn, đưa ra được một hiến pháp châu Âu, và một bên là thực tế các thiết chế châu Âu chủ yếu chỉ lo những vấn đề thương mại.

Một trong những lý do của việc không có khả năng vượt lên trên hội nhập kinh tế có thể tìm thấy trong các ưu tiên chính trị khác nhau đang được "ba ông lớn" của châu Âu theo đuổi. Vương quốc Anh vẫn cứ bám riết mối quan hệ đặc biệt với Hoa Kỳ và dành ưu tiên cho các thị trường tài chính Luân Đôn có tầm với toàn cầu hơn là khối mậu dịch tập trung hơn cho khu vực châu Âu. Pháp cố gắng xúc tiến quan hệ với các thuộc địa cũ. Đức quan tâm hơn đến việc mở rộng sang phía Đông của EU hơn là làm sâu sắc thêm các quan hệ sẵn có. Bên cạnh những khác biệt ngáng con đường của hội nhập chính trị còn có những bảo lưu của các nước thành viên nhỏ hơn của EU. Họ sợ rằng mở rộng liên minh có thể làm tăng ảnh hưởng của các nước lớn hơn, gây thiệt thòi cho họ. Cuối cùng, độc lập hơn về quân sự với Hoa Kỳ vẫn thường được coi là một bộ phận không thể tách rời của hội nhập chính trị. Chính phủ Hoa Kỳ đã có ngay những bảo lưu mạnh mẽ đối với những bước đi nhỏ bé thành lập lực lượng liên quân EU. Trong lúc này, chính phủ các nhà nước thành viên EU lưỡng lự không muốn thách thức ưu

https://tieulun.hopto.org

thế quân sự Hoa Kỳ bằng một cuộc chạy đua vũ trang xuyên Đại Tây Dương. Trước thực tiễn kình địch ngay trong nội bộ EU, sự dè dặt đó hoàn toàn có thể hiểu được.

Huyền thoại của "Mô hình xã hội châu Âu"

Vấn đề chính yếu đối với hội nhập châu Âu không phải là ở sự tăng trưởng kinh tế ì ạch và không ổn định, cũng chẳng phải là các cơ cấu chính trị kém hiệu lực, mà là trong những khó khăn làm sao tìm được tính hợp thức.

Những cố gắng gần đây của các đảng trung tả để hợp thức hóa sự hội nhập của châu Âu hứa hẹn sẽ mang lại một hình thức mới của bình đẳng để bù đắp cho những thống khổ mà chủ nghĩa tự do mới áp đặt lên công nhân khi cơ cấu lại các tập đoàn và các thị trường thế giới. Một trong những đặc điểm của các đảng Con đường thứ ba là thường tự giới thiệu mình như một phương án thay thế cho cả hai, nhà nước phúc lợi của kỷ nguyên hậu chiến và kinh tế thị trường thuần túy dường như đã được thiết lập ở Hoa Kỳ. Trong những nỗ lực để tự tách mình ra khỏi mô hình Hoa Kỳ, các đảng Con đường thứ ba đã gắn mình với cái được biết như là "Mô hình xã hội châu Âu".

Đưa ra những lời hứa đi theo mô hình đó, các Đảng Xã hội dân chủ và Đảng Xã hội đã có khả năng giành được chính quyền ở phần lớn các quốc gia thành viên EU trong nửa sau thập kỷ 1990. Tuy nhiên, chỉ ít năm sau, rõ ràng các đảng Con đường thứ ba không thể cứu vãn nhà nước phúc lợi bằng cách vá víu các chính sách và thiết chế tự do mới. Ngược lại, người ta ngày càng nhận rõ Con đường thứ ba chẳng qua chỉ là điều

https://tieulun.hopto.org

hòa xã hội dân chủ với các chính sách tự do mới - những chính sách mà các đảng này chống đối kịch liệt khi chưa nắm được chính quyền. Thất vọng trước tình hình đó, người dân quay ra chống chẳng những Con đường thứ ba mà chống cả châu Âu. Hóa ra các Đảng Xã hội dân chủ, y hệt như các tiền nhiệm bảo thủ, cũng sử dụng một thị trường đơn nhất và thực thi chủ trương một đồng tiền chung ở châu Âu để gây sức ép lên các nhà nước phúc lợi. Trên phương diện này, sự thất bại không giữ lời hứa của Con đường thứ ba quả là đã gây ra nhiều vấn đề cho sự hội nhập châu Âu.

Những nguyên nhân của sự thăng trầm đột ngột của đường lối chính trị Con đường thứ ba có thể tìm thấy trong lịch sử châu Âu. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các phái ôn hòa trong phong trào lao động ở Tây Âu tự thấy mình hội nhập vào cơ cấu thiết chế của chủ nghĩa tư bản thông qua sự ra đời của các nhà nước phúc lợi dân tộc. Nhưng ngay cả những nhóm cấp tiến hơn trong phong trào lao động cũng có thiện cảm với sự phát triển của hệ thống phúc lợi hoặc sụp đổ dưới sức ép chính trị của các giai cấp thống trị châu Âu, và thậm chí có lúc theo chiều hướng thể chế hóa nhiều hơn với giới chủ.

Quan điểm cho rằng sự hội nhập kinh tế của các quốc gia Tây Âu có thể tiến triển *cùng với* nhà nước phúc lợi dân tộc trở nên vô cùng quan trọng. Trong lúc sự phát triển nhanh chóng của thương mại quốc tế và đặc biệt là thương mại giữa các nước châu Âu trong thời kỳ thịnh phát sau chiến tranh vẫn còn khó nhận ra, thì sự mở rộng cung cấp phúc lợi và nâng cao tiêu chuẩn lao động lập tức ảnh hưởng đến cuộc sống của đại bộ

https://tieulun.hopto.org

phận nhân dân châu Âu. Do vậy, hội nhập kinh tế ở châu Âu và hội nhập xã hội trong khuôn khổ thiết chế của nhà nước phúc lợi dân tộc là một hành trình song song. Nhưng chỉ có nhà nước phúc lợi, chứ không phải sự hội nhập của người châu Âu hay thị trường thế giới, mới giành được trái tim của nhân dân.

Trong thời kỳ kinh tế phát triển bồng bột sau chiến tranh, sự hội nhập kinh tế châu Âu cũng như trên quy mô thế giới chủ yếu là mối quan tâm của các chuyên gia, còn đại chúng thì thờ ơ. Bắt đầu từ những năm 1970, một liên minh các nhà chính trị chóp bu, các giai cấp thống trị và phương tiện truyền thông đưa ra khái niệm "cạnh tranh quốc tế" và "toàn cầu hóa" để thanh minh cho xu hướng chống nhà nước phúc lợi dân tộc. Trong tiến trình này, các thiết chế EU đóng một vai trò trung gian giữa thị trường thế giới và các nhà nước phúc lợi dân tộc. Họ lập luận rằng, muốn đứng vững trong cạnh tranh quốc tế, EU phải thành lập một nơi buôn bán thống nhất có thể phục vụ cho các tập đoàn châu Âu, làm hậu cứ trong các cuộc chiến đấu cạnh tranh với các tập đoàn Hoa Kỳ và Nhật Bản. Bởi các nhà nước phúc lợi dân tộc được xem như những vật cản các mục đích đó, nên cần tiết chế chúng. Họ đẩy mạnh tuyên truyền hội chứng "châu Âu xơ cứng" là do nhà nước phúc lợi hào phóng, nhưng thực ra châu Âu đồng nghĩa với việc làm không ổn định và sự giảm thiểu phúc lợi. Các sáng kiến của EU, đặc biệt là Chương trình thị trường đơn nhất, cổ xúy cho sự uyển chuyển hơn về các thị trường hàng hoá và lao động, và Liên minh tiền tệ châu Âu, nơi đưa ra những hướng dẫn hạn chế chi tiêu công ích, được sử dụng để giải thể từng bước nhà nước phúc lợi dân tộc.

https://tieulun.hopto.org

Xu thế chống lại Con đường thứ ba

Việc sử dụng các thiết chế EU để gây sức ép lên nhà nước phúc lợi dân tộc khiến cho các chính phủ dân tộc có thể coi EU là kẻ xấu xa và có thể tự cho mình là người bảo vệ cho nhà nước phúc lợi. Chắc chắn, lập luận như vậy là giả dối bởi EU chẳng phải cái gì khác mà là ý chí được nhất trí của các quốc gia thành viên. Hơn nữa, nếu EU là xấu thì bản thân sự hợp thức của hội nhập châu Âu, ngay từ đầu, đã mất ý nghĩa.

Đầu những năm 1990, gió đổi chiều. Sự bất bình tăng lên với chủ nghĩa tự do mới không phục hồi được công ăn việc làm và thịnh vượng đã tạo cơ hội cho các Đảng Xã hội dân chủ và Đảng Xã hội giành lại được quyền bính. Các quan chức EU hiệu chỉnh hiện tượng đó bằng công bố "Mô hình xã hội châu Âu". Mô hình này được biết là để ngăn bớt những sức ép của cạnh tranh quốc tế. Hơn nữa, nó còn phục hồi tính chất chính đáng của hội nhập châu Âu.

Tuy nhiên, cụm từ "Mô hình xã hội châu Âu" quá mơ hồ. Đặc biệt là không có gì rõ liệu mô hình này có tương đồng với các nhà nước phúc lợi dân tộc ở châu Âu mà không thể tìm thấy ở bất cứ đâu ngoài châu Âu, hoặc liệu đây có phải là một hệ thống phúc lợi toàn châu Âu sẽ thế chỗ cho các nhà nước phúc lợi dân tộc trong quá trình hội nhập hơn nữa.

Sự mơ hồ đó khiến cho từ ngữ này chứa đựng được rất nhiều nghĩa và rất nhiều kỳ vọng. Đối với đông đảo cử tri và ngày một nhiều thêm, một mô hình xã hội hàm nghĩa chấm dứt chủ nghĩa tự do mới và một sự hồi sinh của việc cung cấp phúc lợi. Những mong đợi đó rõ ràng đi ngược lại với những tham

https://tieulun.hopto.org

vọng của giai cấp thống trị châu Âu đang muốn hội nhập một số bộ phận của lao động có tổ chức vào một dự án tập đoàn tư bản để thành lập một khối thương mại cạnh tranh trong nền kinh tế thế giới. Chủ trương chính trị của Con đường thứ ba là nhằm điều hòa những khát vọng đối nghịch đó. Chẳng hạn, việc đưa ra công thức hài hòa công bằng và hiệu quả. Những chủ trương chính trị đó sẽ đưa tới kết quả phục hồi sự thoả nhượng giữa lao động và tư bản sau chiến tranh.

Con đường thứ ba yếu mệnh. Như trình bày ở phần trên, khả năng của nền kinh tế Hoa Kỳ thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế thế giới đã bị chững lại vào lúc khởi đầu sự suy thoái năm 2001, và triển vọng nước Mỹ sẽ tiếp tục làm đầu tàu trong tương lai khá mờ mịt. Sự dựa dẫm vào nền kinh tế Hoa Kỳ có thể sẽ tăng lên do những bất hoà không vượt qua được của các quốc gia thành viên châu Âu. Trái với sự cảm nhận khá rộng rãi và những nhà nước không có quyền lực, chính sự cạnh tranh giữa các quốc gia thành viên là trở ngại chính cho hội nhập châu Âu. Nếu không có được những chính sách khu vực đồng bộ, châu Âu không thể nào tiếp quản vai trò lãnh đạo kinh tế thế giới của Hoa Kỳ.

Không có một nền kinh tế châu Âu mạnh, sự thoả nhượng giữa lao động và tư bản không có nền tảng vật chất, và vì lý do đó, mọi trao đổi về Con đường thứ ba sớm bị từ bỏ. Khi các chính phủ trung tả tiến gần và gần hơn chính trị của bảo thủ tiền nhiệm, họ mất đi nhanh chóng sự hậu thuẫn của cử tri. Các Đảng Bảo thủ ở phần lớn các quốc gia thành viên EU đã có khả năng giành lại quyền lực sau một đoản khúc "chủ nghĩa Con

https://tieulun.hopto.org

đường thứ ba". Hơn thế nữa, sự thất bại của Con đường thứ ba còn mở lối đi cho một số các Đảng cực hữu tiếp tục các chính sách chống châu Âu. Liên quan tới vấn đề này, chẳng những sự điều chỉnh các hệ thống phúc lợi ở châu Âu trước thay đổi của kinh tế thế giới bị thất bại, mà sự hội nhập châu Âu còn bị một phản đòn mạnh của xu hướng dân tộc.

Liên minh châu Âu không trở thành một mẫu hình xã hội, một phương án thay cho tái cơ cấu tự do mới. Thay vào đó, nó chỉ giản đơn là một khối thương mại mà cho đến nay tỏ ra quá yếu để có thể thách thức bá quyền Hoa Kỳ, nhưng cũng đủ mạnh để thỉnh thoảng gây nên những chấn động đối với các kế hoạch bá quyền Hoa Kỳ. Trong lúc này, các khối thương mại cạnh tranh có thể mang thêm đến những căng thẳng và bất ổn định quốc tế. Chúng sẽ tiếp tục gây trở ngại cho ý đồ của Hoa Kỳ thu phục hoàn toàn kinh tế và chính trị của thế giới. Những thay đổi cách mạng, với các nước muốn đứng ra ngoài hệ thống tư bản, cũng có thể thách thức bá quyền Hoa Kỳ một lần nữa.

https://tieulun.hopto.org

Đồng thuận hoà bình Jakarta

Hội nghị Jakarta

Giới thiệu

Gây ra biết bao chết chóc và tàn phá, cuộc tấn công Irắc của Hoa Kỳ đã sinh thành một phong trào chống chiến tranh toàn cầu kỳ diệu mang tính lịch sử mà ngay cả tờ *New York Times (Thời báo Niu Oóc)* cũng phải gọi là "một siêu cường khác của thế giới". Ý nghĩa không thể nào phủ nhận được của phong trào này đã được chứng minh hùng hồn với các cuộc biểu tình, tuần hành quần chúng có sự phối hợp quốc tế trên khắp toàn cầu vào ngày 15 tháng Hai 2003.

Tiếp sau sự tấn công và chiếm đóng Irắc của siêu cường, các đại diện của siêu cường kia lập tức tập hợp lại tại Jakarta để đánh giá tình hình và đề ra những kế hoạch mới và chiến lược mới.

Cuộc hội nghị được tổ chức rất khẩn trương ở Jakarta, Inđônêxia từ ngày 19 đến 21 tháng Năm 2003 mở ra cho mọi

https://tieulun.hopto.org

người, thu hút những người tham dự đến từ một số những liên minh và các nhóm vì hoà bình và công lý lớn nhất trong các quốc gia và khu vực trên khắp thế giới.

Bao gồm đại diện của Liên minh hoà bình châu Á (Asian Peace Coalition), một mạng lưới rộng rãi các tổ chức chống chiến tranh ở khắp châu Á; Liên minh ngăn chặn chiến tranh của Anh Quốc, người tổ chức cuộc biểu dương lịch sử ở Luận Đôn; tổ chức Thống nhất vì hoà bình và công lý; Diễn đàn xã hội Italia, người đóng vai trò then chốt tổ chức cuộc tuần hành một triệu người trong quá trình diễn ra Diễn đàn xã hội châu Âu; Tổ chức "Nói không với chiến tranh" Istanbul, chịu trách nhiệm các hoạt động quần chúng ở Thổ Nhĩ Kỳ; và "Sách vở chứ không phải bom đạn", một phong trào của học sinh - sinh viên Ôxtrâylia và nhiều liên minh chống chiến tranh khác.

Cùng tham dự còn có các nhà hoạt động dân chủ Irắc, những nhà tổ chức Diễn đàn xã hội thế giới sắp tới ở Ấn Độ, đại biểu của "Tuần hành của phụ nữ thế giới", các công đoàn Inđônêxia, Diễn đàn chống tư nhân hóa Nam Phi, Greenpeace (Hòa bình xanh), Tiêu điểm phương Nam toàn cầu và Jubilee South (Tổ chức đòi xoá nợ cho các nước nghèo ở phương Nam). Một số đại biểu đã đăng ký tham dự nhưng không được Inđônêxia cấp phép nhập cảnh, gồm Pakixtan, Palextin và một đại biểu Irắc cư trú ở Nhật Bản.

Các đại biểu đến từ: Ápganixtan, Ôxtrâylia, Braxin, Canada, Đông Timo, Pháp, Hồng Kông, Ấn Độ, Inđônêxia, Irắc, Ixraen, Italia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Libăng, Malaixia, Hà

https://tieulun.hopto.org

Lan, Nicaragoa, Philíppin, Nam Phi, Tuynidi, Thổ Nhĩ Kỳ, Vương quốc Anh, và Hoa Kỳ.

Sau ba ngày tranh luận và trao đổi sôi nổi, các đại biểu đã đi tới một văn bản "Đồng thuận hoà bình Jakarta", một tuyên bố thống nhất và một kế hoạch hành động đặc biệt được nhất trí sẽ chuyển tới các phong trào hoà bình và công lý toàn cầu. Bản đồng thuận sẽ được dịch sang các thứ tiếng Arập, Pháp, Tây Ban Nha, Bahasa Indônêxia, Italia, v.v. và sẽ được trình bày tại cuộc hội nghị chiến tranh ở Evian ngày 31 tháng Năm 2003.

https://tieulun.hopto.org